**Ngày dạy: 5,6/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 5**

***Tiết 21,22 – Văn bản*:**

**HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ ( HỒI 14)**

**( Ngô Gia Văn Phái)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Bước đầu làm quen với thể loại tiểu thuyết chương hồi.

- Thấy được vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận bi thảm của bọn vua quan phảm nước, hại dân.

**2. Kỹ năng** :

- Hiểu được diễn biến truyện, giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.

- Biết được giá trị nghệ thuật của lối văn trần thuật kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động

- Rèn cho học sinh kỹ năng đọc- hiểu tiểu thuyết chương hồi.

**3. Thái độ:**

**-** Hình thành thói quen yêu nước, tự hào dân tộc đồng thời căm thù bọn bán nước hại dân.

- Trân trọng những người anh hùng dẹp giặc cứu nước

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ.

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.

- Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vận quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.

**2. Kỹ năng** :

- Quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ.

- Cảm nhận sức trỗi dậy kì diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

**3. Thái độ:**- Ca ngợi hình ảnh người anh hùng Quang Trung.

**4. Tích hợp giáo dục ANQP:**

- Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với thực tế

- Sức trỗi dậy kì diệu của tinh thần dân tộc, tự hào dân tộc đồng thời căm thù bọn bán nước hại dân

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**- Máy chiếu, bảng phụ, bản đồ lịch sử về phong trào Tây Sơn .

- Các tư liệu về tác giả, tác phẩm

- Cả tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Trò:** - Truy cập trên mạng tìm hiểu và sưu tầm các thông tin về tác giả, tác phẩm.

- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.

- Trả lời các câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:( 4-5p)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

*H1: GV kiểm tra phần trắc nghiệm (1 HS)*

1. Ý nào nói đóng nhất giá trị nghệ thuật của những chi tiết thần kì ở cuối tác phẩm?

A. Làm hoàn chỉnh thêm vẻ đẹp của Vũ Nương. C. Thể hiện tính bi kịch của tác phẩm.

B. Tạo nên kết thúc có hậu cho tác phẩm. **D**. Cả A,B,C đều đóng.

2. Nhận định ***không đóng*** với nghệ thuật truyện ***"Chuyện người con gái Nam Xương”?***

**A.** Sử dụng biện pháp nói quá. C. Khắc họa tâm lí nhân vật sâu sắc

B. Xây dựng cốt truyện li kì, hấp dẫn. D. Kết hợp tự sự với trữ tình.

H2. Kể tóm tắt truyện ***“Chuyện người con gái Nam Xương”*** theo ngôi kể của Vũ Nương (hoặc Trương Sinh).

H3. Những yếu tố thần kì, hoang đường đã được kết hợp với những yếu tố hiện thực trong truyện ntn? Sự kết hợp ấy có tác dụng nghệ thuật gì?

**\* Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV cho hs quan sát bản đồ Tây Sơn, yêu cầu hs nhận xét về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  **TIẾT 22,23- Văn bản Hoàng lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)** | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 60’)**

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. Hư­ớng dẫn HS đọc.** | | | **I.HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. HS đọc.** | | | ***Kĩ năng đọc –***  ***trình bày 1 phút***  **I.Đọc - Chú thích.**  ***1. Đọc, tóm tắt.*** | | | **15’** | |
| *\*GV hướng dẫn cách đọc*: rõ ràng, mạch lạc, chú ý chi tiết miêu tả chiến thắng lẫy lừng của Quang Trung và sự thảm bại của lũ cướp nước, bán nước.  *\* GV gọi đọc, gọi tóm tắt, nhận xét? GV sửa.* | | | *+ HS nghe GV hướng dẫn cách đọc, HS đọc nối tiếp, cả lớp nghe, nhận xét.*  *- 1 HS tóm tắt, cả lớp nghe, bổ sung.*  - Các tướng nhà Tây Sơn cấp báo tình hình quân Thanh về Phú Xuân và chia quân chặn giặc.  - Bắc Bình Vương lập đàn tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế, hạ lệnh xuất quân. Ra đến Nghệ An dừng lại tuyển binh, phủ dụ dân chúng – Thần tốc ra Tam Điệp bày binh bố trận, hẹn ngày chiến thắng → tiến đánh Thăng Long → chiến thắng vang dội.  - Quân Thanh – vua tôi nhà Lê hoảng hốt bỏ chạy. | | |  | | | Sử dụng máy chiếu, chiếu tác phẩm. | |
| **2.HD HS tìm hiểu chú thích.** | | | **2. HS tìm hiểu chú thích.** | | | ***2. Chú thích :*** | | |  | |
| \* *GV cho HS chuẩn bị trước ở nhà, trên lớp yêu cầu các tổ báo cáo kết quả chuẩn bị, GV nhận xét, cho điểm, bổ sung.*  H. Hãy nêu những hiểu biết của em về nhóm tác giả và tác phẩm ?  H. Nêu xuất xứ của đoạn trích ?  *\* GV bổ sung thông tin về tác giả và nội dung đoạn trích.*  + Ngô Thì Chí (1753- 1788- 7 hồi đầu), là em ruột Ngô Thì Nhậm, làm quan dưới triều Lê- Trung thần với nhà Lê.),  + Ngô Thì Du. (1772- 1840- là anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí, học giái nhưng không đỗ đạt. Thời Tây Sơn ông ẩn mình ở Kim Bảng Hà Nam, thời Nguyễn ông làm đốc học ở Hải Dương.- 7 hồi tiếp).  + Tác phẩm ghi chép những sự kiện lịch sử xã hội có thực ở thời điểm thật và nhân vật có thật: cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19 ( từ khi chúa Trịnh Sâm chết đến khi Gia Long Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn thống nhất đất nước.). Đầu mỗi hồi là 2 câu thơ 7 chữ, cuối mỗi hồi là câu " muốn biết thế nào...sẽ rõ". | | | ***+*** *HS chuẩn bị trước ở nhà, trên lớp tổ trưởng báo cáo kết quả chuẩn bị, tổ khác nhận xét, nghe GV bổ sung, cho điểm.*  ***\* Tác giả:*** Ngô gia văn phái  - Do một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai (nay thuộc tỉnh Hà Tây)  - Hai tác giả chính viết chủ yếu là : Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du  ***\* Tác phẩm :***  - Là cuốn tiểu thuyết lịch sử gồm 17 hồi, viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi; ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của XHVN cuối thế kỉ XVIII- đầu XIX=> Phản ánh hiện thực xã hội VN.  ***\* Vị trí đoạn trích:***  - Hồi thứ 14 kể về lần ra Bắc thứ 3 của Quang Trung. Đoạn trích dựng lên bức tranh sinh động về người anh hùng Nguyễn Huệ và sự thảm bại nhục nhã của bọn xâm lược và bọn bán nước | | | *a. Tác giả :*  - Ngô Gia Văn Phái.  *b.Tác phẩm:*  - Là cuốn tiểu thuyết lịch sử viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi.  - Gồm 17 hồi.  - Văn bản là phần trích hồi thứ 14 là hồi trung tâm kể về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh mùa xuân 1789. | | |  | |
| *\* Hướng dẫn hs tìm hiểu một số từ khó*: 1, 2, 6, 7...bằng phương pháp đàm thọai. | | | *+ Đàm thoại các chú thích theo hướng dẫn.*  *- Nghe ghi vở.* | | | *c. Từ khó:*  - Giải nghĩa từ: 1, 2, 6, 7... | | |  | |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | **II. HS tìm hiểu văn bản.**  ***(Hình thành các kĩ năng: Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm)***  **1. HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1.Tìm hiểu khái quát** | | | **60-65p** |
| *\* GV nêu vấn đề: Trình bày những hiểu biết của em về văn bản ở những khía cạnh sau bằng kĩ thuật KTB.*  + Thể loại  + Phương thức biểu đạt.  + Nội dung.  + Ngôi kể.  + Nhân vật.  + Bố cục.  \* GV chốt, chiếu trên máy, ghi bảng. | *+ Phân công trong nhóm làm việc theo kĩ thuật KTB.*  *- Làm việc độc lập.*  *- Thống nhất trong nhóm.*  *- Đại diện hs trình bày.*  *- 2 HS nhận xét. Nghe GV bổ sung, ghi nhanh vào vở*  ***+ Thể loại:*** chí ( tiểu thuyết chương hồi- một thể văn vừa có tình văn học vừa có tính lịch sử)  ***- PTBĐ***: Tự sự + miêu tả + BC  ***- Ngôi kể***: ngôi thứ 3 số ít mang tính khách quan chân thực.  ***- Nội dung:*** - Miêu tả chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung và sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận của lũ vua quan phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống.  ***- Nhân vật:*** Hai tuyến nhân vật đối lập Quang Trung cùng quân Tây Sơn – Lê Chiêu Thống và bè lũ cướp nước  ***- Bố cục: 3 phần***  -**Đ1**:Từ đầu…lên đường raBắc: Quang Trung chuẩn bị tiến quân ra Bắc.  -**Đ2**: Tiếp…kéo vào thành→ Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.  - **Đ3:** Phần còn lại: hình ảnh thất bại thảm hại của quân xâm lược nhà Thanh và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống. | | | | | | - Thể loại: chí ( tiểu thuyết chương hồi)  - PTBĐ: Tự sự + miêu tả + biểu cảm.  - Ngôi kể: ngôi thứ 3 số ít  - Nội dung:  - Nhân vật: Hai tuyến nhân vật đối lập  - Bố cục: 3 phần | | | Có thể cho HS ghi ra giấy nháp, sau đó thống nhất trong nhóm  -Lưu ý HS về đặc điểm truyện trung đại từ các yếu tố khái quát. |
| **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | | | | | **2.Tìm hiểu chi tiết** | | |  |
| *\* GV nêu yêu cầu:*  H. Nổi bật trong hồi 14 là hình tượng nhân vật nào?  H. Quan sát phần 1 văn bảnVB và cho biết khi nhận được tin cấp báo, Nguyễn Huệ có thái độ, hành động ntn ?  *\* GV chiếu các sự việc trên máy cho HS quan sát.* | *+ Quan sát, phát hiện chi tiết, chỉ rõ thái độ, hành động, nêu ý nghĩa của sự việc. Trả lời cá nhân. HS khác bổ sung*  **\* Thái độ hành động :**  - Nghe tin cấp báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay.  - Họp các tướng sĩ – lên ngôi hoàng đế , đổi niên hiệu  - Hạ lệnh xuất quân, tự mình đốc xuất đại binh cả thuỷ lẫn bộ cùng ra đi, Tổ chức hành quân thần tốc đi suốt đêm ngày ra Nghệ An  - Gặp Nguyễn Thiếp tranh thủ ý kiến  - Mộ thêm quân (3 xuất đinh lấy một người), mở cuộc duyệt binh, phủ dụ binh lính, hạ lệnh tiến quân.  - Hoạch định kế hoạch hành quân, đối phó với nhà Thanh và kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng.  - Mở tiệc khao quân trước Tết, hứa hẹn đón năm mới ở thành Thăng Long. | | | | | | **a.Hình ảnh người anh hùng Quang Trung-Nguyễn Huệ**:  **\* Quang Trung chuẩn bị tiến quân ra Bắc:**  - Họp tướng sĩ- lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu.  - Hạ lệnh xuất quân, hành quân thần tốc.  - Hỏi ý kiến Nguyễn Thiếp.  - Mộ thêm quân, duyệt binh, phủ dụ quân lính.  - Hoạch định kế hoạch hành quân, đối phó với nhà Thanh và kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng.  - Mở tiệc khao quân trước... | | | Tớch hợp kiến thức lịch sử, địa lí |
| H. Việc Quang Trung lên ngôi hoàng đế nhằm mục đích gì? | *+ Trả lời cá nhân.*  - Khẳng định uy danh của mình, thu thập nhân tâm về một mối. | | | | | |  | | |  |
| \* GV nêu yêu cầu: Đọc thầm lời dụ của Nguyễn Huệ đối với quân lính. Nhận xét về lời dụ đó? ( Lời lẽ, lí sự? Tác dụng?) Lời dụ đó có tác động tới tướng sĩ ntn? | *+Đọc thầm, thảo luận bàn, rút ra nhận xét.*  \* Lời lẽ ôn tồn, nghiêm trang, lí sự xác đáng  \* Tác dụng : động viên, khẳng định chủ quyền dân tộc. Nêu bật chính nghĩa của ta phi nghĩa của địch và dã tâm xâm lược của chúng , nhắc lại truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực, giữ kỉ luật nghiêm, thống nhất ý chí-> khích lệ lòng yêu nước, truyền thống quật cường của dân tộc. | | | | | | - Lời dụ khích lệ được lòng yêu nước của quân sĩ | | |  |
| H.Qua lời nói và các đối xử của Quang Trung đối với Nguyễn Thiếp, Sở Lân, Nhậm ta thấy Quang Trung là người như thế nào?  **GV:** *Mới khởi binh đánh giặc mà vua Quang Trung đã tự tin cho rằng* ***“Phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”*** *lại còn tính sẵn kế hoạch ngoại giao sau này “Nước lớn gấp mười nước mình’. Khi bị thua, ắt lấy làm thẹn, việc binh đao không bao giờ dứt...người khéo léo...Không phải Ngô Thì Nhậm..., thậm chí ông còn nói kín với các tướng sĩ “ ta với các người...nói khoác, khao quân* ***”***  ***->*** Tầm nhìn xa trông rộng của nhà chính trị có tư tưởng chuộng hoà bình, có niềm tin tuyệt đối vào chiến thắng. | *+ HS trao đổi nhóm cặp đôi*  - Đối với Thiếp → thể hiện ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng tự tin ngay từ khi khởi binh của Quang Trung.  - Đối với Sở, Lân, Nhậm: Hiểu sở trường, năng lực của bề tôi, phân tích đóng sai, hiểu người, hiểu việc, khen chê đóng mức, độ lượng, công minh.=> Sáng suốt, nhạy bén, mưu lược trong việc xét đoán và dùng người***.*** | | | | | | - Sáng suốt, nhạy bén, mưu lược trong việc xét đoán và dùng người***.***  - Thể hiện ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng | | |  |
| H. Qua thái độ và hành động của Nguyễn Huệ ta thấy ở ông có những phẩm chất tốt đẹp nào trước những biến cố lớn của lịch sử ?  *\* GV chốt, chuyển ý:* | + *Suy nghĩ, trả lời cá nhân.*  - Ngay thẳng cương trực → căm ghét bọn xâm lược và kẻ bán nước, biết nghe lẽ phải.  - Bình tĩnh, hành động nhanh gọn, kịp thời mạnh mẽ, quyết đoán, tầm nhìn xa trông rộng, nhạy bén trước thời cuộc.  - Có trí tuệ sáng suốt, sâu xa, nhạy bén => Là vị vua yêu nước vì nghĩa lớn,đó là nền độc lập tự do của dân tộc. | | | | | | - Nhà chỉ huy quân sự sắc sảo.  - Nhà chính trị nhạy bén và tự tin***.***  => Là vị vua yêu nước vì nghĩa lớn, đó là nền độc lập tự do của dân tộc. | | |  |
| *\*GV yêu cầu hs đọc thầm và theo dõi đoạn 2 sgk.*  ? Nếu hình dung cuộc tiến quân của Quang Trung vào Thăng Long bằng 1 sơ đồ ghi những chiến thắng thì sơ đồ đó sẽ ntn?  H. Hãy chứng minh tài dùng binh của Nguyễn Huệ được thể hiện qua 3 trận đánh Phú Xuyên và Hạ Hồi, Ngọc Hồi?  H. Em có nhận xét gì về cách đánh của quân Tây Sơn? Đó là cách đánh ntn?  ***\* Tích hợp giáo dục ANQP:***  ***Chiếu hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch Điện Biên Phủ lên máy chiếu.***  H. Hình ảnh của Quang Trung trong chiến trận? Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về hình tượng vua Quang Trung?  *\* Cho HS làm việc theo kĩ thuật KTB (3')*  *\* GV bổ sung, bình chốt*: *Tài điều binh khiển tướng của vua Quang Trung khiến cho quân giặc khiếp vía, kinh hồn tưởng rằng* ***Tướng ở trên trời rơi xuống, quân ở dưới đất chui lên****ằ. Chỉ huy một chiến dịch lớn quan trọng như vậy nhưng ông vẫn tỉnh táo, ung dung, oai phong lẫm liệt vào thành trước 2 ngày so với dự định.Quang Trung quả là một người chỉ huy quân sự sắc sảo, nhà chính trị có nhãn quan rất nhạy bén, tự tin. Một hình tượng đẹp về người anh hùng trong văn học cổ, trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm…-> mang tính sử thi.* | *+ HS đọc thầm đoạn 2.*  *- Thực hiện yêu cầu của GV theo kĩ thuật KTB .*  *- Đại diện trình bày.2em nhận xét.*  **+ Trận Phú Xuyên** : Vừa thấy bóng quân Tây Sơn, bọn nghĩa binh trấn thủ ở đó cùng quân Thanh đi do thám tan vỡ tháo chạy, quân Tây Sơn bắt sống hết không còn một tên.  **- Trận Hạ Hồi** : Nửa đêm bí mật vây kín làng, bắc loa gọi, quân lính dạ ran → địch trong đồn sợ  -> đầu hàng.  **- Trận Ngọc Hồi** → cho quân lính lấy “ván ghép phủ rơm, dấp nước làm mộc che. Khi giáp lá cà thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao chém bừa...”. Kẻ thù khiếp vía chẳng mấy chốc đã thua.  - Đánh bằng nhiều mũi tiến công – mũi chính do QTrung chỉ huy - đánh giáp lá cà, các mũi phụ bao vây...  - Quân Thanh dẫm lên nhau mà chết, chạy tán loạn... Thái Thú Sầm Nghi Đống tự thắt cổ mà chết.  **+ H/ả Vua QTrung** : ‘Cưỡi voi đốc thúc trong cảnh khói toả mù trời → có sách ghi tấm áo bào đỏ → đen sạm khói súng.. | | | | | | **\* Quang Trung đại phá quân Thanh**.  Sơ đồ:  Phú Xuyên-> Hạ Hồi-> Ngọc Hồi.  + Cách đánh: bí mật, thần tốc, bất ngờ, mềm mại mà quyết liệt ,đảm bảo thắng lợi mà không gây thương vong.  + Hình ảnh vua Quang Trung: Hình tượng tuyệt vời của một ông vua anh hùng, tài giái, nhân đức, quả cảm, có tài cầm quân. | | |  |
| H. Hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả các trận đánh ? Tác dụng?  *\* GV cho HS thảo luận theo 4 nhóm, gọi trình bày, nhận xét, GV bổ sung, chốt.*  H. Nguồn cảm hứng nào khiến các tác giả viết hay và tạo dựng hình tượng người anh hùng dân tộc thành công đến thế ?  *\* GV nêu câu hỏi dành cho HS khá giái.*  *\* GV bổ sung:* Tuy họ là những cựu thần, chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê, nhưng sự thực là vua Lê hèn yếu, cõng rắn cắn cả nhà, còn Quang Trung là một vị anh hùng có công đánh giặc ngoại xâm, nên không thể viết sai sự thật. | *+ Thảo luận theo 4 nhóm, đại diện trình bày, nhận xét. Nhóm khác bổ sung, nghe GV chốt*  -Nghệ thuật miêu tả các trận đánh: sinh động, mang đậm chất sử thi. Tính lịch sử đan xen tính văn học của thể chí đã được bộc lộ rất rõ ràng trong phần văn bản này.  - Phương pháp trần thuật kết hợp tả + kể.  - Miêu tả cụ thể lời nói, hành động của nhân vật chính, từng trận đánh và những mưu lược tính toán  **\* Tác dụng**:nổi bật thế đối lập giữa một bên tổ chức nghiêm minh, mạnh mẽ, xông xáo >< xộc xệch, trễ nải, run sợ.  *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân( Câu hỏi dành cho HS khá giái)*  - Quân điểm của các tác giả là phản ánh hiện thực, cảm hứng tự hào, ý thức dân tộc và tôn trọng sự thật lịch sử .  - Khi tả các trận đánh dựa trên lập trường tư tưởng dân tộc và tinh thần yêu nước đã tạo nguồn cảm hứng khiến cho những trang viết về ông chân thực, có màu sắc sử thi. | | | | | |  | | |  |
| *\* GV yêu cầu hs theo dõi phần còn lại của VB.*  H.Trong khi quân Tây Sơn tiến đánh như vũ bão thì quân tướng nhà Thanh đã làm gì? Hậu quả ra sao?  H. Nguyên nhân thất bại của quân Thanh là gì?  *\* GV:* Nói qua về mục đích của T.S.Nghị khi kéo quân sang An Nam nhằm mục đích riêng không muốn tốn xương máu. | *+ Suy nghĩ cá nhân trả lời.*  **\* Quân tướng nhà Thanh.**  + Lúc đầu: Không chú ý đề phòng, trong ngày Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, cho quân lính mặc sức tung hoành, không hề lo chi đến bất trắc.  - Tôn Sĩ Nghị xem thường cho là vô sự, không đề phòng, không được tin cấp báo***.=> Chủ quan, mất cảnh giác***  **- Khi quân Tây Sơn đến nơi :**  ***+ Tướng*** : - Tôn Sĩ Nghị là một tên tướng bất tài, kiêu căng tự mãn, chủ quan khinh địch không lo phòng bị → khi bị đánh : ***sợ mất mật*** ngựa không kịp đứng yên, người không kịp mặc áo giáp.  ***+ Quân*** : Lúc lâm trận ***rông rời, sợ hãi,*** xin hàng, bỏ chạy, giày xéo lên nhau mà chết, hoảng sợ tan tác, mạnh ai nấy chạy, ko dám nghỉ. | | | | | | **b.Số phận kẻ xâm lược và bè lũ bán nước**:  **\* Quân xâm lược nhà Thanh**:  +Lúc đầu: Chủ quan, mất cảnh giác  +Về sau.  - Tướng : sợ mất mật-> Tướng bất tài, huyên hoang kiêu căng, quân ô hợp, không có kỷ luật.  **=> *Thất bại thảm hại*** | | |  |
| H. Vua tôi Lê Chiêu Thống đã có hành động ntn khi Ngọc Hồi thất thủ? Em đánh giá gì về bè lũ bán nước?  *\* Gv nhận xét, sửa chữa.* | *+ HS phân tích, rút ra nhận xét, đánh giá của bản thân về bè lũ bán nước.*  **\* Bọn vua tôi Lê chiêu Thống**.  - Vua Lê Chiêu Thống cùng với bọn thân tín đưa Thái hậu ra ngoài, chạy bán sống bán chết, cướp thuyền của dân chài để qua sông, luôn mấy ngày không ăn.  - Đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt...xấu hổ, gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người. | | | | | | **b/ Bọn vua tôi Lê Chiêu Thống *=>***- Hèn mạt, vô dụng, ôm chân giặc, thất bại nhục nhã.  -> Kết quả không thể tránh khỏi cho bọn bán nước cầu vinh.***.=> kết cục bi thảm, nhục nhã.*** | | |  |
| H.Cuộc gặp gỡ giữa Tôn Sĩ Nghị và bọn vua tôi nhà Lê có ý nghĩa như thế nào?  H. Lời từ biệt của Lê Chiêu Thống với Tôn Sĩ Nghị có hàm ý sâu xa gì? | *+ Suy nghĩ, trả lời*  - Mỉa mai Tôn Sĩ Nghị vì theo lời Lê Chiêu Thống thì "Nhờ oai linh may được nên việc" nhưng đâu mà oai linh khi mà Tôn Sĩ Nghị còn sợ mất vía phải trốn 1 cách lén lút hèn nhát.→ 1 ông vua hèn mạt bán nước cầu vinh có làm vua cũng chỉ là bù nhìn . | | | | | |  | | |  |
| H. So sánh ngòi bút của tác giả khi miêu tả 2 cuộc tháo chạy của cquân tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống có gì khác bệt? Hãy lí giải sự khác biệt đó?  *\* GV cho thảo luận theo 4 nhóm, gọi đại diện trình bày, nhận xét, GV bổ sung.* | *+ Thảo luận theo 4 nhóm, so sánh , lí giải sự khác biệt, đại diện trình bày, nhận xét.*  - Đều là tả thực với những chi tiết cụ thể nhưng âm hưởng khác nhau :  ***- Quân tướng nhà Thanh*** : nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả. Miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa vẻ hả hê, sung sướng của người thắng trận trước sự thảm bại của bọn cuớp nước.  ***- Vua tôi Lê Chiêu Thống*** : nhịp điệu chậm, miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt người thổ hào-> thương cảm, cảm thấy tủi hổ, ngậm ngùi, chua xãt. | | | | | |  | | |  |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.**  *\* GV nêu yêu cầu:*  H.Nêu những thành công về giá trị nghệ thuật của văn bản?  H.Những thành công về giá trị nghệ thuật góp phần làm nên những thành công gì về giá trị nội dung?  H. Qua tìm hiểu văn bản em rút ra ý nghĩa gì?  *\* GV khái quát nội dung, nghệ thuật ý nghĩa của văn bản, rút ghi nhớ, gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 72. Cho làm BTTN củng cố*  *- Phát phiếu bài tập.*  1. Nhận định nào nói đóng và đủ về người anh hùng Nguyễn Huệ?  A. Có hành động mạnh mẽ, quyết đoán.  B. Có trí tuệ nhạy bén, sáng suốt.  C. Có ý chí quyết tâm và tầm nhìn xa, trông rộng.  D. Có tài dùng binh như thần.  E.Oai phong lẫm liệt trong trận chiến.  F. Kết hợp các ý trên.  2. Khi nói về cảnh vua Quang Trung cầm quân ra trận và trực tiếp chiến đấu, tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu nào?  A. Câu kể ( trần thuật) C. Câu nghi vấn  B. Câu cầu khiến D. Câu cảm thán  3. Vì sao các tác giả vốn là quan trung thành với nhà Lê nhưng vẫn viết rất trung thực và hay về Quang Trung - " kẻ thù" của họ?  A. Vì họ tôn trọng lịch sử.  B. Vì họ có ý thức dân tộc.  C. Vì họ luôn ủng hộ kẻ mạnh.  D. Cả A và B đều đóng.  - Đáp án: 1- F ; 2- A ; 3- | | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.**  *\* HS nhắc lại nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, trả lời cá nhân, cả lớp nghe, bổ sung, nghe GV chốt.*  *- 1 HS đọc ghi nhớ, cả lớp ghi nhanh vào vở. Làm bài tập TN củng cố.*  ***1. Nghệ thuật:***  - Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử.  - Khắc hoạ nhân vật lịch sử (người anh hùng Nguyễn Huệ, hình ảnh bọn giặc xâm lược, hình ảnh vua tôi Lê chiêu Thống) với ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động.  - Có giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều nhà Lê, với chiến thắng của dân tộc và với bọn giặc cướp nước.  ***2. Nội dung.***  - Với quan điểm lịch sử đóng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh; sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.  ***3.Ý nghĩa văn bản:***  - Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thăng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789). | | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết**:  ***1. Nghệ thuật.***  ***-*** Lựa chọn trình tự kể, khắc họa nhân vật lịch sử đậm nét  ***2. Nội dung.***  - tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh;  - sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôI Lê Chiêu Thống.  ***3.Ýnghĩa văn bản:*** Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thăng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789).  **\**Ghi nhớ SGK/72*** | **10-15’** | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 8 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | | | |
| **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  H.Phát biểu cảm nhận của em về đoạn trích sau khi đã học?  H.Khí thế chiến thắng của quân ta và thất bại thảm hại của quân giặc trong văn bản này giống với văn bản nào đã học? (Tích hợp) | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV.HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  *- HS nêu tự do cảm nhận sau khi học văn bản.*  *+Liên hệ, trả lời cá nhân.* | | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**:  **1. Bài 1.**  **2. Bài 2.**  - Giống với khí thế chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn trước giặc minh xâm lược TK 16 trong "Bình Ngô Đại Cáo" của Nguyễn Trãi | | | | | **8p** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs:Em có nhận xét gì về lòng yêu nước của người Việt Nam trong thời hiện đại ngay nay ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Viết đoạn văn (8-10 câu) nêu cảm nhận của em về người anh hùng áo vải Quang Trung sau khi học xong văn bản? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản( hồi thứ 14)và nội dung phần Ghi nhớ.

- Hoàn thiện bài tập.

- Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.

- Nắm được nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản “Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh”

***2. Chuẩn bị bài mới:*** - Đọc và soạn bài "*Sự phát triển của từ vựng” (tiếp)*

*-* Tìm một số từ mới được mượn từ nước ngoài.

**\* Rút kinh nghiệm**

**- Hướng dẫn hs gạch ý chính trong Sgk**

**- Hướng dẫn hs tìm hiểu trước về lịch sử có liên quan**

**- Cần lưu ý thời gian**

**Ngày dạy: 6-8/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 5**

**Tiết 23**

**SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG** (TIẾP THEO)

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Nắm được thêm hai cách quan trọng để phát triển của từ vựng Tiếng Việt

- Biết được hiện tượng phát triển của từ vựng của một ngôn ngữ bằng cách tăng số lượng từ ngữ nhớ: Tạo thêm từ mới , Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài

**2. Kỹ năng** :

- Rèn cho học sinh kỹ năng phát hiện và sử dụng từ mới.

**3. Thái độ**:

- Hình thành thói quen say mê khám phá kiến thức.

- Vận dụng khi làm bài tập làm văn

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** : - Việc tạo nghĩa từ mới

- Việc mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài..

**2. Kỹ năng** : - Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài..

- Sử dụng từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài phù hợp.

**\* Tích hợp kĩ năng sống**

- Giao tiếp: trao đổi về sự phát triển của từ vựng tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng tiếng Việt.

- Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

**\*GD môi trường:** Sự biến đổi và phát triển nghĩa từ liên quan đến MT,mượn từ ngữ nước ngoài về môi trường.

**3. Thái độ:** Có ý thức chọn lọc sử dụng các từ phát triển theo nghĩa mới và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**- Máy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập, tư­ liệu ngữ văn.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trò:**- Đọc và tìm hiểu hai cách quan trọng để phát triển của từ vựng Tiếng Việt là tạo từ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

1, Hãy cho biết tại sao lại có sự biến đổi từ và cách phát triển nghĩa của từ ntn ? Cho thí dụ?

2, Từ “cổ” trong câu ca dao sau được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Chuyển theo phương thức nào? “ **Cổ** tay em trắng như ngà, Đôi mắt em sắc như là dao cau” -> Cổ: chuyển: theo phương thức ẩn dụ

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV cho hs quan sát một số từ ngữ mới xuất hiện trong thời gian gần đây: Cầu truyền hình, truyền hình cáp... và yêu cầu hs nhận xét.  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  **Tiết 25:** Sự phát triển của từ vựng (Tiếp theo) | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 13- 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu cách tạo từ ngữ mới.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I.HS tìm hiểu cách tạo từ ngữ mới.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I .Tạo từ ngữ mới**  ***1. Ví dụ.*** | |  |
| *\* GV ghi các từ trong sách giáo khoa lên bảng phụ, yêu cầu HS đọc ?*  H.Hãy cho biết trong thời gian gần đây có những từ ngữ nào mới được cấu tạo trên cơ sở các từ trên?  H. Giải nghĩa của những từ ngữ mới cấu tạo đó?  H. Nêu cách tạo từ mới và em có thể rút ra một công thức mẫu ?) | *+ HS quan sát trên máy chiếu, kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác qua kĩ thuật động não,dùng phiếu học tập.*  a/ Điện thoại+ di động -> ***điện thoại di động*** là điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo người sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao.  + Kinh tế +Tri thức-> ***Kinh tế tri thức***: nền KT chủ yếu dựa vào việc sản xuất lưu thông phân phối các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao.  ***+ Đặc khu kinh tế*** : khu vực dành riêng để thu hút vốn đầu tư và công nghệ nước ngoài với những chính sách ưu đãi.  ***+ Sở hữu trí tuệ*** : quyền sở hữu đối với sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại, được pháp luật bảo hộ. | | - *Đặc khu kinh tế*:  - *Điện thoại di động*:  - *Kinh tế tri thức*:  - *Sở hữu trí tuệ...*  ***-> Có thể tạo ra một từ ngữ mới bằng cách dùng các yếu tố có sẵn ghép lại với nhau***  ***- Công thức x + y = từ mới. (các từ ghép)***  VD: Đặc khu (x) + kinh tế (y) = Đặc khu kinh tế | |  |
| *\* GV yêu cầu HS tiếp tục phát triển các từ mới theo mẫu: x + tặc (x là từ đơn, tặc: kẻ phá hoại) và giải thích ý nghĩa các từ tìm được?*  H. Từ ví dụ trên, em thấy, người ta có thể tạo ra những từ ngữ mới bằng cách ntn ? | *+ Trao đổi nhóm bàn, tìm nhanh.*  - Lâm tặc : Kẻ cướp tài nguyên rừng.  - Không tặc : Kẻ chuyên cướp trên máy bay.  -Hải tặc:Kẻ chuyên cướp trên tàubiển.  - Tin tặc : Kẻ dùng kĩ thuật xâm nhập trái phép vào dữ liệu trên máy tính của người khác để khai thác và phá hoại.  - Nghịch tặc : Kẻ phản bội làm giặc.  - Gian tặc : Kẻ gian manh trộm cướp. | | ***- Người ta có thể tạo ra một từ mới bằng cách ghép một từ cho sẵn với một từ khác theo mẫu x + tặc.*** | |  |
| *\* GV yêu cầu HS rút ra kết luận về việc tạo ra từ ngữ mới trong tiếng Việt?*  *\* GV khái quát, rút ghi nhớ, gọi đọc.* | *+ HS rút ra kết luận qua tìm hiểu các VD*: Tạo từ ngữ mới là làm tăng vốn từ của 1 ngôn ngữ (phát triển từ vựng)  *+1 HS đọc ghi nhớ 1, cả lớp ghi vào vở.* | | ***2. Ghi nhớ/73.***  - Tạo từ ngữ mới là làm tăng vốn từ của 1 ngôn ngữ (phát triển từ vựng) | |  |
| **II. HD HS tìm hiểu cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.** | **HS tìm hiểu cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.** | | **II.Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.** | |  |
| *\* GV gọi đọc các ví dụ mục 1?Yêu cầu cả lướp quan sát, gọi 1 HS lên bảng gạch chân ví dụ 1.a,b.*  H. Gạch chân những từ Hán Việt trong các ví dụ đó?  *\* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi mục II.2?*  H. Trong tiếng Việt có các từ nào dùng để chỉ các khái niệm sau ? Chỉ ra nghĩa gốc ?  H.Những từ này có nguồn gốc từ đâu? | *+ 1 HS đọc, cả lớp quan sát, tìm từ HV, 1 HS lên bảng gạch chân trên bảng phụ*  \*Những từ Hán Việt  a/ Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân.  b/ Bạc mệnh, duyên, phận, thần linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc, ...  \* Mượn từ tiếng Anh:  a/ AIDS – “ết, si đa”-> Hội chứng suy giảm miễn dịch (Tiếng Anh)  b/ Ma-két-tinh (Makéting-Tiếng Anh) ->nghiên cứu một cách có hệ thống những điều kiện để tiêu thụ hàng hoá ( nghiên cứu nhu cầu thị hiếu khách hàng.) | | ***1. Ví dụ***  \* *Mượn tiếng Hán.*  a/ Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân.  b/ Bạc mệnh, duyên, phận, thần linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc, ..  \**Mượn tiếng Anh.*  - AIDS - ết  - Maketing - Marketing | |  |
| H.Qua các ví dụ trên em rút ra kết luận gì về việc phát triển vốn từ tiếng Việt? | *+ HS khái quát, rút ra nhận xét, trả lời.*  - Tạo từ ngữ mới làm cho vốn từ tăng lên là 1 hình thức phát triển của từ vựng. | | **2. Ghi nhớ 2/ 74.**  - Tạo từ ngữ mới bằng cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài. | |  |
| *\* GV cho HS thảo luận nhóm, gọi trình bày, nhận xét, GV bổ sung.*  H. Vì sao phải mượn tiếng nước ngoài?  H. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn của tiếng nước nào?  H. Những từ ngữ cần mượn là những từ ngữ ntn?  *\* GV: Ta có thể mượn bằng cách dịch âm và giữ nguyên ý nghĩa của từ đó.*  H. Khi vay mượn và sử dụng các từ ngữ mới cần chú ý điều gì? | *+ HS thảo luận theo 4 nhóm, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung, nghe GV chốt.*  - Có những sự vật khái niệm mới cần được gọi tên, được biểu đạt mà trong Tiếng Việt còn thiếu những từ cần thiết và thích hợp.  - Bộ phận từ mượn quan trọng nhất : tiếng Hán, ngoài ra có T. Anh, Nga, Đức, Pháp…  *+ Suy nghĩ, trả lời*  - Các từ ngữ cần mượn: một số thuật ngữ khoa học, những từ khó dịch đóng sang Tiếng Việt hoặc TV không có chữ để dịch hoặc những từ ngữ có màu sắc biểu cảm, ý nghĩa, phong cách khác TVmà TV ko thể thay thế.  *+ Trình bày ý hiểu.*  - Khi chưa có từ phù hợp thì vay mươn, khi ta có từ ngữ mới cần chú ý sử dụng đóng hoàn cảnh, mục đích để giữ gìn sự trong sáng nghĩa của từ Tiếng Việt. | | - Nguyên nhân vay mượn:  - Nguồn gốc vay mượn: Bộ phận từ mượn quan trọng nhất : tiếng Hán, ngoài ra có tiếng Anh, Nga, Đức, Pháp…  - Các từ cần mượn: | |  |
| H. Có mấy cách phát triển từ vựng TV?  *\* GV cho HS thảo luận nhóm bàn, gọi trình bày, nhận xét.*  H. Từ vựng của 1 ngôn ngữ có thể không thay đổi được không? Vì sao?  *\* Gọi HS đọc ghi nhớ*  \* ***GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm và chuyển ý.*** | *+ HS khái quát, trả lời cá nhân.*  \* 2 cách phát triển từ vựng: phát triển nghĩa và phát triển số lượng  *+Thảo luận nhóm,trình bày nhận xét.*  - Từ vựng của một ngôn ngữ không thể không thay đổi vì: thế giới tự nhiên luôn vận động và phát triển- nhận thức của con người cũng vận động phát triển theo-> từ vựng ngôn ngữ phải thay đổi để đáp ứng nhu cầu giao tiếp và nhận thức của con người.  +*1 HS đọc ghi nhớ 1-2 trong SGK/73-74?* | | ***\* Có hai cách phát triển từ ngữ:***  - Phát triển nghĩa của từ.  - Phát triển số lượng từ ngữ. | |  |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20-22p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | |
| **III.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II.HS luyện tập, củng cố.** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III.Luyện tập.** | 18-22’ |
| *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1/74.*  H. Tìm 2 mô hình có khả năng tạo ra những từ ngữ mới? ChoVD minh hoạ?  *\* Giáo viên gọi 2- 3 học sinh trình bày bài tập mỗi học sinh chọn 1 mô hình.*  *- Giáo viên gọi nhận xét tổng hợp* | | *+ HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1. Tìm mô hình, lấy ví dụ.*  a/ x + trường : chiến trường, nông trường, ngư trường, thương trường.  b/ x + điện tử: thư điện tử, thương mại điện tử, giáo dục điện tử… | | ***1. Bài 1/74. Tìm mô hình có khả năng tạo từ ngữ mới.*** | Tớch hợp bảo vệ môi trường |
| *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 2/ 74*  *\* Giáo viên gọi 2- 3 học sinh trình bày bài tập mỗi học sinh chọn 1 mô hình.*  *- Giáo viên gọi nhận xét tổng hợp* | | *+ Tìm và giải thích ý nghĩa, trả lời.*  - ***Bàn tay vàng***: bàn tay tài giái, khéo léo hiếm có trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc kĩ thuật nhất định.  ***- Cầu truyền hình***: hình thức truyền hình tại chỗ, cuộc giao lưu đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống camêra giữa các địa điểm cách xa nhau.  - Cơm bụi, thương hiệu, công nghệ cao, đường cao tốc… | | **2. Bài 2. *Tìm và giải nghĩa các từ mới.*** |  |
| H. Xác định nguồn gốc các từ mượn tiếng hán, mượn từ các ngôn ngữ châu Âu? | | *+ Xác định, trả lời cá nhân.*  - Mượn từ tiếng Hán: mãng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế, phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ,  - Mượn từ ngôn ngữ châu Âu: xà phòng, ô tô,ra-đi-ô,ô- xi, cà phê, ca -nô | | **3. Bài 3**: ***Xác định nguồn gốc vay mượn*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs:Em có nhận xét gì về sự phát triển từ vựng trong thời hiện đại ngày nay ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  -Tìm các từ mượn trong văn bản Kiều ở lầu Ngưng Bích | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:*** - Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc cáchphát triển của từ vựn*g* .

- Đọc bài đọc thêm.

- Thử tìm hiểu 1 văn bản đã học sự phát triển của từ vựng (các từ mới và từ vay mượn)

- Hoàn thiện các bài tập vào vở bài tập.

***2. Chuẩn bị bài mới:***- Soạn : Nguyễn Du – "Truyện Kiều"

- Yêu cầu: +Tìm đọc tư liệu về "Truyện Kiều" và tác giả Nguyễn Du. Phiếu bài tập, bảng phụ

* Rút kinh nghiệm
* Phần luyện tập gv cần hướng dẫn
* Bài tập 2 khó đưa qua tiết tang
* Cần lưu ý thời gian

**Ngày dạy: 9/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 5**

**Tiết 24**

**THUẬT NGỮ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Nắm được khái niệm và những đặc điểm cơ bản của thuật ngữ.

- Biết sử dụng chính xác, có hiệu quả thuật ngữ trong các hoàn cảnh giao tiếp.

**2. Kỹ năng** :

- Nâng cao năng lực sử dụng thuật ngữ, đặc biệt trong các văn bản khoa học, công nghệ.

- Biết sử dụng các thuật ngữ về đề tài môi trường.

**3. Thái độ:**

**-** Hình thành thói quen sử dụng thuật ngữ phù hợp vớp hoàn cảnh giao tiếp

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Khái niệm thuật ngữ.

- Những đặc điểm cơ bản của thuật ngữ.

**2. Kỹ năng** :

- Tìm hiểu ý nghĩa của thuật ngữ trong từ điển.

- Sử dụng thuật ngữ trong quá trình đọc- hiểu và tạo lập văn bản khoa học, công nghệ.

**\* Các kĩ năng sống được giáo dục:**

- Giao tiếp: trao đổi về đặc điểm, vai trò, cách sử dụng thuật ngữ trong tạo lập văn bản.

- Ra quyết định: Biết lựa chọn, sử dung thuật ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng thuật ngữ cho phù hợp

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**

- Máy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập, tư­ liệu ngữ văn.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trò:**

- Đọc và tìm hiểu hai cách quan trọng để phát triển của từ vựng Tiếng Việt là tạo từ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

**Câu1: *Thế nào là cách dẫn trực tiếp?***

A: Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và đặt lời nói hay ý nghĩ đó vào dấu ngoặc kép.

B: Nhắc lại nguyên văn lời nói của nhân vật rồi đặt vào trong dấu ngoặc đơn.

C: Nhắc lại ý nghĩ của nhân vật rồi dặt vào trong dấu ngoặc kép.

D: Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và đặt sau dấu hai chấm.

**Câu 2**: ***Thế nào là cách dẫn gián tiếp?***

A: Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và đặt lời nói hay ý nghĩ đó vào dấu ngoặc kép.

B: Thay đổi toàn bộ lời nói của nhân vật rồi đặt vào trong dấu ngoặc đơn.

C: Thuật lại ý nghĩ hay lời nói của nhân vật và có sự điều chỉnh cho phù hợp

D: Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và đổi các dấu câu.

**Câu 3**: ***Lời trao đổi của nhân vật trong tác phẩm văn học( nhất là văn xuôi) thường được dẫn bằng cách nào?***

A: Gián tiếp. B: Trực tiếp

**Câu 4**: ***Nhận định nào nói đầy đủ nhất các hình thức phát triển từ vựng tiéng Việt***.

A: Tạo từ ngữ mới. C: Thay đổi hoàn toàn cấu tạo và ý nghĩa của các từ cổ

B: Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài. D: Cả A và B đều đóng

**Câu 5:** ***Trong tiếng Việt chúng ta dùng từ mượn của ngôn ngữ nào là nhiều nhất.***

A: Tiếng Anh B: Tiếng Pháp C: Tiếng Hán D: Tiếng La-Tinh

**Câu 6:** ***Điền những từ còn thiếu vào chỗ trống.***

A: Một trong những cách phát triển từ vựng tiếng Việt là phát triển của từ ngữ trên…………của chúng.

B: Có hai phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ:………………………..

- Đáp án: 1- A,2- C,3- B, 4- D, 5- C, 6- A: cơ sở nghĩa gốc, B: Phương thúc ẩn dụ và phương thức hoán dụ.

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KIẾN THỨC- KĨ NĂNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV quan sát các từ : Ba giơ, ẩn dụ, phân số… và yêu cầu hs nhận xét về phạm vi sử dụng  - Từ phần nhận xét của hs, gv giói thiệu vào bài  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 29: Thuật ngữ | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2 .** HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 13- 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, hợp tác, đánh giá tổng hợp

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC**  **CẦN ĐẠT** | | **GHI CHÚ** | |
| **I. Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu khái niệm thuật ngữ.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu khái niệm thuật ngữ.** | ***Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Thuật ngữ là gì?**  **1. Ví dụ:** | | **13-15’** | |
| *\* Cho HS đọc mục 1 SGK*.  H. So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ “nước” và từ “ muối” (2 cách giải thích có gì khác nhau, dựa trên cơ sở nào?)  H. Cách giải thích trong phần (b) đòi hỏi phải có kiến thức ở bộ môn nào mới hiểu được? | | *+ Đọc, nghe, suy nghĩ.*  *+ Trình bày, nhận xét.*  **+ Cách 1** : Giải thích đặc điểm bên ngoài của sự vật (dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị thế nào? Từ đâu hay từ đâu mà có) hình thành trên cơ sở kinh nghiệm có tính chất cảm tính.  -> Cách giải thích thông thường.  **+ Cách 2 :** Giải thích các đặc tính bên trong của sự vật, được cấu tạo từ yếu tố nào, mối quan hệ giữa các yếu tố đó ? -> giải thích qua việc nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó ->Người nghe muốn hiểu phải có kiến thức chuyên ngành hóa học. | ***a/ So sánh 2 cách giải thích:***  + Cách thứ nhất (a): Cách giải thích thông dụng.  + Cách thứ hai (b): Cách giải thích của chuyên ngành hóa học.  -> Biểu thị một khái niệm khoa học- công nghệ | | Tớch hợp mụn Húa học | |
| H. Vậy những từ ‘Nước’, ‘muối’ trong cách giải thích thứ 2 có ý nghĩa ntn ? | | *+ Khái quát, trả lời.*  - Biểu thị một khái niệm khoa học- công nghệ.-> cách giải thích nghĩa của thuật ngữ. | .-> cách giải thích nghĩa của thuật ngữ. | |  | |
| *\* Cho HS đọc và tìm hiểu tiếp mục 2 SGK.*  H. Theo em 4 định nghĩa trên của những bộ môn khoa học nào? | | *+ HS đọc, nghe, tìm hiểu, phát hiện, trả lời cá nhân.*  *-* Thạch nhũ: định nghĩa môn Địa lí.  - Ba giơ:đ/nghĩa môn Hóa học.  - Ẩn dụ: định nghĩa môn văn.  - Phân số thập phân: định nghĩa môn Toán học. | ***b/ Đọc những định nghĩa.*** | |  | |
| H. Những từ ngữ in đậm được định nghĩa trên chủ yếu được dùng trong văn bản nào? | | *+ Nhận xét, trình bày:*  - Các định nghĩa trên được dùng trong các văn bản của từng chuyên ngành khoa học. |  | |  | |
| H. Gọi các định nghĩa đã nêu trong 2 mục trên là thuật ngữ. Em hiểu gì về loại từ ngữ này.  *\* Gọi HS đọc lại phần Ghi nhớ 1 SGK/88.*  H. Em hãy lấy thêm một số những thuật ngữ về môi truờng  **( Tích hợp môi trường**) | | *+ Trình bày định nghĩa về thuật ngữ,HS khác bổ sung*  - là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học- công nghệ.  - Được dùng trong các loại văn bản khoa học- công nghệ.  - Đôi khi được dùng trong một số bản tin khác.  - Trong cuộc sống hằng ngày rất ít khi dùng đến.  *+ Đọc, nghe, ghi nhớ.*  *+ Hs lấy thêm vd thuật ngữ về môi trường*  + Cảnh quan môi trường  + Chất thải  + Chất phóng xạ  + Kinh tế môi trường  + Sức ép môi trường | **2. Ghi nhớ/ SGK / 88.**  - Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học- công nghệ.  - Được dùng trong các loại văn bản khoa học- công nghệ | |  | |
| **II. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ.** | | **II. HS tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ.** | **II. Đặc điểm của thuật ngữ.** | |  | |
| *\* Cho HS đọc và trả lời câu hỏi của mục 1 SGK.*  H. Thử tìm xem những thuật ngữ đã dẫn còn có nghĩa nào khác không?  H. Qua các cách định nghĩa trên em rút ra kết luận gì về đặc điểm của thuật ngữ?  *\* GV cho quan sát 2 ví dụ ở mục 2?*  H.Trong 2 ví dụ, từ “muối” nào có sắc thái biểu cảm?  H. Từ ví dụ trên em có nhận xét gì về đặc điểm của thuật ngữ?  \* GVchốt: *Như vậy, thuật ngữ có 2 đặc điểm cơ bản. Gọi 1 H.S đọc lại phần Ghi nhớ SGK (89).*  \* Diễn giảng: Như vậy ở bài học này, các em cần nắm 2 đơn vị kiến thức là:  - Khái niệm  - Đặc điểm của thuật ngữ  *\* GV khái quát rút ra ghi nhớ 2/ SGK/89.*  H.Gọi HS đọc ghi nhớ 1-2 SGK/88-89  ***\* GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.*** | | *+ Đọc và trả lời:*  - Các thuật ngữ đã dẫn không có cách giải thích khác, chỉ có một nghĩa, chỉ biểu thị 1 khái niệm và ngược lại.  *+ Trình bày đặc điểm 1 của thuật ngữ.*  *+ Quan sát, suy nghĩ trả lời.*  **+ Muối (1)** → là một định nghĩa thuộc môn Hoá học → ***là Thuật ngữ không có tính biểu cảm.***  **+ Muối (2)** → có sắc thái biểu cảm chỉ những nỗi gian truân vất vả mà con người phải nếm trải trong cuộc đời-> sự gắn kết tình cảm sâu đậm. → không phải thuật ngữ.  *+ Trình bày đặc điểm 2 của thuật ngữ.*  *+ Đọc, nghe, định hình kiến thức cần nắm bắt.*  *+ HS nghe GV khái quát*  *+1 HS đọc ghi nhớ 1-2 SGK/88-89* | **1. Ví dụ:**  \* Thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.  \* Thuật ngữ không có sắc thái biểu cảm.  **2. Ghi nhớ/ SGK/89.** | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP.  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Kĩ thuật*: Dùng phiếu học tập ( Vở luyện Ngữ Văn).  + *Thời gian*: Dự kiến 20-22p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy sáng tạo | | | | | | |
| **III.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. HS luyện tập, củng cố.** | | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. Luyện tập**: | | **22’** |
| H. Nội dung cần ghi nhớ trong bài học là gỡ?  *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1/89.Gọi trả lời, gọi nhận xét, GV sửa.* | *+ HS nhắc lại 2 nội dung cần ghi nhớ trong bài học.*  *+ HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1/89. Làm việc độc lập. Thống nhất trong nhóm. Thống nhất cả lớp*  *- Đại diện trình bày, nhiều hs nhận xét*  - Lực – Vật lí  2- Xâm thực - Địa lí  3- Hiện tượng hoá học- Hoá  4- Trường từ vựng- Văn  5- Di chỉ – Lịch sử  6- Thụ phấn – Sinh  7- Lưu lượng- Địa lí  8- Trọng lực- Vật lí  9- Khí áp- Địa lí  10- Đơn chất- Sinh học  11- Thị tộc phụ hệ- Lịch sử  12- Đường trung trực- Toán | | | **1. Bài 1.**  ***Tìm thuật ngữ điền vào chỗ trống cho thích hợp. Xác định lĩnh vực khoa học của thuật ngữ.*** | | Tích hợp các mụn KH TN và XH |
| *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 2/90.GV dành câu hỏi cho HS khá giái.* | *+ HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 2/90*  *- Hs làm việc cá nhân*  *- Hs nhận xét*  ***- Điểm tựa*** : → thuật ngữ môn Vật lí: là điểm cố định của một đòn bẩy, thông qua đó lực tác động được truyền tới vật cản.  - Điểm tựa → Không được dùng như một thuật ngữ → dùng với hàm ý làm chỗ dựa chính cho một một suy nghĩ, hành động. Đó là nơi gửi gắm niềm tin và hi vọng của nhân loại tiến bộ. (Tình cảm của nhân dân thế giới với dân tộc ta thời chống Mĩ.) | | | **2.Bài 2.**  ***Xác định nghĩa của từ.***  - Điểm tựa (thuật ngữ của môn Vật lí). Nói như Ác- si- mét: Hãy cho tôi một điểm tựa tôi sẽ bẩy tung được trái đất này.  - Điểm tựa: trong 4 câu thơ của Tố Hữu, là từ ngữ mang sắc thái biểu cảm. | |  |
| *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 3/90.*  *- GV sửa chữa cách đặt câu* | *+ Đọc, nêu yêu cầu , suy nghĩ, trả lời cá nhân., đặt câu, nhận xét.*  a/ Từ “hỗn hợp” được dùng như một một thuật ngữ.  b/ Từ “hỗn hợp” được dùng như từ bình thường.  c/ Thức ăn hỗn hợp này dùng trong chăn nuôi rất tốt. | | | **3.Bài 3. *Xác định thuật ngữ đặt câu.***  - Cám chăn nuôi tăng trọng là loại thức ăn hỗn hợp.  - Lực lượng tham chiến ở Irap là lực lượng liên quân hỗn hợp. | |  |
| *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 4/90.*  *\* GV cho HS thảo luận nhóm bàn, gọi trình bày, nhận xét, GV sửa chữa.* | *+ HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 4, thảo luận nhóm bàn, trình bày, nhận xét*  - Cá (theo cách định nghĩa của môn sinh học): là loại động vật có xương sống ở dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang. (Thuật ngữ)  - Cá theo cách hiểu thông thường: cá voi, cá heo…cách gọi tên bằng trực giác. Vì chúng đều là động vật có xương sống. | | | **4. Bài 4/90: *Định nghĩa thuật ngữ "cá"- Giải thích.*** | |  |
| *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 5/90.*  *\* Gọi giải thích hiện tượng đồng âm, GV nhận xét.* | *+ HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 5: Giải thích hiện tượng đồng âm, trả lời cá nhân*  - Đây là một hiện tượng đồng âm, không vi phạm nguyên tắc 1 thuật ngữ, 1 khái niệm.  - Hai thuật ngữ được dùng trong 2 lĩnh vực khoa học riêng biệt, không phải trong cùng một lĩnh vực.  - Ngoài ra còn có những ví dụ khác: vi rút trong sinh học, vi rút trong tin học cũng là hiện tường đồng âm- 2 thuật ngữ khác nhau. | | | **5. Bài 5/90:** ***Giải thích hiện tượng đồng âm*** | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - HS : Lớp học sinh ngày nay đã sử dụng những thuật ngữ như thế nào : | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Việc sử dụng các thuật ngữ trong đời sống và trong văn học | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:*** Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc đặc điểm của thuật ngữ.

- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

***2. Chuẩn bị bài mới:***Đọc và nghiên cứu phần tác giả, tác phẩm và trả lời các câu hỏi phần đọc – hiểu soạn bài: *Kiều ở lầu Ngưng Bích.*

Tìm những từ láy, các hình ảnh miêu tả, phân tích tác dụng.

* Rút kinh nghiệm
* Phần bài tập gv cần hướng dẫn
* Cần lưu ý thời gian

**Ngày dạy: 8/10**

**Lớp dạy: 9/1**

**Tuần 5**

**Tiết 25**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN VĂN**

**SƯU TẦM CÁC TÁC GIẢ VÀ CHI TIẾT TRONG TÁC PHẨM ĐÃ HỌC**

* Rút kinh nghiệm

- Cần chia các nhóm sưu tầm theo sự hướng dẫn của gv

- Cần lưu ys thời gian

**Ngày dạy: 12,13/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 6**

**Tiết 26,27**

**TRUYỆN KIỀU**

***=== Nguyễn Du ==***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Bước đầu làm quen với thể loại truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.

- Hiểu và lí giải được vị trí của tác phẩm Truyện Kiều và đóng góp của Nguyễn Du cho kho tàng văn học dân tộc.

**2. Kĩ năng:**

- Biết cách cảm nhận và phân tích một tác văn học trung đại

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ một tác phẩm văn học trung đại

- Trân trọng những nhà văn giàu tình yêu thương và lòng nhân ái

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện của Truyện Kiều.

- Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại.

- Những giá trị nội dung, nghệ thuật chủ yếu của tác phẩm Truyện Kiều.

**2. Kỹ năng** :

- Đọc – hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.

- Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học trung đại.

**3. Thái độ:** Trân trọng những nhà văn để lại những tác phẩm xuất sắc cho cuộc đời; thương cảm với số phận của người phụ nữ xưa; yêu mến hơn vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước qua tuyệt bút của thi nhân...

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**- Máy chiếu, bảng phụ.

- Ảnh chân dung Nguyễn Du và văn bản Truyện Kiều ( kể cả văn bản dịch chữ Nôm và 1 số văn bản dịch ra tiếng nước ngoài )

- Một số tư liệu, tranh ảnh về tác giả, tác phẩm.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Trò:** - Đọc, nghiên cứu bài trước ở nhà. Đọc trước "Truyện Kiều" nếu có

- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.

- Trả lời các câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nghiệm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:( 4-5p)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:*

Kiểm tra bài 5 phút số 1

Đề bài

**Câu 1( 4điểm)**

Đọc kĩ đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1-4

*Một đêm phũng không vắng vẻ , chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya , chợt đứa con nói rằng :*

* *Cha Đản lại đến kia kìa !*

*Chàng hỏi đâu . Nó chỉ bóng chàng trên vách :*

* *Đây này !*

*Thỡ ra, ngày thường, ở một mỡnh ,nàng hay đùa con, trỏ búng mỡnh mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ ,nhưng việc trót đó qua rồi !*

(***Chuyện người con gái Nam Xương*** – Nguyễn Dữ)

1. (1đ) Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào ?
2. (1đ) Nêu nội dung của đoạn trích .
3. (1đ) Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn trích?
4. (1đ) . Xét về cấu tạo câu văn “ *Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ ,nhưng việc trót đó qua rồi”*thuộc kiểu câu nào? Tạ sao

**Câu 2 ( 6đ).** Viết một đoạn văn ngắn ( từ 8-10 câu) nờu ý nghĩa của chi tiết chiếc búng trong cách kể chuyện của văn bản “ Chuyện người con gái Nam Xương”

Đáp án và biểu điểm

**\* Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG **-**

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

+ Hình thành năng lực: Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV cho hs quan sát câu thơ:  *Hỡi sông Hồng tiếng hát 4000 năm*  *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng*  *Khi Quang Trung cưỡi voi vào cửa Bắc*  *Nguyễn Du viết Kiều đất nước hoá thành văn*.  -Câu thơ trên nhắc đến tác giả nào?  Từ câu trả lời của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS trả lời.  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài vào vở | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 26. Đọc – hiểu văn bản  Truyện Kiều (Nguyễn Du) | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (33 phút)**

***+ Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình***

***+ Kĩ thuật: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút***

***+ Thời gian: Dự kiến 10- 12p***

***+ Hình thành năng lực: Năng lực giao tiếp: nghe đọc***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | **KIẾN THỨC**  **CẦN ĐẠT** | | | | **GHI CHÚ** | |
| **I. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu tác giả Nguyễn Du.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu về thân thế Nguyễn Du.** | | **I.HS tìm hiểu tác giả Nguyễn Du.**  **1. HS tìm hiểu thân thế.** | | | ***Kĩ năng Đọc – trình bày 1 phút***  **I. Tìm hiểu tác giả Nguyễn Du.**  ***1.*** ***Thân thế tác giả:*** | | | | **10’** | |
| *\*Gọi HS đọc phần I trong SGK, yêu cầu HS trả lời, gọi nhận xét, GV bổ sung, cho HS quan sát chân dung tác giả.*  **H.** Nêu những nét chính về thân thế, gia đình của tác giả? Điều đó có ảnh hưởng ntn tới sáng tác thơ văn của ông?  *\* GV bổ sung*: Tự hào về gia phả, dòng họ- họ Nguyễn có lời tuyên thệ: “Bao giờ Ngàn Hống hết cây. Sông Rum hết nước, họ này hết quan.” | | *+ HS trả lời, HS khác nhận xét, nghe GVbổ sung, quan sát chân dung tác giả.*  **1. Bản thân**  Nguyễn Du (1765 – 1820)  - Tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên.  - Quê: Tiên Điền- Nghi Xuân – Nghệ Tĩnh.  **2. Gia đình:**  - Gia đình Đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn học.  + Cha : là tiến sĩ Nguyễn Nghiễm, đỗ tiến sĩ, tể tướng của chúa Trịnh,  + Anh là Nguyễn Khản, cùng cha khác mẹ, nổi tiếng hào hoa, giái thơ phú, say mê nghệ thuật, làm tể tướng.  + Mẹ là Trần Thị Tần – người đẹp nổi tiếng vùng Kinh Bắc . | | | **1. Bản thân**  Nguyễn Du (1765 - 1820)  - Tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên.  - Quê: Tiên Điền- Nghi Xuân – Nghệ Tĩnh.  **2, Gia đình :**  - Gia đình Đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn học.  => Nguyễn Du được thừa hưởng sự giàu sang phú quý, có điều kiện học hành, thừa hưởng truyền thống văn chương của gia đình. | | | | GV cung cấp thông tin (máy chiếu  Tớch hợp kiến thức lịch sử | |
| H. Thời đại Nguyễn Du sống vào khoảng thời gian nào ? Điều đó có ảnh hưởng gì đến sự nghiệp văn thơ của ông ? | | *+ Dựa vào SGK, trả lời.*  + Cuối TK XVIII đầu thế kỉ XIX chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng, phong trào khởi nghĩa nông dân nổi lên như bão táp mà đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn:  *“Một phen thay đổi sơn hà*  *Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?”* | | | **3, Thời đại xã hội:**  Có nhiều biến động dữ dội=> Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình cảm, nhận thức, cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Du, để ông hướng ngòi bút vào hiện thực. | | | |  | |
| *\* GV nêu yêu cầu, yêu cầu HS trao đổi trong nhóm bàn, trả lời, gọi nhận xét, GV bổ sung, đánh giá.*  H. Về cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ có những điều gì cần lưu ý ? Trong những bước thăng trầm của cuộc đời ông, theo em điều này có ảnh hưởng tới những sáng tác của ông và đặc biệt *là* ***Truyện Kiều***không ?  *\* GV bổ sung*  *N*ăm 1824 con trai ông đã mang thi hài ông về an táng tại quê nhà. Nguyễn Du là con người có hiểu biết sâu rộng về cuộc sống, con người, có tấm lòng nhân ái: ***“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”.*** Điều này đã ảnh hưởng rất lớn khi ông viết “Truyện Kiều”. Mộng Liên Đường chủ nhân trong lời tựa “Truyện Kiều” đã viết: “Tố Như Tử có con mắt trông khắp sáu cõi, có tấm lòng nghĩ đến cả nghìn đời. Lời văn tả hình như máu chảy ở đầu ngòi bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc cũng phải thấm thía, ngậm ngùi đau đớn đến đứt ruột”. | | *+ Nêu theo vốn hiểu biết, SGK. Trao đổi nhóm bàn, trả lời, HS khác bổ sung. Nghe GV đánh giá*  **+ Lúc còn nhỏ** :9 tuổi mồ côi cha; 12 tuổi mồ côi mẹ, ở với anh trai Nguyễn Khản. Sống và học tập ở Thăng Long hào hoa, phong nhã, học giái → thi không đỗ cao.  **+ Trưởng thành :**  -**1786 – 1796** lưu lạc nhiều năm trên đất Bắc, ở nhờ quê vợ ở Thái Bình trong tâm trạng ngơ ngác buồn chán, hoang mang và bi phẫn. Nhiều năm lưu lạc sống gần gũi với nhân dân, nếm trải mọi nỗi khổ cực,  - Năm 1796: Giai đoạn làm quan với nhà Nguyễn. Khi Tây Sơn tấn công ra Bắc ông phò Lê chống lại Tây Sơn nhưng không thành.  - **Từ 1796-1802**: Về ở ẩn quê nội Hà Tĩnh Sau định vào Nam theo Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn → bị bắt giam 3 tháng rồi thả.  - **Năm1802**: Khi Nguyễn Ánh lên ngôi mời ông ra làm quan → bất đắc dĩ và chọn một chức quan nhỏ: làm tri huyện Bắc Hà.  - **1805 – 1808** làm quan tại kinh đô Huế.  - **1809** : làm cai bạ tại Quảng Bình  - **1813-1814** : Được thăng chức làm chánh sứ, và đi sứ Trung Quốc lần 1.  **-1820**: Khi chuẩn bị đi sứ Trung Quốc lần 2 ông ốm , mất tại Huế. | | | **4, Cuộc đời :**  ***+ Lúc nhỏ***: 9 tuổi mất cha 12 tuổi mất mẹ ở với anh  ***+Trưởng thành:***  -1786 – 1796 lưu lạc đất Bắc ở nhờ quê vợ trong tâm trạng ngơ ngác buồn chán, hoang mang và bi phẫn.  - 1802 ra làm quan cho triều Nguyễn  - 1805 – 1808 làm quan tại kinh đô Huế.  - 1809 làm cai bạ tại Q/Bình.  -1813-1814: Được thăng chức và đi sứ Trung Quốc lần 1.  -1820: Chuẩn bị đi sứ lần 2 thì ốm mất ở Huế.  + Cuộc đời chìm nổi, đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều hạng người → có vốn sống phong phú → được coi là 1 trong 5 người giái nhất nước Nam.  - Có tấm lòng yêu thương, thông cảm với người nghèo khổ, với những nỗi đau của nhân loại | | | |  | |
| H. Hãy giới thiệu về sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du?  *\* GV cung cấp bìa sách để HS tìm đọc.* | | *+ HS trình bày theo vốn hiểu biết, HS khác bổ sung, theo dõi bìa sách.*  - Gồm nhiều tác phẩm lớn có giá trị, xuất sắc nhất là ***Đoạn trường Tân Thanh*** (Truyện Kiều)  - ***Tác phẩm chữ Hán :*** Thanh Hiên thi tập; Nam Trung tạp ngâm; Bắc hành tạp lục.  - ***Tác phẩm chữ Nôm:*** Truyện Kiều, Văn chiêu hồn. | | | **4, Sự nghiệp sáng tác.**  -Tác phẩm chữ Hán: Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục…  - Tác phẩm chữ Nôm: Truyện Kiều, Văn chiêu hồn….  => Đóng góp to lớn cho kho tàng văn học dân tộc, nhất là ở thể loại truyện thơ. | | | |  | |
| H. Qua tìm hiểu về tác giả, em có đánh giá gì về ông?  ***\* GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.***Với hơn 60 năm trong cuộc đời của một con người, sự nghiệp của Nguyễn Du thật là quá đồ sộ. Điều đó đã khẳng định vị trí xứng đáng của đại thi hào, danh nhân văn hoá thế giới. | | *+Đánh giá khái quát.Trả lời.*  - Nguyễn Du là đại thi hào văn học dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.  - Nguyễn Du là bậc thày trong việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của VHVN, đặc biệt là ở thể loại truyện thơ.  - Là người có trái tim giàu tình yêu thương, cảm thông sâu sắc với những người nghèo khổ, với những đau khổ của nhân dân. | | | ***-*** *Nguyễn Du là đại thi hào văn học dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.*  ***- L****à bậc thày trong việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, đặc biệt là truyện thơ.*  *- Là người có trái tim nhân đạo lớn.* | | | |  | |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu nguồn gốc Truyện Kiều** | | **II. Tìm hiểu văn bản.**  ***(Hình thành các kĩ năng : Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm)***  **1. Tìm hiểu nguồn gốc Truyện Kiều** | | | | | | ***Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II - Truyện Kiều**  ***1. Nguồn gốc*.** | **20’** | |
| H. Hãy nêu nguồn gốc của truyện Kiều ?  *\* GV bổ sung*: ***ô  Kim Vân Kiểu truyện ằ*** *là tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Hán thuộc thể loại phong tình ( tình yêu trai gái xưa, yêú tố tính chất dung tục được đề cao) còn* ***Truyện Kiều*** *của Nguyễn Du được viết bằng truyện thơ, viết bằng chữ Nôm được Nguyễn Du tước bỏ yếu tố dung tục, giữ lại cốt truyện và nhân vật, thay đổi các chi tiết ngôn ngữ, tâm lí nhân vật…tạo ra một thế giới nhân vật đặc sắc với cảm hứng nhân đạo cao cả xuất phát từ cuộc sống con người Việt Nam nên* ***Truyện Kiều*** *mãi là sáng tác văn chương đích thực của Nguyễn Du.* | | *+ Nêu theo SGK, trả lời*  - Dựa theo cốt truyện “ Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài nhân (Trung Quốc ), song ông có nhiều sáng tạo. Lúc đầu tác phẩm có tên là ***“Đoạn trường Tân Thanh”***  + Xuất bản bằng nhiều thứ tiếng: Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp Nhật… | | | | | | - Dựa theo cốt truyện  “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài nhân (Trung Quốc )  ->Đây là tác phẩm Truyện thơ Nôm tiêu biểu nhất của văn học Trung đại VN. |  | |
| H. Tác phẩm ra đời trong khoảng thời gian nào ?  *\* GV yêu cầu HS tóm tắt lại những phần chính của Truyện Kiều, chiếu bố cục chính lên bảng để HS tiện theo dõi.*  *\* Giáo viên có thể giới thiệu quyển Truyện Kiều, trang chủ Truyện Kiều để HS tìm hiểu.* | | *+ Nêu thời điểm ra đời.*  - Đầu thế kỉ 19.  - Gồm 3254 câu lục bát.  - Xuất bản 23 lần bằng chữ Nôm ; hơn 80 lần bằng chữ quốc ngữ.  - 1965 : thế giới và UNESCO kỉ niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Du.  *+ HS tóm tắt lại những phần chính của Truyện Kiều, HS khác bổ sung.Ghi nhanh bố cục vào vở.* | | | | | | ***2. Thời điểm sáng tác:***  - Gồm 3254 câu lục bát.  ***3. Tóm tắt tác phẩm* .** | Chiếu bố cục lên trên bảng để HS tiện theo dõi. | |
| ***- Phần 1 : Gặp gỡ và đính ước*** : Thuý Kiều con gái lớn của một gia đình trung lưu. Trong tiết thanh minh Kiều cùng 2 em đi chơi xuân, nàng gặp Kim Trọng, tình yêu nhanh chóng đến với 2 người. Họ thề nguyền đính ước kết duyên.  ***- Phần 2 : Gia biến và lưu lạc :*** Kim Trọng về quê chịu tang chú. Gia đình Kiều mắc oan, Kiều phải bán mình để chuộc cha. Nàng bị rơi vào nanh vuốt của bọn Mã Giám Sinh, bị bắt buộc làm gái lầu xanh. Thúc Sinh mến mộ tài sắc của Kiều, bỏ tiền chuộc Kiều và lấy nàng làm vợ lẽ. Hoạn Thư (vợ cả Thúc Sinh) biết chuyện đánh ghen và đầy đọa Kiều. Nàng phải trốn đi nương nhờ cửa Phật của vãi Giác Duyên nhưng lại rơi vào tay bọn buôn thịt bán người Bạc Bà, Bạc Hạnh. Lần thứ 2 Kiều được Từ Hải cứu thoát và giúp nàng báo ân báo oán. Nhưng nàng lại bị mắc lừa Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng, bị hắn làm nhục, ép gả bán nàng cho người thổ quan. Tủi nhục, nàng nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử và được vãi Giác Duyên cứu sống.  ***- Phần 3 : Đoàn tụ*** : Kim Trọng treo ấn từ quan, bỏ công đi tìm kiếm Thuý Kiều. Họ gặp lại nhau và chuyển từ tình yêu sang tình bạn. Sau 15 năm lưu lạc, khổ sở, Kiều trở về sống đoàn tụ cùng gia đình. | | | | | | | | |  | |
| *\* GV yêu cầu HS nêu những giá trị của Truyện Kiều*  H. Giá trị nội dung được thể hiện như thế nào?  *GV: Hoài Thanh đã nhận định: “Đó là 1 bản án, 1 tiếng kêu thương, một ước mơ và 1 cái nhìn bế tắc.”*  H. Nêu những ảnh hưởng của Truyện Kiều trong thời đời sống văn hoá Việt Nam  H. Giá trị nghệ thuật được thể hiện đặc sắc như thế nào?  *\* GV dùng một số câu thơ trong truyện để chứng minh* \*Tả người :*- Nhân vật chính diện*: Ngũi bỳt ước lệ, dùng hình ảnh thiờn nhiờn tả người. Là nhân vật lý tưởng hóa của Nguyễn DuVD: Nghiêng nước nghiêng thành ***-*** *Nhân vật phản diện:* Tả thực, là nhân vật hiện thực húa của Nguyễn Du  Vd: "Quá niên trạc ngoại tứ tuần- Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao."  - Cố nhân- người cũ.  – kẻ cắp bà già \* Tả cảnhNghệ thuật tả cảnh ngụ tỡnh sinh động, khắc họa rừ nột nội tõm nhân vật. -GV lấyVD: Cùng khái niệm mặt trăng , tác giả sử dụng nhiều từ khác nhau để thể hiện: thỏ, gương nga, vầng trăng.  **\*** GV chốt: Truyện Kiều là kết tinh của thiên tài văn học Nguyễn Du, là kiệt tác văn học thời phong kiến nói riêng và văn học nói chung. | | *+ 2 HS trả lời cá nhân, cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.*  **\* Giá trị nội dung.**  + *Giá trị hiện thực*: Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời.  + *Giá trị nhân đạo*: Niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, lên án tố cáo các thế lực bạo tàn, trân trọng đề cao con người từ vẻ đẹp ngoại hình lẫn nội tâm.  ***\* Giá trị nghệ thuật.***  thể hiện trên 2 thành tựu cơ bản: ngôn ngữ, thể loại:  *+ Thể loại:* Sử dụng thể thơ lục bát thành thạo, điêu luyện. 3254 câu thơ lục bát mà câu nào cũng đóng luật, đóng cách gieo vần  *+ Ngôn ngữ:*  - Ngôn ngữ nghệ thuật đạt đến đỉnh cao(cả chức năng biểu đạt), phản ánh và chức năng thẩm mĩ…. Tiếng Việt trong ***Truyện Kiều*** rất giàu và đẹp.  - Vừa sử dụng ngôn ngữ bác học kết hợp hài hòa với ngôn ngữ dân gian. Ngôn ngữ bác học là những từ Hán Việt, điển tích, điển cố. Số lượng từ Hán Việt là 1310 từ. Ngôn ngữ dân gian là những từ thuần Việt, tục ngữ, thành ngữ, ca dao  - Sử dụng từ đồng nghĩa, đa nghĩa một cách điêu luyện  - Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc (Dẫn chuyện, miêu tả thiên nhiên khắc học tình cảm tâm lí nhân vật)  - Nghệ thuật xây dựng và miêu tả nhân vật bậc thầy :  - Miêu tả thiên nhiên độc đáo.  *+ Cả lớp nghe* | | | | | ***4. Giá trị nội dung, nghệ thuật***  ***a. Nội dung.***  + *Giá trị hiện thực*:  - Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời.  - Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa, đức hạnh trong XHPK.  + *Giá trị nhân đạo*:  - Niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người.  - Lên án, tố cáo các thế lực bạo tàn.  - Khẳng định và đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người.  ***b. Nghệ thuật.***  *-Thể loại:* Sử dụng thể thơ lục bát thành thạo, điêu luyện  *- Ngôn ngữ:*  - Ngôn ngữ nghệ thuật đạt đến đỉnh cao.  - Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc.  -> Được lưu truyền rộng rãi trở thành đời sống văn hoá người Việt.  - Được dịch ra nhiều thứ tiếng. | |  | |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.**  H.Nêu những thành công về giá trị nội dung và hình thức của Truyện Kiều?  H. Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 80. | **III. HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.**  ***Hình thành kĩ năng: Đánh giá tổng hợp***  **\* Giá trị của Truyện Kiều:**  + Về nội dung: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.  + Về hình thức: có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả thiên nhiên, khắc hoạ hình tượng nhân vật….  *+ 1 HS đọc ghi nhớ* SGK trang 80 | | | ***Kĩ năng: Đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết**:  **\* Giá trị của Truyện Kiều:**  + Về nội dung: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.  + Về hình thức: có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả thiên nhiên, khắc hoạ hình tượng nhân vật….  \****Ghi nhớ /SGK/80*** | | | | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 5-7 p  *+ Hình thành năng lực*: tư duy, sáng tạo | | | | | | | | | | |
| **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  H.Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và tóm tắt tác phẩm? | | | ***- Kĩ năng tư duy sáng tạo***  **IV.HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  *+ HS xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện.* | | | ***- Kĩ năng tư duy sáng tạo***  **IV. Luyện tập**:  **1. Bài 1**. Đọc và tóm tắt tác phẩm | | | | **7’** |
| - Phát phiếu học tập  - Yêu cầu hs làm bài vào phiếu học tập  - Nhận xét, sửa chữa | | | *- Hs làm bài cá nhân*  *- Hs nêu đáp án*  *- Nhận xét, sửa chữa* | | | **2. Bài 2**: Trắc nghiệm  Sách bài tập trắc nghiệm ngữ văn 9/ 49-50: | | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  **- HS:** Em có suy nghĩ gì về lòng nhân đạo, tình yêu thương con người trong thời đại ngày nay? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Tiếp tục tìm hiểu về tác giả  - Đọc toàn bộ truyện Kiều  - Những lời bình về tác giả, tác phẩm | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... | …………. |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học :***

- Tìm đọc Truyện Kiều.

- Nắm được những nét chính về Nguyễn Du và Truyện Kiều.

- Làm các bài tập trong vở bài tập

- Tìm đọc những câu thơ chứng minh giá trị nội dung của Truyện Kiều.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

Đọc và soạn bài " *Chị em Thuý Kiều”*

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài

Phiếu bài tập.

* Rút kinh nghiệm
* Cho hs gạch chân ý chính trong sgk
* Cần nhấn mạnh nghệ thuật ước lệ tượng trưng
* Cần lưu ý thời gian

**Ngày dạy: 13-15/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 6**

**Tiết 28,29**

|  |
| --- |
| **CHỊ EM THÚY KIỀU**  **(*Trích: “Truyện Kiều” của Nguyễn Du***) |

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Biết một trích đoạn của truyện Kiều

- Thấy được tài năng, tấm lòng của thi hào dân tộc Nguyễn Du qua một đoạn trích trong ***Truyện Kiều.***

**2. Kỹ năng** :

- Biết cách phân tích một trích đoạn Truyện Kiều

- Đọc – hiểu thông thạo thể thơ lục bát truyền thống

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ thể thơ lục bát

- Trân trọng tài năng nghệ thuật và tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du để sống giàu lòng nhân ái

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Bút pháp nghệ thuật tượng trưng ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật.

- Cảm **hứng** nhân đạo của Nguyễn Du: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người qua một đoạn trích cụ thể.

**2. Kỹ năng** :

- Đọc - hiểu một văn bản truyện thơ trong văn học trung đại.

- Theo dõi diễn biến sự việc trong tác phẩm trưyện.

- Có ý thức liên hệ với văn bản liên quan để tìm hiểu về nhân vật.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của Nguyễn Du trong văn bản.

**3. Thái độ:**Trân trọng vẻ đẹp và tài năng của 2 chị em Thúy Kiều.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**

- Máy chiếu, bảng phụ.

- Tranh ảnh minh hoạ chân dung 2 chị em Thuý Vân, Thuý Kiều.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Trò:**

- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.

- Trả lời các câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:( 4-5p)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

**H1.**  Trình bày những hiểu biết của em về "Truyện Kiều" và tác giả Nguyễn Du?

**\* Đáp án:**

+ Câu 1:

- Đại quí tộc, nhiều đời làm quan, nổi tiếng về văn chương.

- Mẹ: Trần Thị Tần – người đẹp nổi tiếng chốn kinh Bắc giái về ca hát.

- Cha: Nguyễn Nghiễm, đỗ tiến sĩ, từng giữ chức Tể tướng

- Anh trai cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản từng làm quan to dưới triều Lê- Trịnh

- Nguyễn Du sinh ra và lớn lên vào cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19, đây là thời kì XH có nhiều biến động dữ dội.

=> Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình cảm, nhận thức, cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Du.

**-** Cuộc đời ôngtrải qua nhiều gian truân lưu lạc, chìm nổi trước những biến động của gia đình, những cơn bão táp của cuộc đời

+ Câu 2:

- Giá trị hiện thực:

+ Bức tranh hiện thực về XHPK bất công đã chà đạp lên quyền sống con người.

+ Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa, đức hạnh trong XHPK.

- Giá trị nhân đạo:

+ Trân trọng ngợi ca vẻ đẹp tài năng , hình thức, tâm hồn con người đến những ước mơ, khát vọng của con người về quyền sống, tự do, tình yêu, hạnh phúc.

+ Lên án chế độ XHPK vô nhân đạo.

+ Cảm thương trước số phận bi kịch của con người

- Sử dụng thể thơ lục bát thành thạo, điêu luyện. 3254 câu thơ lục bát mà câu nào cũng đóng luật, đóng cách gieo vần

- Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc

- Nghệ thuật xây dựng và miêu tả nhân vật bậc thầy :

- Miêu tả thiên nhiên độc đáo.

**H2.** Kiểm tra VBT bàn 5, 6.

**\* Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình , trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KIẾN THỨC – KĨ NĂNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| *\* GV cho hs quan sát bức tranh mô tả chị em Thúy Kiều và yêu cầu hs cho nhận xét.*  Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới  *\* Ghi tên bài* | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nghe thuyết trình.  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 27. Chị em Thúy Kiều  (Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du) | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (33 phút)**

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ , vấn đáp tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 7-9p

*+ Hình thành năng lực*: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **KIẾN THỨC**  **CẦN ĐẠT** | | **GHI CHÚ** | |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. Hư­ớng dẫn HS đọc.** | | | | **I. HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. HS đọc.** | | ***- Kĩ năng đọc-trình bày 1 phút***  **I.Đọc - Chú thích.**  ***1. Đọc.*** | | **9’** | |
| *\* GV nêu yêu cầu và định hướng đọc:* Đọc đóng chính tả, chú ý cách ngắt nhịp thông thường của thơ lục bát. Khi đọc cần kết hợp giữa giọng kể, xen lẫn miêu tả và bình luận.Ở một số câu thơ có sự chuyển nhịp:  “*Mai cốt cách/tuyết tinh thần”*  *“Làn thu thuỷ/ nét xuân sơn*”  *\* GV đọc mẫu, gọi 2 HS đọc bài,*  *gọi nhận xét.* | | | | *+ Nghe, cảm hiểu cách đọc.*  *- Nắm, vận dụng yêu cầu đó trong quá trình đọc.*  *- HS 1: 8 câu thơ đầu*  *- HS 2: 16 câu còn lại.*  *- Cả lớp nghe, nhận xét* | |  | |  | |
| **2.Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chú thích.**  H. Em hãy nêu xuất xứ của văn bản?  H. Em hiểu gì về ý nghĩa của các từ ngữ: Tố nga, mai cốt cách, đoan trang, làn thu thuỷ?  H. Ngoài các từ ngữ SGK đã chú thích em thấy còn có từ ngữ nào em chưa hiểu cần giải thích thêm?  *\* GVchốt: Để hiểu rõ nội dung, ý nghĩa đoạn thơ các em phải hiểu 14 chú thích trong SGK.*  *.\*GV khái quát và chuyển ý.* | | | | **2.HS tìm hiểu chú thích.**  *+ HS nêu xuất xứ*  *+ Đọc, nghe, nhận xét, tự đánh giá.*  *+ Nghe, cảm nhận*  *+ Giải thích nghĩa của từ theo các chú thích (1), (2), (4), (5).*  *- Tìm, phát hiện, nêu ý kiến.*  *+ Nghe, theo dõi SGK để hiểu nghĩa các từ ngữ.* | | ***2. Chú thích.***  **a. Xuất xứ**: Nằm ở phần đầu “ Gặp gỡ và đính ước” từ câu 15 đến câu 38  **b. Từ khó**  - Chú thích 3,4,5,6,9,12 | |  | |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | | **II. HS tìm hiểu văn bản.**  ***(Hình thành các kĩ năng Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm)***  **1.HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | | ***Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản**:  ***1. Tìm hiểu khái quát:*** | | **25’** | |
| *\* GV nêu vấn đề: Trình bày những hiểu biết của em về văn bản ở những khía cạch sau:*  + Thể loại  + Phương thức biểu đạt  + Bố cục của văn bản và nêu rõ nội dung từng phần  + Em có nhận xét gì về bố cục sắp xếp của tác giả ở đoạn?  *\* GV tổ chức hs thảo luận theo nhóm bàn( 3 phút)*  *- Gv gọi đại diện nhóm trình bày*  *- GV nhận xét, chốt, ghi bảng*  \* Chuyển ý: *Để hiểu rõ những giá trị của văn bản, chúng ta đi vào tìm hiểu chi tiết văn bản theo kết cấu 4 phần*. | | | *+ Thảo luận theo nhóm bàn*  *( 3 phút). Làm việc độc lập, Thống nhất trong nhóm.*  *- Đại diện trình bày, nhiều hs nhận xét*  **+ Bố cục gồm 4 phần :**  - 4 câu đầu → giới thiệu chung về vẻ đẹp của 2 chị em.  - 4 câu tiếp : Gợi tả vẻ đẹp của Thuý Vân  - 12 câu tiếp : gợi tả vẻ đẹp của Thuý Kiều  - 4 câu còn lại nói về đức hạnh, cuộc sống của 2 chị em. | | | ***- Thể loại***: Truyện thơ Nôm  ***- Phương thức biểu đạt:*** tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm  ***- Bố cục của đoạn trích gồm 4 phần:***  => Kết cấu chặt chẽ, thể hiện cách miêu tả nhân vật tinh tế của tác giả, giới thiệu từ chung đến riêng, từ khái quát đến cụ thể. | | GV chiếu phần chốt trên máy. | |
| **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.**  *\* GV gọi đọc 4 câu thơ đầu, nêu yêu cầu:*  H. Vẻ đẹp Thuý Vân, Thuý Kiều trong 4 câu thơ được tác giả miêu tả qua các hình ảnh, từ ngữ nào? ( Treo ảnh: chân dung Thuý Vân, Thuý Kiều)  H. Em hiểu ***“mai cốt cách, tuyết tinh thần, mười phân vẹn mười”*** là gì? | | | **2.HS tìm hiểu chi tiết văn bản.**  *+ HS đọc lại 4 câu thơ đầu. Quan sát tranh ảnh*  *+ Tìm, nhận xét, phát hiện, giải nghĩa từ.Trả lời cá nhân.*  ***- Mai cốt cách*** : cốt cách của cây mai : mảnh dẻ, thanh tao.  ***- Tuyết tinh thần*** : tinh thần của tuyết trắng và trong sạch  ***- Mười phân vẹn mười:*** Mỗi người đều có một vẻ đẹp riêng nhưng đều đạt đến độ hoàn mĩ. | | | **2.Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  ***1/ Cảm nhận chung về vẻ đẹp của 2 chị em Kiều:***  *- Đầu lòng….ả tố nga.*  *Mai cốt cách, tuyết tinh thần*....  *mười phân vẹn mười* | |  | |
| H. Để khái quát vẻ đẹp chung của 2 chị em Thuý Kiều, tác giả đã sử dụng BPNT gì? Hãy nhận xét cách sử dụng từ ngữ ? Tác dụng?  H. Qua bút pháp miêu tả của tác giả, em có những cảm nhận chung gì về vị trí, vẻ đẹp, dáng dấp của 2 chị em?  \* GV chốt giảng bình: *Kết thúc*  *vẻ đẹp chung là lời bình: “ Mỗi người…vẹn mười”. Nói như vậy có nghĩa là vẻ đẹp của 2 chị em Kiều đã đạt đến độ toàn bích, viên mãn trong cách nói “kiệm lời” của Nguyễn Du.* | | | *+ Phát hiện và chỉ ra các BPNT, rút ra nhận xét, nêu tác dụng, trả lời theo nhóm, nhóm khác bổ sung.*  *+ Nghe GV chốt, tự trau dồi cảm xúc và bồi dưỡng thêm tư liệu cảm thụ văn học.*  - Tiểu đối : mai cốt cách/ tuyết tinh thần.  - Sử dụng kết hợp từ thuần Việt và từ Hán Việt : lời giới thiệu vừa tự nhiên vừa trang trọng về vị trí, thứ bậc của chị em.  - Tiểu đối : mai cốt cách/ tuyết tinh thần.  - Cách sử dụng các yếu tố Hán Việt xen lẫn thuần Việt.  - Biện pháp ước lệ: Dùng hình ảnh tượng trưng trong thiên nhiên ngầm so sánh với vẻ đẹp của con người ( Lấy mai, tuyết chỉ vẻ đẹp của 2 chị em Kiều.  - Từ ngữ giàu sức biểu cảm.  - Sử dụng thành ngữ.  => Làm cho câu thơ vừa có vẻ đẹp mẫu mực, thanh cao, vừa có sức gợi cảm . | | | ->Giới thiệu gia cảnh, thứ bậc: Chị em Kiều và Vân là 2 cô con gái đầu lòng của Vương viên ngoại.  => Có vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong  trắng, mỗi người đều có những vẻ đẹp riêng song đều đạt đến độ hoàn mĩ. | |  | |
| \* Chuyển ý: *4 câu thơ đầu gợi cảm hứng thẩm mĩ và tạo tâm thế để chúng ta đón nhận vẻ đẹp riêng của từng cô gái*  H. Hãy đọc diễn cảm 4 câu thơ và cho biết: ở 4 câu thơ này nhà thơ miêu tả Vân qua những chi tiết nào? | | | *+ Theo dõi đọc, chọn tìm chi tiết.*  *+ Phân tích chi tiết:*  + Vẻ đẹp của Vân → khuôn mặt đầy đặn, tròn trịa như đẹp như trăng, đôi lông mày gọn , sắc nét như mày con ngài,…vóc người khoẻ mạnh, miệng cười tươi như hoa, tiếng nói trong trẻo như ngọc, mái tóc đẹp óng ả như mây, da trắng như tuyết | | | ***b. Vẻ đẹp của Thuý Vân.***  - Khuôn mặt  - Cặp mày  - Miệng cười  - Giọng nói  - Mái tóc  - Nước da | |  | |
| H. Hai chữ ***“trang trọng”*** cho ta thấy vẻ đẹp của Thuý Vân ntn? | | | *+ Phát hiện, suy nghĩ trả lời.*  - Trang trọng : vẻ đẹp cao sang, quý phái, đoan trang, phúc hậu. | | |  | |  | |
| H. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của tác giả? Từ đó toát lên vẻ đẹp nào của nàng Thuý Vân. Vẻ đẹp ấy dự báo điều gì về cuộc đời Thúy Vân?  *\* Yêu cầu HS trao đổi, chia sẻ, trả lời. GV nhận xét, bổ sung, chốt*  \* GV bình: *Vẫn là nghệ thuật ước lệ tượng trưng, cùng với nghệ thuật so sánh ẩn dụ, nhân hoá tác giả đã liệt kê từng vẻ đẹp của Thúy Vân ở nhiều phương diện: Gương mặt, lông mày, nụ cười, giọng nói, mái tóc, nước da.*  *- Những hình ảnh dùng để miêu tả là những hình ảnh đẹp nhất của thiên nhiên , dường như vẻ đẹp của nàng được hội tụ kết tinh từ những gì cao qúy nhất của thiên nhiên.*  \* *Chuyển ý:* Một cô gái như Vân qua cách tả của tác giả, chắc chắn cuộc sống đến với cô sẽ bình yên, phẳng lặng. Đóng là: “*Cũng từ máu mẹ, máu cha. Cũng từ một bọc sinh ra phận người”*. Đời cô em như vậy, còn đời cô chị sẽ ra sao? | | | *+ Phát hiện, phân tích trả lời cá nhân.Khái quát vẻ đẹp, trả lời, nghe GV chốt bình.*  - Dùng vẻ đẹp của thiên nhiên làm tiêu chuẩn so sánh đánh giá với vẻ đẹp của con người → đó là bút pháp ước lệ tượng trưng. (Vẻ đẹp của nàng được so sánh với những thứ cao đẹp trên đời : trăng hoa, mây ,tuyết , ngọc.  -> Vẻ đẹp của Thuý Vân đoan hài hòa, trang, phúc hậu, quý phái.  - Vẻ đẹp của Vân là báu vật trời cho, hài hoà với thiên nhiên, không có sự ghen tị  → Dự báo cuộc đời nàng sẽ bình yên, hạnh phúc. | | | => Đó là vẻ đẹp hài hoà, đoan trang, phúc hậu. Vẻ đẹp luôn tạo được sự hòa hợp, êm ấm với xung quanh khiến thiên nhiên cũng phải thua, nhường một cách vui vẻ.  -> Dự báo cuộc đời êm ả, bình yên, hạnh phúc. | |  | |
| H. Tả vẻ đẹp Thuý Kiều, nhà thơ miêu tả vẻ đẹp của nàng bằng bao nhiêu câu thơ? Tần số các câu thơ ấy so với tả Vân thế nào? | | | *+ Tìm, phát hiện, trả lời*  - Tả Kiều, nhà thơ miêu tả vẻ đẹp của nàng bằng 12 câu thơ.  - Tần số các câu thơ tả Kiều lớn gấp 3 lần so với các câu thơ tả Vân. | | | ***c. Vẻ đẹp của Thuý Kiều***  “*Kiều càng sắc sảo mặn mà…Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.*” | |  | |
| H. ND giới thiệu khái quát vẻ đẹp của Thuý Kiều ntn?  H. Câu thơ đầu không chỉ chuyển tranh từ cô em sang cô chị mà đã có ý so sánh rất rõ. Hai chữ “sắc sảo”, “mặn mà” đã nói lên vẻ đẹp gì ở Kiều? | | | *+ Phát hiện, trả lời.*  *+ Bình, đánh giá nghệ thuật dùng từ*  - Nói “sắc sảo” là nhà thơ đề cập tới vẻ đẹp về trí tuệ, về tài năng.  - Còn nói “mặn mà” là nói tới vẻ đẹp về tâm hồn, tính cách.  ⭢ Như vây ở Kiều có sự chung đóc giữa 2 vẻ đẹp: trí tuệ, tài năng và tâm hồn, tính cách. | | | ***- Tả khái quát:***  Sắc sảo, mặn mà | |  | |
| H Cách miêu tả Thúy Kiều có gì giống và khác so với cách miêu tả Thúy Vân? | | | *+ Phát hiện, thảo luận nhóm bàn, trả lời.*  **+ Giống:**  - Câu thơ đầu: khái quát đặc điểm nhân vật:  - Khẳng định ngay vẻ đẹp sắc sảo của Kiều.( sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn)  - Dùng hình tượng nghệ thuật ước lệ tượng trưng: làn thu thuỷ...nghiêng thành  - Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ  **+ Khác** : Không tả thực, chỉ đặc tả vẻ đẹp của đôi mắt Kiều. | | |  | |  | |
| H. Em hiểu ***“ Làn .. sơn”*** là ntn? ***“Ngiêng nước.. thành”*** là ntn?  *\* GV bổ sung*: Cặp mắt Thuý Kiều vừa trong sáng vừa long lanh, dợn sóng. Đôi mắt ấy không chỉ đẹp mà còn có sức cuốn hút mạnh mẽ. Đôi mắt ấy tiềm ẩn, là nơi hội tụ mọi vẻ đẹp của: Địa- Linh- Nhân- Kiệt.  H. Tả sắc đẹp đôi mắt Kiều, nhà thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Câu thơ gợi cho ta thấy điều gì về nhan sắc của Thuý Kiều? | | | *+ Giải nghĩa theo vốn hiểu, khái quát vẻ đẹp .*  ***- Làn thu thuỷ*** : làn nước mùa thu-> Mắt đẹp, trong như hồ nước mùa thu -> gợi tả vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt, có hồn.  ***- Nét xuân sơn*** : nét nói mùa xuân : -> lông mày thanh tú, tươi đẹp trên gương mặt trẻ trung.  ***- Nghiêng.. thành*** : Điển tích chữ Hán -> Sắc đẹp tuyệt vời của người phụ nữ có thể làm cho người ta say mê có thể đến nỗi mất thành, đổ nước.  *+ Phát hiện các thủ pháp nghệ thuật, trả lời.*  - Nghệ thuật miêu tả, đối ý.  → Vẻ đẹp lộng lẫy có sức cuốn hút và say mê lòng người ***=> Là một trang tuyệt sắc giai nhân, có một không hai.*** | | | \* Sắc đẹp:  + Đôi mắt  *Làn thu thuỷ nét xuân sơn.*  -> Đôi mắt ấy tiềm ẩn, là nơi hội tụ mọi vẻ đẹp của: Địa- Linh- Nhân- Kiệt.  → Vẻ đẹp lộng lẫy có sức cuốn hút và say mê lòng người=> Là một trang tuyệt sắc giai nhân, có một không hai. | |  | |
| H. Vì sao Nguyễn Du lại tả nhan sắc Thuý Vân trước nhan sắc Thuý Kiều? | | | *+ Suy nghĩ, trả lời. (Dành cho HS giái)*  - Đó là một dụng ý nghệ thuật sáng tạo của Nguyễn Du: Tả người bằng nghệ thuật đòn bẩy.  - Nhà thơ dùng Vân làm điểm tựa, làm nhân vật phông màn để làm tôn vinh vẻ đẹp của nhân vật Thuý Kiều.  - Một tài năng nghệ thuật bậc thầy, tả người kiểu “Vẽ mây nẩy trăng” chỉ có ở đại thi hào này. | | |  | |  | |
| H. Bên cạnh vẻ đẹp hình thức, tác giả còn nhấn mạnh vẻ đẹp nào của Thuý Kiều ?  H. Vẻ đẹp đó được tác giả giới thiệu ntn ?  H. Qua sự giới thiệu đó, em cảm nhận được điều gì về tài năng của Kiều ?  ***\* GV bổ sung*** : *Quan niệm cổ điển khi nói về cái đẹp đều là công, dung, ngôn hạnh. Kiều vượt lên trên quan niệm về cái đẹp đó : nàng có cả tài. Tài của nàng được thể hiện ở nhiều phương diện: Đủ mùi ca ngâm, làu bậc ngũ âm, nghề riêng ăn đứt…Quả là một tài năng hiếm thấy, khi thì thuần thục, khi thì vượt trội, lại tự sáng tác ra một bản đàn “ Bạc mệnh”. Tất cả cho thấy một khả năng trời phú*  *Đây là quan niệm hoàn toàn mới của Nguyễn Du về cách nhìn nhận vẻ đẹp đối với người phụ nữ.* | | | *+ Phát hiện chi tiết, rút ra đặc điểm của nhân vật, trả lời cá nhân.*  + Trí tuệ : thông minh vốn sẵn tính trời.  + Tài năng : cầm, thi…hoạ…ca ngâm, soạn nhạc…=> Đa dạng, đạt tới mức độ lí tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến gồm đủ cả: tài nào cũng giái, tài đàn là sở trường, là năng khiếu trời cho, vượt lên trên mọi nghề***. “Lầu bậc ngũ âm”.*** Nàng giường như đoán trước được phần nào kiếp tài hoa bạc mệnh của nàng qua “cung đàn bạc mệnh” do chính tay nàng sáng tác đầy sầu não, đau khổ. | | | ***+Trí tuệ:*** thông minh thiên bẩm.  ***+ Tài năng:***  - Thi (đề thơ trên quạt)  - hoạ (vẽ)  - ca (hát)  - sáng tác  - đàn  -> Đa dạng, thành thạo điêu luyện , vượt trội xuất sắc hơn ngườiđạt tới mức độ lí tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến. | |  | |
| *\* GV cho HS thảo luận bàn, gọi trình bày, nhận xét.*  H. Có ý kiến cho rằng cực tả sắc đẹp và tài năng của Kiều cũng chính là để tả cái tâm của nàng. Ý kiến của em thế nào?  *- GV liệt kê từng ý kiến lên bảng.*  *- Cùng hs làm sáng tỏ từng ý kiến, chốt.* | | | *+ HS thảo luận bàn, đại diện trình bày, nhận xét.*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  - Cực tả tài năng vượt trội cũng chính là miêu tả cái tâm. Vì thế mà cung bạc mệnh mà nàng tự sáng tác phải chăng là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm. | | | ***+Tình cảm:*** đa sầu đa cảm. | |  | |
| *\* GV dẫn dắt* : *Nhưng cái mà tác giả muốn nhấn mạnh không phải là nét và làn mà đặc biệt chú ý tới tác động, ảnh hưởng của vẻ đẹp ấy*  H. Vẻ đẹp của Thúy Kiều có tác động ảnh hưởng như thế nào? Ngoài việc miêu tả vẻ đẹp của Kiều t/g còn muốn gửi những dự cảm ntn về cuộc đời của Kiều sau này?  *\* GV giảng bình:*  *Với Vân, vẻ đẹp của nàng hòa hợp, hài hoà với thiên nhiên khiến thiên nhiên phải sẵn lòng quì gối, nhường bước vì đó là vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang vô hại. Còn vẻ đẹp “sắc sảo, mặn mà” của Kiều khiến cho “hoa” phải “ghen”, “liễu” phải “hờn”, vẻ đẹp vựơt trên chuẩn mực của thiên nhiên. Vẻ đẹp rực rỡ, kiêu sa đã khiến thiên nhiên sinh lòng ghét ghen, đố kị.*  *\* GV liên hệ với cuộc đời 15 năm lưu lạc của Kiều: Thanh lâu 2 lượt, thanh y 2 lần* | | | *+ Nghe GV dẫn dắt*  *- Tìm, xác định chi tiết, nêu suy nghĩ của cá nhân:*  “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.”*  - Nghệ thuật tả Kiều của Nguyễn Du đã ẩn chứa, báo trước một dư cảm không suôn sẻ, bình lặng.  - Bao truân chuyên, sóng gió đang rình rập chờ đón nàng ở phía trước. Nhà thơ linh cảm con đường hậu vận trong cuộc đời Kiều: Số kiếp “hồng nhan bạc phận”. Vì thế những câu thơ Kiều đã trở thành những trang đời trong bói toán. | | | → Báo trước cuộc đời dâu bể, long đong lận đận | |  | |
| H. Để khắc hoạ bức chân dung của Kiều, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng ?  \* GV bình: Tóm lại bức tranh chân dung Kiều được Nguyễn Du vẽ có đủ cả : sắc -trí - tài - tình – mệnh, trời xanh phú cho nàng nhiều điều thì cũng sẽ lấy đi của nàng nhiều thứ. Điều này cũng phù hợp với quan điểm nhân quả của Nguyễn Du. | | | *+ Khái quát trả lời.*  - Biện pháp nghệ thuật so sánh, ước lệ tượng trưng, ẩn dụ.=> Làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều: Vẻ đẹp lộng lẫy, sắc sảo, tài năng đa dạng, thông minh tuyệt đỉnh, tâm hồn đa cảm…  → Kiều là mẫu của người phụ nữ hoàn hảo nhất, nhưng cũng chính điều này đã dự báo, đã chứa đựng một tương lai đầy bão tố, một cuộc đời không yên ổn. | | |  | |  | |
| H. Trong 2 bức chân dung 2 chị em Kiều, em thấy bức chân dung nào nổi bật hơn ? Vì sao ?  *\* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm(3’) gọi trình bày, nhận xét.* | | | *+ Thảo luận theo 4 nhóm, trả lời.*  - Bức chân dung Thuý Kiều nổi bật hơn vì:  - Số lượng câu chữ dùng để tả Kiều cũng nhiều hơn.  - Vân chỉ được tả nhan sắc, không thể hiện được cái tài, cái tình -> Khi tả Kiều, tác giả tả sắc một phần, còn dành đến 2 phần tả tài, tình.  - Đáng lẽ phải tả Kiều trước tác giả lại chọn tả Vân, đó là cách sử dụng phép nghệ thuật đòn bẩy. Lấy Vân làm nền để tả Kiều. | | |  | |  | |
| \* GV gọi đọc 4 câu thơ cuối ? H. Tác giả đã sử dụng lớp từ nào để miêu tả về cuộc sống của hai chị em? Em cảm nhận được gì về cuộc sống của hai chị em qua bốn câu thơ cuối?  H. Khi gợi tả vẻ đẹp của hai chị em, thái độ tình cảm của tác giả thể hiện như thế nào?  ***\* GV khái quát và chốt kiến thức trọng tâm*:**  *Tả sắc tài của chị em Kiều, nhà thơ đề cao vẻ đẹp ấy bằng tình cảm nhân đạo, cảm hứng nhân văn. Đó là một vẻ đẹp sung sức, viên mãn, đầy thiện cảm.Đó là cảm hứng thẩm mĩ về đức hạnh của người phụ nữ Phong kiến xưa.Ngợi ca nhân vật, nhà thơ lí tưởng hoá, lãng mạn hoá nhân vật bằng cảm hứng ngợi ca, ngưỡng mộ.* | | | *+ Đọc 4 câu thơ cuối, phát hiện các BPNT, nêu tác dụng. HS khác nhận xét, bổ sung. Nêu suy nghĩ về thái độ, tình cảm của tác giả.*  - Dùng nhiều từ Hán Việt gợi tả sự trang trọng, đứng đắn của một gia đình nề nếp gia phong  → Cuộc sống phong lưu êm đềm khuôn phép, đức hạnh  → Thái độ trân trọng , ngợi ca vẻ đẹp hình thức, tài năng, tâm hồn con người ( Giá trị nhân đạo )  *+ HS nghe GV chốt kiến thức.* | | | ***d. Nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em.***  - Đó là cuộc sống phong lưu, khuôn phép, đức hạnh, mẫu mực như 2 bông hoa đương còn phong nhuỵ , trong cảnh êm đềm. | |  | |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.** | | **III. HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.**  ***- Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp*** | | | | | ***- Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Tổng kết**: | 8-10’ | |
| H.Nêu những thành công về giá trị nghệ thuật của văn bản?  H. Học xong tác phẩm em đánh giá gì về giá trị nội dung?  H. Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 83.  H. Qua tìm hiểu văn bản em rút ra ý nghĩa gì?  **\* GV khái quát toàn bài và cho HS làm BTTN.**  ***-*** *GV phát phiếu bài tập, yêu cầu HS làm vào phiếu, gọi đọc, gọi nhận xét.* | | *1. Nghệ thuật:*  - Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ.  - Sử dụng nghệ thuật đòn bẩy.  - Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình.  - Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điển cố, điển tích.  - Ngôn ngữ trong sáng, tinh tế, chọn lọc.  - Tả chân dung mang tính cách, số phận.  - Sử dụng ngôn ngữ gợi tả, hình ảnh ước  *2. Nội dung.*  - Thái độ trân trọng ngợi ca vẻ đẹp tài năng của Thuý Vân, Thuý Kiều.  - Dự cảm về cuộc đời của chị em Thuý Kiều.  ***3.Ýnghĩa văn bản:***  Chị em Thuý Kiều thể hiện tài năng nghệ thuật và cảm hứng nhân văn ngợi ca vẻ đẹp và tài năng của con người của tác giả Nguyễn Du.  *+ HS nhận phiếu bài tập, làm vào phiếu bài tập.*  *- Làm việc cá nhân.*  *- Nêu ý kiến, nhận xét* | | | | | *1. Nghệ thuật:*  *2. Nội dung.*  \**Ghi nhớ/ SGK/83*  ***3.Ýnghĩa văn bản:***  Chị em Thuý Kiều thể hiện tài năng nghệ thuật và cảm hứng nhân văn ngợi ca vẻ đẹp và tài năng của con người của tác giả Nguyễn Du. |  | |
| **Câu 1:** *Nhận định nào nói đầy đủ nhất về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du trong đoạn trích” Chị em Thuý Kiều”?*  A: Sử dụng nhiều điển tích, điển cố và ca dao dân ca.  B: Sử dụng nhiều biện pháp tu từ, các hình ảnh ước lệ, tượng trưng.  C: Sử dụng điển cố và biệp pháp đòn bẩy.  D: Cả B, C đều đóng  **Câu 2**: *Dòng nào nói đóng nhất giá trị nội dung của đoạn trích” Chị em Thuý Kiều”.*  A: Ca ngợi tài năng của nàng Thuý Vân.  B: Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa mệnh bạc.  C: Ca ngợi cuộc sống êm đềm hạnh phúc của 2 chị em Thuý Vân, Thuý Kiều.  D: Ca ngợi vẻ đẹp và tài năng của nàng Thuý Kiều.  => Đáp án: 1- D, 2- B | | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 5-7 p.  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | | |
| **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.** | ***- Kĩ năng tư duy sáng tạo***  **IV.HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.** | | | | ***- Kĩ năng tư duy sáng tạo***  **IV. Luyện tập**: | | | | **7p** |
| *\* GV cho HS làm BT trắc nghiệm?* | *+ HS chon đáp án đóng, câu : 5, 6, 7, 813, 17, 20, 21,22, 23/50.* | | | | **1. Bài 1. Trắc nghiệm** | | | |  |
| *\* GV nêu yêu cầu*: Có ý kiến cho rằng : Bức chân dung của 2 chị em Thuý Kiều là bức chân dung mang tính cách, số phận. Ý kiến của em ntn ?  *\* GV cho thảo luận theo 4 nhóm, gọi trình bày, nhận xét, GV bổ sung).*  \* GV cho HS viết đoạn văn (3-5 câu) nêu cảm nhận của em sau khi học xong đoạn trích? (GV gọi đọc, gọi nhận xét, GV uốn nắn cách viết) | *+ HS thảo luận theo 4 nhóm, đại diện nhóm trả lời, nhận xét*, bổ sung.  *+ Viết đoạn trong 5 phút, trình bày trước lớp, nhận xét* | | | | **2. Bài 2.**  \* Chân dung của 2 chị em Thuý Kiều là bức chân dung mang tính cách, số phận :  - Vẻ đẹp của Thuý Vân tạo sự hoà hợp , êm đềm với xung quanh : ***Mây thua, tuyết nhường***  như ngầm dự báo cuộc đời nàng sẽ bình lặng,êm ấm.  - Còn vẻ đẹp của Thuý Kiều làm cho thiên nhiên tạo hoá phải ghen ghét, đố kị ***hoa ghen, liễu hờn***, nên số phận nàng sẽ gặp nhiều éo le, đau khổ. Kiều lại quá tài hoa, với tâm hồn đa sầu đa cảm như ngầm dự báo một cách chính xác số phận bạc mệnh của nàng sau này. | | | |  |
|  |  | | | | **3. Bài 3. Viết đoạn văn** | | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  **- HS :** Hãy nhận xét chung về hoa hậu Việt Nam và so sánh với Thúy Kiều trong Truyện Kiều của Nguyễn Du | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Đọc toàn bộ truyện Kiều  - Những lời bình về Truyện Kiều và các trích đoạn trong Truyện Kiều | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***- Đọc thuộc lòng và nắm được giá trị của đoạn trích

- Hoàn thiện bài tập:Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em sau khi học xong đoạn trích này.

- Hãy đọc bài đọc thêm, so sánh với đoạn trích để thấy được sự sáng tạo và những thành công bậc thày của Nguyễn Du trong sáng tác?

Gợi ý: Thanh Tâm tài nhân chủ yếu kể về 2 chị em Thuý Kiều, Nguyễn Du thiên về gợi tả vẻ đẹp của 2 chị em.

- Thanh Tâm Tài nhân kể về Kiều trước, Vân sau

- Nguyễn Du gợi tả Vân trước, Kiều sau để làm tôn thêm vẻ đẹp của Kiều.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Soạn “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.

\* Yêu cầu: Tìm đọc tư liệu.

Trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.

Phiếu bài tập.

* Rút kinh nghiệm
* Nhấn mạnh cho hs thấy được nét khác nhau khi Nguyễn Du khi miêu tả Vân trước , Kiều sau, khác với Thanh Tâm tài nhân.
* Cần hướng hs phần luyện tập

**Ngày dạy: 16-19/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 6,7**

**Tiết 31,31**

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức** :

- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại,của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm Truyện Kiều.

**2. Kỹ năng** :

- Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong truyện.

**3. Thái độ:**- Cảm thông cho số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. Chuẩn bị**

**1. Thầy:**- Máy chiếu, bảng phụ, phim trong.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Trò:**- Sưu tầm tranh ảnh.Đọc diễn cảm và chuẩn bị bài trước ở nhà phần trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập. Làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ( 4-5p)**

*+ Phương án:* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

+ *Nội dung:* H. Đọc thuộc lòng đoạn trích Cảnh ngày xuân và nêu nội dung, nghệ thuật phần trích?

\* Đáp án: Hs phải nêu được một số ý cơ bản sau

- Miêu tả TN theo trình tự thời gian và không gian,Kết hợp tả cảnh với thể hiện tâm trạng

- Từ ngữ giàu chất tạo hình, sáng tạo độc đáo.

-Đoạn thơ tả bức tranh TN,lễ hội mùa xuân tươi đẹp,mới mẻ,trong sáng và giàu sức sống.

**\*Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KIẾN THỨC - KĨ NĂNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV cho hs quan sát cảnh phác họa Kiều ở lầu Ngưng Bích và nêu nhận xét của em.  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  **Tiết 31,32. Đọc hiểu văn bản:**  **Kiều ở lầu Ngưng Bích**  **(Trích truyện Kiều – Nguyễn Du)** | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2 :** HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 60’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 9p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | | | | **CHUẨN KT- KN**  **CẦN ĐẠT** | | **GHI CHÚ** | | | |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc – tìm hiểu chú thích.**  **1. Hư­ớng dẫn HS đọc.** | | **I.HS đọc – tìm hiểu chú thích.**  **1. HS đọc.** | | | | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- chú thích:**  ***1. Đọc:*** | | **9’** | | | |
| *\* GVđọc diễn cảm văn bản .*  H. Với phần trích học này, theo em ta cần đọc thế nào cho đóng?  *\* Gọi 2 HS đọc bài.*  *\* Cho HS nhận xét, đánh giá cách đọc của bạn.*  \* ***Chuyển ‎ý:*** *Muốn tìm hiểu nội dung, ‎ý nghĩa tác phẩm, ta cần hiểu rõ nghĩa của 1 số từ ngữ.* | | *+ Nghe, hiểu, nhận xét yêu cầu đọc.*  *+ Trình bày nhận xét:*  - Đọc giọng nhỏ nhẹ, trầm buồn như lời tâm sự. Nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả gợi cảm: “*Bẽ bàng mây sớm…như chia tấm lòng*.” Và những câu thơ gợi cảm “Buồn trông…”  - Chú ý những chi tiết làm nổi bật tâm trạng Kiều: ngôn ngữ độc thoại nội tâm, tả cảnh ngụ tình.  *+ HS 1 đọc 14 câu thơ đầu.*  *+ HS 2 đọc 8 câu thơ cuối.*  *Lớp nhận xét, đánh giá.* | | | | | |  | |  | | | |
| **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chú thích.** | | **2.HS tìm hiểu chú thích.** | | | | | | ***2. Chú thích.*** | |  | | | |
| H. Đoạn trích nằm ở vị trí nào của tác phẩm, tóm tắt nội dung đoạn trích.?  H. Đoạn trích có 12 từ ngữ đã được SGK chú thích, em hiểu gì về nghĩa của các từ ngữ:Chén đồng, Quạt nồng ấp lạnh, Sân Lai, Gốc tử  H. Ngoài các từ ngữ trên, trong đoạn trích còn từ ngữ nào chưa hiểu em thấy cần giải thích thêm?  *\* GV khái quát chuyển ý.* | | *+ HS xác định vị trí, tóm tắt đoạn trích.*  Sau khi bị mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú Bà làm nhục, bị mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu làm gái lầu xanh. Đau đớn, tủi nhục, phẫn uất, nàng định tự vẫn. Tú Bà sợ lỗ vốn bèn lựa lời khuyên giải, dụ giỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng cho một người tử tế. Tú Bà đưa Kiều ra sống ra ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn.  *+ HS giải thích theo cách giải thích trong SGK (94, 95)*  *+ Nêu từ cần giải thích.*  *+ Nghe ‎ý kiến giải thích của thầy.* | | | | | | **a. Vị trí**: Nằm trong phần II tác phẩm: Gia biến và lưu lạc. (từ câu 1033 – 1054)  **b.Từ khó** : 1,6,8,9,10,11,12 | |  | | | |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | | **II. HS tìm hiểu văn bản.**  ***(Hình thành các kĩ năng: Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm)***  **1.HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản**  ***1. Tìm hiểu khái quát:*** | | | **50-55p** | |
| *\* GV cho HS thảo luận nhóm bàn, trả lời một số câu hỏi khái quát, gọi trả lời, gọi nhận xét, GV chốt, chiếu trên máy*  H. Em hãy xác định nội dung , bố cục, PTBĐ chính của văn bản?  H. Trong đoạn, Kiều được miêu tả ở phương diện nào ? (ngoại hình, hành động, nội tâm)? Vậy theo em phương thức biểu đạt chính so sánh với cảnh ngày xuân ?  \* GV: *Đây là khoảnh khắc yên thân nhất đối với Kiều trong 15 năm lưu lạc, ở nơi biệt lập này, Kiều đối diện với cảnh vật thiên nhiên với lòng mình nơi đất khách quê người để ngẫm nghĩ, đau nỗi đau vừa xảy ra, sợ hãi, lo lắng cho tương lai → Vì vậy đoạn trích → PTBĐ chính: biểu cảm.* | | | *+ HS thảo luận nhóm bàn, trả lời một số câu hỏi khái quát, nhận xét, nghe GV chốt, quan sát trên máy, ghi vào vở.*  ***- Nội dung:*** Diễn tả tâm trạng Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  ***- Bố cục:3 phần***  + 6 câu đầu : khung cảnh nơi lầu Ngưng Bích.  + 8 câu tiếp : nỗi nhớ của Kiều.  + 8 câu cuối : nỗi buồn của Kiều.  - Được miêu tả ở phương diện : nội tâm.  ***- PTBĐ chính*** : Tự sự (giàu yếu tố biểu cảm) | | | | | | ***- Nội dung:*** Diễn tả tâm trạng Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  ***- Bố cục: 3 phần***  + 6 câu đầu : Hoàn cảnh của Kiều nơi lầu Ngưng Bích.  + 8 câu tiếp : nỗi nhớ của Kiều.  + 8 câu cuối : nỗi buồn của Kiều.  ***- PTBĐ chính*** :Tự sự- miêu tả - biểu cảm | | | Chiếu phần khái quát trên máy. | |
| **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | | **2. HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | | | | | **2. Tìm hiểu chi tiết.** | | |  | |
| *\* Gọi H.S đọc 6 câu thơ đầu, nêu nội dung?*  H. Chữ ***"xuân"*** trong câu thơ được tác giả dùng theo phương thức chuyển nghĩa nào? Từ ***"khóa xuân"*** trong câu thơ mở đầu có ‎ý nghĩa như thế nào? Qua đó em hiểu gì về cảnh ngộ của Kiều lúc này? | | | *+ 1 HS đọc, nêu nội dung chính. Nêu ý nghĩa từ xuân.*  - ***"Khóa xuân":*** xuân: phương thức ẩn dụ-> khóa kín tuổi xuân, giam hãm tuổi xuân. ‎Ý nói: Kiều đang bị cấm cung, bị giam lỏng. → ở đây có ý mỉa mai nói về cảnh ngộ trí trêu, bất hạnh của Kiều. | | | | | | ***a/ Hoàn cảnh của Kiều nơi lầu Ngưng Bích.***  ***\* Hoàn cảnh:*** bị giam lỏng-> trí trêu. | | |  | |
| H. Trong cảnh ngộ ấy, Kiều đã cảm nhận được điều gì về phong cảnh xung quanh?  *\*GV nêu yêu cầu, cho HS thảo luận theo nhóm (3’), gọi trình bày, nhận xét.*  H. Có ý kiến cho rằng: *“Câu thơ Bốn bề... như mở ra một không gian nghệ thuật, không chỉ có tầm rộng mà có cả tầm* *xa”. ý kiến của em ntn?*  H. Qua đó, em có nhận xét gì về khung cảnh thiên nhiên?  *(GV gợi ý:Gợi ra không gian gì trước mắt Kiều? Những cảnh vật ấy đã gợi nên một cảm giác ntn ?)* | | | *+ Tìm, phát hiện chi tiết, trình bày.*  - Kiều bị giam ở lầu Ngưng Bích. Trên lầu cao, Kiều thấy dãy nói xa và mảnh trăng như cùng 1 vòm trời, cùng chung tâm trạng phía xa là cồn cát vàng và nẻo đường bốc bụi mờ.  + non xa – trăng gần  + bốn bề bát ngát  + Cát vàng, cồn nọ, bụi hồng, dặm kia.  *+ HS trao đổi theo 4 nhóm, thống nhất trong nhóm, đại diện trình bày, nhận xét.*  - Có điều bất hợp lí trong ý câu “Vẻ non xa…trăng gần” → tính hàm súc cao → bởi trong hoàn cảnh này chỉ có trời mây trăng gió làm bạn, ở chung.  + ***Bát ngát*** chỉ ra một khoảng không gian rộng lớn mênh mông Kiều nhìn ra bốn phía đều không có điểm dừng, ***“xa trông”*** → nhìn thẳng về phía trước chỉ thấy một không gian, không có điểm dừng → một câu thơ 6 chữ → có 3 từ chỉ không gian → cảnh tượng hoang vắng, trống trải đến lạnh lùng. | | | | | | **\* *Cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích.***  + non xa – trăng gần  + bốn bề bát ngát  + Cát vàng, cồn nọ, bụi hồng, dặm kia.  ***=***> khung cảnh thiên nhiên cao rộng, mênh mông, hoang vắng, lạnh lẽo, thiếu vắng hẳn sự sống của con người. | | |  | |
| H. Trong khung cảnh ấy, cuộc sống của Kiều diễn ra ntn?  “Bẽ bàng……………..  ……………… tấm lòng”  ? Em hiểu ***“bẽ bàng”*** là gì? H/ả ***“mây sớm đèn khuya”*** gợi ý nghĩa gì về thời gian? Điều này cho thấy gì về cuộc sống của Kiều lúc này? | | | *+ Phát hiện trả lời.*  ***- Bẽ bàng*** : xấu hổ, tủi nhục vì bị MGS làm nhục, bị lừa vào lầu xanh. → cảm giác đau khổ tủi nhục với chính mình → trong h/cảnh trí trêu, éo le.  ***- Mây sớm đèn khuya***: làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya đó chính là những giới hạn mà thời gian của một ngày từ sáng sớm tới đêm khuya ->vòng tuần hoàn khép kín của thời gian. | | | | | | ***\* Cuộc sống của Kiều:*** “Bẽ bàng………lòng”  -> quẩn quanh, buồn bã, lạc lõng, bơ vơ giữa một thế giới lạnh lẽo và hoang vắng. | | |  | |
| H. Qua câu thơ ***“nửa tình ..lòng”***, em cảm nhận được điều gì về tâm trạng của Kiều lúc này?  \***GV:** *Có thể nói trong cả thời gian và không gian ⇒ Hình ảnh Kiều hiện lên nhỏ bé đơn côi → T/g không chỉ tả cảnh → chuyển cho người đọc một tâm trạng buồn chán, bi quan của người con gái không chốn nương thân, không người cứu giúp.* | | | *+ Trình bày suy nghĩ:*  - Câu thơ 8 chữ có 2 hình ảnh.  - Nửa tình: tình cảnh cô đơn, bất hạnh, tuyệt vọng.  - Nửa cảnh: đẹp, khêu gợi, hấp dẫn, thơ mộng.  🢣 Hỉểu như vậy ta thấy tâm trạng Kiều lúc này đang bị giằng xé, phân thân. Đó là nỗi cô đơn, buồn tủi chán chường, những vò xé ngổn ngang trong lòng trước hoàn cảnh số phận éo le. | | | | | | ***\* Tâm trạng***: Nỗi cô đơn, buồn tủi chán chường đến tuyệt đối. | | |  | |
| H. Theo em, khung cảnh thiên nhiên lầu Ngưng Bích qua nghệ thuật miêu tả của tác giả là cảnh thực hay ước lệ? Vì sao em cho là như vậy?  \* ***Chuyển ý***: *6 câu thơ đầu chỉ là cầu nối để Kiều diễn xuất tâm trạng, bộc lộ nỗi nhớ.* | | | *+ HS Thảo luận nhóm:*  *+ Trình bày cảm nhận:*  - Đối chiếu với cảnh ngộ thực tại của Kiều có thể đây là cảnh ước lệ.  - Vì nó diễn tả sự mênh mông, trống vắng đến rợn ngợp ghê người. Có thể ta mới thấy rõ tâm trạng cô đơn, buồn chán, bất lực của Kiều. | | | | | |  | | |  | |
| *\* Thầy dùng lệnh gọi H.S đọc 8 câu thơ tiếp.*  H. Nghệ thuật miêu tả của nhà thơ trong 8 câu thơ này có gì khác so với 6 câu thơ đầu?  H. Thuý Kiều đã nhớ đến ai trong cảnh ngộ này ? Nhận xét của em thế nào về nghệ thuật diễn tả nỗi nhớ nàng Kiều ở 8 câu thơ này? | | | *+ Đọc, nghe, suy nghĩ, phát hiện.Trả lời cá nhân*  - Nếu 6 câu thơ đầu, nhà thơ thiên về tả cảnh thì ở 8 câu thơ này cảnh mất đi để tình xuất hiện.  *+ Phát hiện, trình bày nhận xét:*  8 câu thơ chia đều cho 2 nỗi nhớ:  - Nhớ chàng Kim (4 câu)  - Nhớ song thân (4 câu)  - Cách diễn tả nỗi nhớ của nhà thơ như vậy là hoàn toàn hợp lí.  - Diễn tả như vậy vừa phù hợp với qui luật tâm lí, tình cảm con người, vừa thể hiện sự sắc sảo tinh tế trong ngòi bút Nguyễn Du. | | | | | | **b/ Nỗi nhớ của nàng Kiều** | | |  | |
| H. Vì sao nhà thơ lại để Thúy Kiều bộc lộ nỗi nhớ Kim Trọng trước, nhớ cha mẹ sau?  **GV:** *Có thể nói Nguyễn Du không chỉ tài hoa trong sử dụng ngôn ngữ, mà ông rất tinh tế khi bộc lộ tình cảm của mình với nhân vật cho Kiều nhớ tới Kim Trọng trước đó là một mạch nghĩ tình cảm rất phù hợp một sự cảm thông một con mắt nhìn qua chính cõi tấm lòng thấu suốt ngàn đời.* | | | *+ Thảo luận nhóm bàn theo 4 tổ , đại diện trình bày, nhận xét.*  + Nỗi nhớ đó hợp quy luật, phù hợp tâm trạng Kiều lúc này :  - Không phải Kiều không thương cha mẹ → sau khi bán mình chuộc cha → nàng coi như mình đã làm trên bổn phận của người con.  - Nhớ K.Trọng vì mới ngày nào dưới trăng họ *“Đinh ninh hai* *miệng một lời song song”*, nặng lời hẹn ước trăm năm → nàng đã trở nên lỗi hẹn mỗi người một ngả.Với chàng Kim, Kiều nhớ trước vì nàng đã mắc nợ duyên chàng.  - Hiểu như vậy ta mới thấy được sự thiên tài trong nghệ thuật khám phá thế giới nội tâm nhân vật. | | | | | | **\* *Nhớ Kim Trọng:*** | | |  | |
| \* Giảng: *Chúng ta tìm hiểu những nét đẹp nội tâm nàng Kiều qua 2 nỗi nhớ.*  H. Nhớ Kim Trọng, Kiều nhớ tới điều gì? Chi tiết nào thể hiện điều đó? | | | *+ Xác định, trình bày:* | | | | | | -*Tưởng…dưới nguyệt chén đồng*  *…rày trông mai chờ.* | | |  | |
| H. Hãy thử phân tích từ “tưởng” để thấy được tấm lòng, tình cảm của Thuý Kiều đối với Kim Trọng ? | | | *+ Phân tích hiệu quả của từ ngữ, tự bộc lộ suy nghĩ cá nhân*  - Nếu “nhớ” → nhấn mạnh đến t/cảm tha thiết sâu nặng muốn được gặp, được thấy thì “tưởng” → nhớ lại, nghĩ lại mà không còn hi vọng được gặp, được thấy.  - “Tưởng người” không còn là hình là bóng trong nỗi nhớ mà dường như một Kim Trọng bằng xương bằng thịt đang hiển hiện trước mắt.  - Không thể thay thế bằng các từ: mơ, nghĩ, nhớ → cảm xúc này → biểu hiện tình yêu sâu nặng gắn bó thiết tha, rất mãnh liệt mà Kiều dành cho Kim Trọng: .(Nàng luôn tưởng tượng hình dung ra cảnh hai người thề nguyền dưới trăng.) | | | | | | + Nhớ cảnh thề nguyền dưới trăng | | |  | |
| H. Chú thích (6) giúp em có thêm những cảm nhận gì về tình cảm của Thúy Kiều với chàng Kim?  \* Bình: *Nhớ Kim Trọng, Kiều luôn dành cho Kim những tình cảm đẹp nhất. Nỗi nhớ ấy làm thổn thức con tim bao người.* | | | *+Trình bày nhận thức của cá nhân.*  Hình dung chàng Kim đang mong đợi.  + Nỗi nhớ đó không có gì có thể làm phai nhạt. - "Tin sương…mai chờ" cho thấy: Một nỗi nhớ sâu nặng, mạnh mẽ, da diết, cồn cào đốt cháy ruột cháy gan của Kiều khi nghĩ tới chàng Kim. | | | | | | → Một nỗi nhớ không thể nhạt phai,  + Đau đớn , xãt xa khi nghĩ tới cảnh Kim Trọng chờ đợi tin tức của mình trong vô vọng. | | |  | |
| H. Từ nỗi nhớ chàng Kim, Kiều đã suy nghĩ gì về cảnh ngộ thực tại của mình? | | | *+ Khái quát, trình bày:*  - Cảnh ngộ éo le, bơ vơ, trơ trọi, hết sức tội nghiệp:  " B*ên trời…bơ vơ,*  *Tấm son…cho phai"* | | | | | |  | | |  | |
| H. Em hiểu hình ảnh ***"tấm son"*** qua cách nói của Nguyễn Du như thế nào cho đóng? | | | *+ Nhận xét, bình luận hình ảnh*:  "Tấm son" trong câu thơ có thể hiểu theo 2 nghĩa:  - Tấm lòng son sắt thủy chung Kiều luôn dành cho Kim Trọng.  - Hình ảnh đó còn được hiểu: Đó là tấm lòng son của Kiều đã bị bọn mặt người dạ thú vùi dập, chà đạp, làm hoen ố, nàng không bao giờ gột rửa được. | | | | | | + Ân hận giày vò trong lòng vì đã phụ chàng Kim. | | |  | |
| H. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ tác giả sử dụng trong đoạn? H. Qua đó cho thấy tình cảm, tấm lòng của Kiều dành cho Kim Trọng ntn? | | | *+ Suy nghĩ trình bày:*  - Ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Kiều tự nói với chính mình, đối diện với chính mình.  - Tình cảm thủy chung gắn bó, bất chấp hoàn cảnh éo le, nghiệt ngã, đau khổ. | | | | | | → Con người sâu sắc, thủy chung, thiết tha với hạnh phúc lứa đôi bất chấp hoàn cảnh éo le. | | |  | |
| \* Chuyển ‎ý: *Sau những câu thơ diễn tả nỗi nhớ người yêu đau đớn đến quặn lòng, Kiều giật mình nhớ về cha mẹ.*  H. Tìm những từ ngữ, chi tiết biểu hiện nỗi nhớ của Thúy Kiều với cha mẹ? | | | *+ Đọc, tìm, xác định chi tiết.*  - Xãt người tựa cửa… quạt nồng ấp lạnh.  - Sân lai cách mấy nắng mưa.  - Gốc tử.. | | | | | | ***\* Nhớ cha mẹ:***  - người tựa cửa…  quạt nồng ấp lạnh… | | |  | |
| H. Hình ảnh "người tựa cửa" nhà thơ dùng trong câu thơ để chỉ ai? Cho thấy tình cảm gì của Thúy Kiều? | | | *+ Phân tích hình ảnh:*  - Chỉ cha mẹ nơi quê nhà của Kiều.  - Tình cảm trông ngóng, chờ đợi, hướng về. | | | | | | *- Xãt thương* | | |  | |
| H. Em hiểu gì về ý nghĩa của cụm từ "quạt nồng ấp lạnh" được nhà thơ dùng ở đây? | | | *+ Dựa vào chú thích, trình bày.*  - Quạt nồng → giải nghĩa → từ nơi xa Kiều lo lắng không biết rồi đây ai là người chăm sóc, trông nom cha mẹ. | | | | | | *- Lo lắng, băn khoăn.* | | |  | |
| *\* GV cho HS đọc 2 điển tích (10), (11) SGK và cho biết: những điển tích ấy làm sáng tỏ thêm điều gì?*  H. Cũng như 4 câu thơ tả nỗi nhớ chàng Kim, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ ở 4 câu thơ này là gì? Qua đó giúp em cảm nhận được tình cảm gì của Thúy Kiều dành cho cha mẹ? | | | *+ Giải thích hình ảnh theo chú thích (9) SGK:*  *+ Đọc, nghe, phân tích:*  - Cách so sánh Kiều với Lão Lai Tử (người nước Sở, thời Xuân Thu) cho thấy Kiều là đứa con chí hiếu.  *+ So sánh, phân tích:*  - Dùng ngôn ngữ độc thoại nội tâm để diễn tả suy nghĩ của Thúy Kiều với cha mẹ. | | | | | | → Tình cảm, ân nghĩa sâu nặng với cha mẹ. lòng hiếu thảo bền chặt | | |  | |
| **\* GV chốt tiết 1, chuyển tiết 2:** *Ngay cả trong lúc cô đơn lẻ loi, đau khổ Kiều cũng không nghĩ đến mình mà luôn dành tất cả tình cảm yêu thương cho người thân. Nghĩ gần, nghĩ xa nhưng Kiều không thể không quay về tới cảnh ngộ thương tâm của mình, sống với tâm trạng và số phận hiện tại của mình.*  *\* Cho HS đọc lại 8 câu thơ cuối.* | | | \* TIẾT 32.  *+Nghe, cảm nhận.*  *+ HS đọc lại 8 câu thơ cuối.* | | | | | | ***c. Nỗi buồn của Thúy Kiều:***  - Buồn trông: | | |  | |
| H: 8 câu cuối là cảnh thực hay hư ? Cảnh đó gợi cho em hiểu được tâm trạng gì của Kiều ?  H. Các biện pháp được nhà thơ sử dụng ở 8 câu thơ này là gì? | | | *+Suy nghĩ trả lời.*  *HS liệt kê các biện pháp nghệ thuật, trả lời theo nhóm .*  - Độc thoại nội tâm.  - Điệp ngữ: Buồn trông  - Ẩn dụ: Con thuyền  Cánh hoa  Nội cỏ  Tiếng sóng | | | | | | + cửa bể chiều hôm..thuyền ai..  + Mặt nuớc...hoa trôi..  + Nội cỏ...chân mây..mặt đất..  + gió cuốn mặt ghềnh.....ầm ầm tiếng sóng... | | |  | |
| + Hình ảnh ẩn dụ giàu sức liên tưởng  + Từ láy giàu chất tạo hình: thấp thoáng, xa xa…từ tượng thanh: ầm ầm ⇒ Kiều trở nên nhỏ bé, đơn côi, lẻ loi, yếu ớt giữa dụng tố, bão bùng, giữa cuộc đời sóng xô oan nghiệt.  + Điệp ngữ "Buồn trông…", câu hỏi tu từ tạo âm hưởng trầm buồn, điệp khúc câu thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng  -> Tăng nỗi buồn vô tận, mênh mông, hãi hùng, tuyệt vọng của nàng trước bão táp cuộc đời.  → cảnh từ xa → gần, hình ảnh từ nhạt- đậm, âm thanh từ tĩnh- động, từ nhẹ nhàng → dữ dội → tâm trạng buồn tủi ngày càng lớn lao mờ mịt, bế tắc ... của Kiều.  \* - "Buồn..cánh buồm": Cảnh lang thang đơn độc trôi dạt giữa đêm tối mênh mông.  - "Buồn…về đâu": Thân phận dập vùi trôi nổi, dập vùi, không biết ra sao, còn hay mất  - "Buồn..xanh xanh": Trống trải, hoang vắng, tan nát-> tương lai mờ mịt, cuộc sống vô vị, tẻ nhạt  - "Buồn….ghế ngồi": Bão táp, tai ương đến với nàng | | | | | | | | | | | | | |
| H. Các biện pháp nghệ thuật trên giúp em có suy nghĩ gì về tâm trạng nàng Kiều?  \* Giảng: *Cách tả của Nguyễn Du qua các biện pháp nghệ thuật trên còn gọi là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Và đây chính là 8 câu thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất trong tác phẩm. 8 câu thơ chia làm 4 bức tranh buồn. Đó là cảm nhận của Kiều trong kiếp đoạn trường.* | | | *+ Trình bày suy nghĩ:*  🢣 Nỗi buồn triền miên, mênh mang,vô tận. → Tâm trạng buồn, lo lắng sợ hãi trước những hiểm họa đang chờ đón  - Một tâm hồn bị hành hạ  - Một số phận bơ vơ, lạc lõng bị đe doạ | | | | 🢣 Nỗi buồn triền miên, mênh mang, vô tận. → Tâm trạng buồn, lo lắng sợ hãi trước những hiểm họa đang chờ đón  - Một tâm hồn bị hành hạ  - Một số phận bơ vơ, lạc lõng bị đe doạ | | | |  | | |
| H. Có người cho rằng: "Đây là đoạn tả cảnh ngụ tình hay nhất", ý kiến của em như thế nào? (K.G ) | | | *+ HS thảo luận, nêu ý kiến, tổng kết*  - Cảnh thiên nhiên qua cái nhìn tâm trạng Thuý Kiều. Đây là những câu thơ réo rắt bậc nhất về nỗi buồn luân lạc, bơ vơ. | | | |  | | | |  | | |
| H. Cũng tả cảnh Lầu Ngưng Bích, nhưng cảnh thiên nhiên trong 6 câu thơ đầu và trong 8 câu thơ cuối đoạn trích lại khác nhau. Em hãy chỉ ra sư khác biệt ấy? Và ý nghĩa của sự khác biệt ấy? (K.G ) | | | *+ Phân biệt, trả lời cá nhân (HS khá giái)*  - 6 câu đầu điểm nhìn từ trên cao, không gian rộng ngợp, tâm trạng buồn bã cô đơn.  - 8 câu cuối đan xen mỗi nét cảnh là nét tâm trạng. Cảnh tăng tiến từ xa đến gần, âm thanh từ nhỏ đến lớn, tâm trạng từ lo lắng đến hãi hùng  - ý nghĩa của sự khác biệt trên Phù hợp điểm nhìn của Thuý Kiều tài năng của N.Du, phù hợp tâm trạng nhân vật... | | | |  | | | |  | | |
| H. Cảm nhận của em thế nào về tình cảm của nhà thơ với Thúy Kiều trong 8 câu thơ?  \*Liên hệ: *Đóng là: "Chạnh thương đời cô Kiều như tấm lòng dân tộc- Sắc tài nhiều sao gặp lắm truân chuyên"./*  **H.** Qua đoạn trích em có cảm nghĩ gỡ về nhân vật Thỳy Kiều?  \* ***GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.*** | | | *+ Tranh luận, suy nghĩ, trình bày:*  - Thương xãt, đồng cảm với Kiều 1 kiếp tài hoa nhưng bạc mệnh.Trong cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi.Tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.  - Hs tự do bộc lộ | | | |  | | | | Tớch hợp mụn GDCG: giúa dục lòng đồng cảm với con người | | |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.**  H. Học xong văn bản, em rút ra những nội dung gì cần ghi nhớ.  H. Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật đoạn thơ này?  H. Nội dung chủ yếu được nhà thơ thể hiện qua đoạn trích là gì?  *\* Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 96.*  H. Qua tìm hiểu văn bản em rút ra ý nghĩa gì?  **\* GV khái quát toàn bài và chuyển ý.** | **III. HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.**  ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  ***1.Nội dung:***  - Tâm trạng Kiều ở lầu Ngưng Bích: Đau đớn xãt xa nhớ về Kim Trọng; day dứt, nhớ thương gia đình.  - Hai bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích trong cảm nhận của Thuý Kiều.  ***2. Nghệ thuật:***  - Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc.  - Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ.  *+ HS đọc ghi nhớ SGK/ 96*.  *+ HS nêu ý nghĩa văn bản:*  Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của Thuý Kiều. | | | | ***- Kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết:**  ***1.Nội dung:***  - Tâm trạng Kiều ở lầu Ngưng Bích: Đau đớn xãt xa nhớ về Kim Trọng; day dứt, nhớ thương gia đình.  - Hai bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích trong cảm nhận của Thuý Kiều.  ***2. Nghệ thuật:***  - Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc.  - Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ.  \* **Ghi nhớ/** SGK/ 96.  ***3. Ý nghĩa văn bản:***  Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của Thuý Kiều. | | | | | | | |  |
| - Phát phiếu học tập. | *- Nhận phiếu bài tập*  *- Làm việc cá nhân.*  *- Nêu ý kiến, nhận xét* | | | |  | | | | | | | |  |
| **Câu 1:** *Nhận định nào nói đầy đủ nhất nội dung chính của đoạn trích”Kiều ở lầu Ngưng Bích”?*  A: Thể hiện tâm trạng cô đơn, tội nghiệp của Kiều  B: Nói lên tấm lòng thuỷ chung , hiếu thảo của Kiều.  C: Nói lên tâm trạng buồn bã, lo âu của Kiều  D: Cả A, B, C đều đóng.  **Câu 2**: *Dòng nào nói đóng nhất giá trị nghệ thuật của đoạn trích.*  A:Miêu tả nội tâm nhân vật rất thành công qua ngôn ngữ độc thoại và bút pháp tả cảnh ngụ tình  B: Sử dụng nhiều từ láy  C: Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hoá.  D: Từ ngữ, miêu tả giàu chất tạo hình độc đáo.  => Đáp án: 1- D, 2- A | | | | | | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | | | | | | |
| **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  H.Giáo viên yêu cầu cho học sinh đọc và xác định đáp án đóng BTTN  - GV định hướng giúp HS làm bài  GV khái quát toàn bài và HDVNHT | | | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV.HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  *+ Học sinh đọc và xác định đáp án đóng BTTN*  *HS đọc diễn cảm bài thơ.*  *HS làm bài vào PHT.* | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**  1. Đọc diễn cảm đoạn thơ.  2. Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình? Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tám câu thơ cuối bài ? | | | | **6’** | | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em có nhận xét gì về sự thủy chung trong tình cảm bạn bè và lòng hiếu thảo với cha mẹ của lớp trẻ hiện nay | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Tìm những đoạn trích có sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản và nội dung phần Ghi nhớ (SGK/ 96).

- Học thuộc lòng đoạn thơ.

***2. Chuẩn bị bài mới:*** - Đọc và soạn bài *Miêu tả trong văn bản tự sự”.*

( Tìm hiểu yếu tố cuả miêu tả có vai trò gì trong văn bản tự sự, đọc kĩ mục I / SGK trả lời câu hỏi / 91 )

- *Trau dồi vốn từ*  ( Nắm những hướng chính để trau dồi vốn từ, tìm một số từ ngữ Hán Việt thông dụng trong các đoạn trích đã học ở Truyện Kiều, giải nghĩa

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh tâm trạng của Kiều

- Hướng dẫn hs cách cảm thụ nghệ thuật tả cảnh ngụ tình

**Ngày dạy: 20/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 7**

**Tiết 32**

**MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Thấy được vai trò chủ yếu của yếu tố miêu tả hành động, sự việc, cảnh vật và con người trong văn bản tự sự.

- Hiểu được vai trò của miêu tả trong một văn bản tự sự.

- Vận dụng hiểu biết về miêu tả trong văn bản tự sự để đọc – hiểu văn bản.

**2. Kỹ năng** :

- Biết Rèn luyện kĩ năng trong vận dụng các phương thức biểu đạt trong một văn bản.

- Viết văn bản tự sự có kể chuyện với miêu tả.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen dùng yếu tố miêu tả trong khi kể chuyện

- Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự cho phù hợp

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản.

- Vai trò, tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự.

**2. Kỹ năng** :

- Phân biệt và phân tích được tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự.

- Kết hợp kể chuyện với miêu tả khi làm một bài văn tự sự.

**3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự cho phù hợp

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**1. Thầy:** - Máy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo, các ngữ liệu văn học.

**2. Trò:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

*Đọc thuộc đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích?*

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

**HOẠT ĐỘNG 2 .** HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 12- 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV yêu cầu hs nhận xét trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều ngoài phương thức chính là tự sự thì tác giả còn sử dụng phương thức nào khác?  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới  Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 33 . MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2 .** HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 12- 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.** | | **15’** |
| *\* Cho HS đọc đoạn trích Hoàng Lê nhất thống chí trong SGK (91).*  *\* Hướng dẫn HS tìm hiểu các câu hỏi:*  a) Đoạn trích kể về trận đánh nào?  H. Trong trận đánh đó vua Quang Trung xuất hiện như thế nào? | | *+ Đọc, nghe, suy nghĩ chuẩn bị tim hiểu câu hỏi.*  *+ Xác định nội dung, trả lời cá nhân.*  - Đoạn trích kể việc vua Quang Trung chỉ huy quân sĩ đánh chiếm đồn Ngọc Hồi (mùa xuân Kỉ Dậu 1289).  - Trong trận đánh vua Quang Trung xuất hiện như một vị anh hùng dân tộc. | | ***1. Đọc đoạn trích***.  + Nội dung đoạn trích:  - Đoạn trích kể việc vua Quang Trung chỉ huy quân sĩ đánh chiếm đồn Ngọc Hồi (mùa xuân Kỉ Dậu 1289).  - Trong trận đánh vua Quang Trung xuất hiện như một vị anh hùng dân tộc. | |  |
| H. Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích? Các chi tiết miêu tả ấy nhằm thể hiện những đối tượng nào? ( Về cảnh, nhân vật, sự việc)  *\* GV hướng dẫn HS tìm chi tiết miêu tả, chiếu trên máy chiếu* | | *+ Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích, trả lời.*  \*Các chi tiết miêu tả.  -Lấy sáu chụctấm ván…20 bức.  -Lưng giắtdao ngắn…Ngọc Hồi.  - Khói toả mù trời… thấy gì.  - Đội khiêng ván…mà đánh.  - Quân Thanh…mà chết.  - Quân Tây Sơn….đại bại.  - Miêu tả từng hành động của nhân vật : vua Quang Trung, quân nhà vua, quân giặc.  - Miêu tả cảnh vật  => Tái hiện một cách sinh động trận đánh. | | ***+ Các yếu tố miêu tả:***  - Các chi tiết ấy thể hiện các đối tượng:  - Miêu tả từng hành động của nhân vật : vua Quang Trung, quân nhà vua, quân giặc.  - Miêu tả cảnh vật  => Tái hiện một cách sinh động trận đánh : tương quan lực lượng giữa quân Tây Sơn và quân Thanh. | |  |
| c) Cho HS đọc yêu cầu và nhận xét lời kể trong phần c.  H. Kể lại đoạn trích trên, có bạn đã nêu ra các sự việc *(GV treo các sự việc trên bảng phụ)*  H. Hãy nhận xét các sự việc chính, bạn nêu lên đã đầy đủ chưa? | | *+ Đọc, nghe, xác đinh nội dung cần tìm hiểu.*  *+ Quan sát, rút ra nhận xét.*  - Các sự việc nêu đã đầy đủ. | |  | |  |
| H. Hãy kết nối các sự việc nêu ở câu c thành một đoạn văn ? | | *+ Nối kết đoạn văn, đọc đoạn.*  - Viết thành đoạn văn ngắn bổ sung ý “Trời bỗng trở gió nam, quân Thanh tự hại mình” | |  | |  |
| H. Nếu chỉ kể sự việc diễn ra như thế thì nhân vật vua Quang Trung có gì nổi bật không? Trận đánh có sinh động không? Vì sao? | | *+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét.*  - Nếu chỉ kể sự việc chính thì nhân vật vua Quang Trung không nổi bật, trận đánh trở nên mờ nhạt, không sinh động.  Vì: Cách kể này mới thâu tóm được các sự việc mà thiếu yếu tố miêu tả trong lời kể. | |  | |  |
| H. Từ nội dung của 2 lời kể, em rút ra nhận xét gì về vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự? | | *+ Nhận xét vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.*  - Trong văn bản tự sự, các yếu tố miêu tả về cảnh vật, nhân vật, sự việc làm cho câu chuyện hấp dẫn, gợi cảm, sinh động. | | ***- Yếu tố miêu tả làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.*** | |  |
| *\* GVgọi HS đọc lại phần ghi nhớ.*  ***\* GV khái quát kiến thức trọng tâm,chốt và chuyển ý*** | | *+ Đọc, nghe, nắm được nội dung kiến thức cơ bản.* | | 2. **Ghi nhớ/ SGK/92**. | |  |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP.  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20-22p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | | |
| **II.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.**  H. Những đơn vị kiến thức gì các em cần nắm vững qua bài học hôm nay?  *\* Gọi HS đọc yêu cầu và xác định nội dung bài tập 1/92?*  *\* Hướng dẫn trả lời các câu hỏi bài tập SGK*  *\* Gọi HS đọc yêu cầu và xác định nội dung bài tập 2/92?*  *\* GV gọi vài em đọc, gọi nhận xét, GV sửa cách viết, lưu ý yếu tố miêu tả* | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập, củng cố.**  ***+*** *HS khái quát những đơn vị kiến thức cần nắm vững qua bài học.*  *+ HS đọc yêu cầu được nêu ra trong bài tập.*  *+ HS làm bài tập SGK/92 vào vở bài tập.*  \*Các yếu tố tả người, tả cảnh trong 2 đoạn trích.  a, Tả người  - Thuý Vân :tả khuôn mặt, đôi mày, mái tốc, làn da, nụ cười, giọng nói  -> Vẻ đẹp nhan sắc.  - Thuý Kiều :đặc tả ánh mắt, nét mày, tài năng, tình cảm,-> vẻ đẹp nhan sắc, tài năng , tâm hồn  b, Tả cảnh  - Cảnh mùa xuân : cỏ non, cành lê, hoa lê, chim én,-> vẻ đẹp riêng biệt của mùa xuân.  - Cảnh lễ hội : con người, cảnh vật, trong lễ hội,-> không khí tưng bừng, náo nhiệt của lễ hội mùa xuân  **\* Tác dụng :** các yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho VB trở nên sinh động có hồn, hấp dẫn giàu chất thơ. Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng quen thuộc của thơ văn cổ, Nguyễn Du đã dựng nên 2 bức tranh chân dung xinh đẹp với ‘mỗi vẻ mười phân vẹn mười’.  - Phần tả cảnh, tác giả đã làm rõ nét đặc trưng riêng biệt của cảnh, mùa. Và đồng thời vẫn đan xen tâm trạng con người qua chi tiết, hình ảnh miêu tả thiên nhiên → cảnh đẹp mà không tĩnh lặng có lúc giàu sức sống và có lúc xao xuyến bâng khuâng.  *+ HS đọc yêu cầu và xác định nội dung bài tập 2/92? Viết đoạn văn vào vở BT, vài em đọc, cả lớp nghe, nhận xét, nghe GV sửa cách viết đoạn* | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập**  ***1. Bài 1.***  ***Xác định yếu tố miêu tả, phân tích giá trị của các yếu tố miêu tả trong việc thể hiện nội dung.***    + Tả Kiều:  *Kiều càng sắc sảo, mặn mà*  *….*  *Hoa ghen đua thắm, liễu hờn* *kém xanh*. (4c)  \* Các yếu tố tả cảnh:  - *Cỏ non xanh tận chân trời*  *Cành lê trắng điểm một vài* *bông hoa.*  *- Tà tà bóng ngả về Tây*.  …  *Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh* *bắc ngang* (6c)  \* Giá trị của các yếu tố:  - Làm cho văn bản sinh động, hấp dẫn, giàu chất thơ.  - Giúp người đọc thoả mái, có cảm xúc thẩm mĩ về tác phẩm.  ***2. Bài 2:*** ***Viết đoạn văn kể về việc chị em Thuý Kiều đi chơi trong buổi chiều ngày Thanh Minh.*** | | **22’** | |
| Đoạn văn tham khảo: Nhân tiết Thanh minh, chị em Thuý Kiều đi chơi xuân. Lúc này, mùa xuân đã bước vào những ngày tháng cuối cùng. Trên trời, từng đàn chim én, loài chim của mùa xuân chao liệng ngang dọc trên bầu trời như thoi đưa. Bầu trời mới trong sáng làm sao. Đồng cỏ xanh tươi chạy dài tít tắp tới chân trời xa. Nổi bật trên các nền xanh non khêu gợi ấy xuất hiện vài bông hoa lê trắng mới hé nở thật là tinh khiết, mát mắt. Hoà trong bức tranh phong cảnh ấy là các nam thanh nữ tú thướt tha trong những bộ quần áo đẹp nhất, họ nô nức rủ nhau đi tảo mộ, trẩy hội, cùng dạo chơi xuân trên chốn đồng quê vừa đi vừa nói chuyện ríu rít, nô nức như đàn chim yến, chim anh. Chiều đến, khi mặt trời đã ngả về Tây, chị em Kiều thong thả ra về. Phong cảnh quê hương thật thanh bình, yên tĩnh. Ba chị em Kiều đi trên một cây cầu nho nhỏ có dòng nước uốn quanh bắc cuối con ghềnh. Tâm trạng Kiều man mác một nỗi buồn. | | | | | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Nêu nhận xét về văn bản tự sự và văn bản miêu tả ? Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự cần chú ý điều gì? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Sưu tầm các đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:*** - Học thuộc ghi nhớ và nắm chắc kiểu bài miêu tả trong văn bản tự sự.

- Viết bài hoàn chỉnh phần luyện tập.

***2. Chuẩn bị bài mới:***- Chuẩn bị viết bài TLV số 2- Văn tự sự

- Đọc, tìm hiểu và chuẩn bị trước bài:

*Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự*

* Rút kinh nghiệm
* Gv cần hướng hs phần luyện tập
* Nhấn mạnh vai trò của các yếu tố miêu tả
* Cần lưu ý thời gian

**Ngày dạy: 220/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 7**

**Tiết 33**

**MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

***=====***\*\*\*\*\*\****=====***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Biết được trong văn tự sự cần có yếu tố nội tâm

- Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm trong một văn bản tự sự.

- Vận dụng hiểu biết về miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự để đọc – hiểu văn bản.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện kĩ năng kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi viết bài tự sự.

- Tìm hiểu đặc trưng phương thức khắc họa tính cách nhân vật của truyện.

**3. Thái độ**

- Hình thành kĩ năng kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi viết bài tự sự.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Nội tâm nhân vật và miêu tả nội tâm nhân vật trong tác phẩm tự sự.

- Tác dụng của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện

**2. Kỹ năng** :

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả nội tâm nhân vật trong văn bản tự sự.

- Kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm văn tự sự.

**3. Thái độ:** Có ý thức kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm văn tự sự.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**

- Máy chiếu.

- Bảng phụ, tư liệu ngữ văn.

**2. Trò:**- Đọc và chuẩn bị bài trước ở nhà.

- Trả lời các câu hỏi trong SGK vào vở soạn và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm..

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trưởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:* Kiểm tra trước khi tìm hiểu bài

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đóng:**

**1.Trong văn bản tự sự: yếu tố chính là:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sự việc và nhân vật  B. Ngôi kể | C. Yếu tố miêu tả và biểu cảm  D. Một số yếu tố khác |

**2.Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự là:**

A Tăng thêm chất trữ tình C. Làm cho câu chuyện giản dị, dễ hiểu

B. Tăng thêm chất triết lí , nghị luận D. Làm cho câu chuyện hấp dẫn và sinh động

**3. Đối tượng miêu tả trong văn bản tự sự là:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Miêu tả nhân vật  B. Miêu tả cảnh thiên nhiên | C. Miêu tả cảnh sinh hoạt  D. Gồm cả A, B và C. |

Đáp án: câu 1: A, 2-D,3- D

**\* Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV quan sát lại văn bản Kiều ở Lầu Ngưng Bích và nêu nhận xét của em về tâm trạng của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn dắt vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét, nghe , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  **TIẾT 39, 40.MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ** | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2 .** HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 20p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.**  **a.Đọc và tìm hiểu đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích và trả lời các câu hỏi.*** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.**  **a.Đọc và tìm hiểu đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích.*** | | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.**  ***1. Ví dụ***  ***a/ Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích.*** | | | | |  |
| *\* GV chiếu đoạn thơ, gọi đọc.*  H. Nêu nội dung chính của đoạn trích? Từ đó hãy xác định PTBĐ chính ?  *\* GV chia 2 nhóm, mỗi nhóm một yêu cầu, yêu cầu thảo luận bàn (2’), gọi trả lời, gọi nhận xét, GV gạch chân.* | | *+ 1 HS đọc, cả lớp nghe, theo dõi, tự tìm hiểu, xác định PTBĐ chính, thảo luận bàn (2’), trả lời, nhận xét, theo dõi trên bảng.* | | | **- PTBĐ chính**: Tự sự (kể lại cảnh ngộ của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. (VB giàu yếu tố miêu tả và biểu cảm). | | | | |  |
| H. Tìm những câu thơ miêu tả cảnh và những câu thơ miêu tả tâm trạng của Thuý Kiều?  H. Vì sao em biết đó là những câu thơ tả cảnh và miêu tả tâm trạng ( Căn cứ vào dấu hiệu nào)? ( đối tượng miêu tả, khả năng quan sát...)  *\* Gv nhận xét, chốt trên bảng phụ, ghi bảng.* | | |  |  | | --- | --- | | **Câu thơ miêu tả cảnh thiên nhiên** | **Câu thơ miêu tả tâm trạng** | | - “Trư­ớc lầu…..  ….. dặm kia.”  - “Buồn trông…….  ….. ghế ngồi.”  ***\* Dấu hiệu nhận biết:***  **+ Đối tượng**: cảnh sắc TN (thời gian, không gian, màu sắc, cảnh vật…)  + Đ1:  - cảnh sắc TN mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp trước lầu Ngưng Bích: có những dãy nói xanh, mảnh trăng, cồn cát vàng, bụi hồng.  - Hoàn cảnh của Kiều: chỉ có một mình, làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya.  + Đ2: cảnh TN trống trải, xa vắng lúc hoàng hôn ở lầu Ngưng Bích :  - được miêu tả theo trình tự không gian từ xa đến gần  - màu sắc từ nhạt đến đậm  - âm thanh từ tĩnh đến động  - đường nét, hình ảnh : con thuyền, cửa biển, cánh buồm, ngọn nước, bông hoa, đồng cỏ, bầu trời , mặt đất, tiếng sóng...  **- Khả năng quan sát:** Quan sát trực tiếp bằng mắt thường.  ***=> Miêu tả bên ngoài*** | - “ Bẽ bàng ...….  …. vừa ngư­ời ôm.”.  ***\*Dấu hiệu nhận biết:***  **+ Đối tư­ợng**: tâm trạng con người, suy nghĩ, tình cảm con người (Thúy Kiều): nỗi xãt xa về cảnh ngộ bơ vơ, nỗi dày vò day dứt, nỗi nhớ thương người yêu, cha mẹ của Thúy Kiều.  **- Khả năng quan sát:** Diễn ra trong tâm trí, không quan sát trực tiếp bằng mắt thường mà là kết quả của sự hiểu biết về tâm lí con người thông qua vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm sống của tác giả.  ***=> Miêu tả nội tâm*** | | | | | | | | | |
| H. Em thấy miêu tả nội tâm và miêu tả bên ngoài có gì khác nhau | | *+ Thảo luận bản, trả lời.*  ***+ Khác nhau về đối tượng và khả năng quan sát.***  **- Bên ngoài** : là miêu tả cảnh vật thiên nhiên, con người với hình dáng, diện mạo, hành động, ngôn ngữ, màu sắc...có thể quan sát trực tiếp được bằng các giác quan. | | | | **- Nội tâm bên trong** : là sự tái hiện những suy nghĩ, tình cảm, diễn biến, tâm trạng,...không trực tiếp quan sát được. | | | |  |
| H.Vậy qua phân tích hai ví dụ em hiểu thế nào là miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ? | | *+HS khái quát trả lời theo ghi nhớ ý 1.*  Là tái hiện những ý nghĩ , cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật. | | | | ***Là tái hiện những ý nghĩ , cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật.*** | | | |  |
| *\* GV cho HS quan sát đoạn tả cảnh (8 câu cuối).*  H. Những câu thơ tả cảnh trên có phải chỉ để tả nguyên cảnh không hay qua đó ta có thể hiểu được tâm trạng của Thuý Kiều ra sao?  *\* Gv gọi hs trả lời*  *- Gv nhận xét, chốt*  *Sự phân biệt giữa miêu tả bên ngoài với miêu tả nội tâm chỉ là tư­ơng đối bởi miêu tả cảnh đã gửi gắm tình cảm, trong miêu tả nội tâm cũng có những yếu tố ngoại cảnh đan xen****.*** Chẳng hạn đoạn “Buồn trông..” ta không thể phân biệt được đâu là cảnh đâu là tình mà ở đây là dùng cảnh để tả tình. Đây là đoạn thơ ***tả cảnh ngụ tình*** theo cách biểu hiện ***“Tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”*** thành công nhất trong truyện Kiều.  H. Từ việc tìm hiểu VD trên , em thấy những câu thơ tả cảnh có mối quan hệ nh­ư thế nào với việc thể hiện nội tâm nhân vật?  *(GV chốt trên máy)* | | *+ HS phát hiện, trả lời.*  - Từ những câu thơ tả cảnh-> diễn tả tâm trạng bên trong của Kiều: cô đơn, buồn tủi, lo sợ, hãi hùng của Kiều được thể hiện qua :  ***+ điệp từ*** ***buồn*** : trực tiếp bộc lộ nỗi buồn-> Nỗi buồn từ tâm trạng thấm dần, tác động đến cảnh vật.-> Cảnh buồn. *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ****”***  ***+ cảnh thiên nhiên buồn-> làm cho con người buồn***  *- Cảnh con thuyền, cánh buồm vào buổi chiều->nỗi buồn cô đơn, lẻ loi.*  *- Cánh hoa trôi trên dòng nước*  *-> gợi nỗi buồn cho một thân phận trôi dạt, bọt bèo.*  *- Bầu trời, mặt đất, nội cỏ héo úa-> gợi nỗi buồn lo cho cuộc sống vô vị, tẻ nhạt và tương lai mờ mịt.*  *- Âm thanh của tiếng sóng vỗ cùng những đợt gió cuốn-> gợi nỗi lo sợ, hãi hùng trước một tương lai đầy bão tố đe dọa.*  *+ HS khái quát, trả lời.* | | | | ***- Từ việc miêu tả cảnh thiên nhiên góp phần gợi tả tâm trạng của nhân vật***, -***>Tả cảnh ngụ tình*** | | | |  |
| H. Em có nhận xét gì về cách miêu tả nội tâm của tác giả trong 2 đoạn trích? | | *+ Hs so sánh và rút ra kết luận*  ***- Miêu tả nội tâm của 2 đoạn là khác nhau.***  + Thông qua miêu tả cả cảnh thiên nhiên để diễn tả nội tâm bên trong của Kiều.  + Miêu tả trực tiếp nội tâm bên trong của Kiều ( nỗi xãt xa cho cảnh ngộ bơ vơ, nhớ cha mẹ và chàng Kim: trực tiếp qua những từ ngữ bộc lộ tâm trạng “bẽ bàng, tưởng, xãt”). | | | |  | | | |  |
| **b.Đọc và tìm hiểu đoạn trích *trong Lão Hạc của Nam Cao và trả lời các câu hỏi.*** | | **b.Đọc và tìm hiểu đoạn trích *trong Lão Hạc của Nam Cao*** | | | | ***b/Đoạn trích Lão Hạc – Nam Cao*** | | | |  |
| *\* GV đưa đoạn văn ( Lão Hạc - Nam Cao)*  *- Gọi hs đọc đoạn trích.*  H. Nêu hiểu biết của em về nội dung đoạn trích?  H. Cách miêu tả tâm trạng Lão Hạc có gì khác so với cách miêu tả của Nguyễn Du? | | *+ Hs đọc đoạn trích*  *- Hs nêu hiểu biết của em về nội dung đoạn trích, so sánh để chỉ ra sự khác nhau, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  + Đoạn văn miêu tả tâm trạng dằn vặt, đau khổ, ân hận, day dứt của Lão Hạc khi phải bán chó.  - Nguyễn Du miêu tả tâm trạng nhân vật một cách trực tiếp thông qua cảm xúc , suy nghĩ, hoặc thông qua cảnh thiên nhiên để tái hiện tâm trạng nhân vật.  - Còn Nam Cao miêu tả tâm trạng nhân vật một cách gián tiếp thông qua nét mặt, cử chỉ. | | | | **\* Cách miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự:** | | | |  |
| H. Qua việc phân tích 2 ví dụ trên, hãy cho biết, có mấy cách miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự?  *(GV chốt trên máy)* | | *+ Khái quát trả lời.*  **- Miêu tả nội tâm theo 2 cách**  - Trực tiếp bằng cách dùng chính những từ gợi tả tâm trạng để diễn tả ý nghĩ, cảm xúc , tình cảm của nhân vật  - Gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục,… của nhân vật | | | | **+ Miêu tả trực tiếp**  **+ Miêu tả gián tiếp: thông qua cảnh thiên nhiên, ngôn ngữ, nét mặt, cử chỉ… của nhân vật** | | | |  |
| H.Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào đối với việc khắc hoạ nhân vật trong văn bản tự sự?  *\* GV:* Giữa miêu tả nội tâm với nhân vật có mối quan hệ chặt chẽ vì:  - Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất trong văn bản tự sự.  - Để miêu tả nhân vật nhà văn thường miêu tả ngoại hình và miêu tả nội tâm.  H.Qua bài học, các em cần nắm vững những đơn vị kiến thức gì?  **GV**: MTNT là một bước tiến của NT. Trong VHDG không có miêu tả nội tâm, phải đến VH viết mới có miêu tả nội tâm khắc hoạ tâm trạng nhân vật  *\*GV chốt kiến thức, gọi đọc? GV cung cấp trên máy chiếu.* | | *+ Kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác hoạt động nhóm*  *+ Giải thích, trình bày:*  - Miêu tả nội tâm là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, góp phần khắc hoạ chân dung tinh thần của nhân vật, tái hiện những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh vi trong tư tưởng tình cảm của nhân vật, làm rõ tính cách đặc điểm của nhân vật.  *+ HS khái quát nội dung bài, đọc ghi nhớ, cả lớp nghe.*  *+ Nghe GV bổ sung.*  TIẾT 40 | | | | ***- là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, góp phần khắc hoạ, làm rõ tính cách, đặc điểm của nhân vật, làm cho nhân vật sinh động.***  ***- Tác động tới nhận thức, tình cảm của người đọc đối với nhân vật.***  **2. Ghi nhớ**: SGK (117). | | | |  |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP.  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20-22p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | | | |
| **II.Hư­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II.Luyện tập, củng cố.** | | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** | | | | | |  |
| *\* Gv cho HS làm BTTN, gọi trả lời, gọi nhận xét, GV sửa* | *+ HS quan sát trên máy, suy nghĩ, trả lời cá nhân.Cả lớp theo dõi, nhận xét.* | | | **1.Trắc nghiệm.** | | | | | |  |
| **1. Khi miêu tả nhân vật trong văn bản tự sự người ta không miêu tả yếu tố nào sau đây:**   |  |  | | --- | --- | | 1. Tả ngoại hình. 2. Tả nội tâm. | 1. Tả trạng thái, hành động, cử chỉ. 2. Tả cảm xúc của tác giả dành cho nhân vật |   **2. Dòng nào nêu không đóng đối tượng miêu tả trực tiếp nội tâm nhân vật:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. Suy nghĩ | B. Tình cảm | C. Ngôn ngữ | D. Tâm lí |   **3. Có hai cách để miêu tả nội tâm nhân vật trong VBTS là trực tiếp và gián tiếp. Đóng hay sai?**   |  |  | | --- | --- | | A. Đóng | B. Sai |   **4. Trong văn bản tự sự, yếu tố miêu tả nội tâm có tác dụng gì?**  A Tăng thêm chất trữ tình C. Làm cho câu chuyện giản dị, dễ hiểu  B. Tăng thêm chất triết lí , nghị luận D. Khắc họa đặc điểm, tính cách nhân vật.  **Đáp án:** Câu 1-D, 2- C, 3- A,4-D. | | | | | | | | | |  |
| H. Tìm những đoạn văn, đoạn thơ miêu tả nội tâm nhân vật? | | *- Nhớ lại, trả lời* | | | | | **2. Bài 2.** | | |  |
| H. Xác định các yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật có trong đoạn văn sau?  *\* Gv tích hợp với yếu tố độc thoại nội tâm trong VBTS.* | | *+ Quan sát, trả lời.*  *“Tôi* ***giật sững người****.* ***Chẳng hiểu sao*** *tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự* ***ngỡ ngàng,*** *rồi đến* ***hãnh diện****, sau đó là* ***xấu hổ****. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi* ***nhìn như thôi miên*** *vào dòng chữ đề trên bức tranh”Anh trai tôi”(Ngữ văn 6- tập 2- Bức tranh của em gái tôi- Tạ Duy Anh)* | | | | | **3. Bài 3:Xác định các yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật có trong đoạn văn sau:** | | |  |
| H. Đọc , nêu yêu cầu của bài tập số 1/sgk?  *\* GV định hướng giúp HS làm bài.*  *- GV yêu cầu mỗi nhóm cử 1 HS lên bảng viết.*  *- Các nhóm nhận xét chéo*  *- GV nhận xét, sửa chữa, bổ sung.*  *\* GV gợi ý:*  H. Hãy tìm những câu thơ miêu tả nhân vật Mã Giám Sinh và những câu thơ miêu tả nội tâm Thúy Kiều?  H. Dựa vào đoạn trích em hãy chuyển thành đoạn văn có yếu tố miêu tả nội tâm của Thúy Kiều?  ( Gợi ý: thuộc kiểu bài gì? Có nội dung gì? Sử dụng ngôi kể ntn? Có những sự việc chính nào? Em dự kiến đưa yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm vào chỗ nào cho hợp lí? ) GV yêu cầu HS trả lời, cho viết cá nhân, gọi trình bày trên bảng phụ, gọi nhận xét, GV sửa, cung cấp đoạn văn tham khảo. | | + HS đọc, nêu yêu cầu  - Nhóm 1: tổ 1-2  - Nhóm 2: tổ 3-4  *mỗi nhóm cử 1 HS lên bảng viết.*  *- Các nhóm nhận xét chéo*  *- Nge GV nhận xét, sửa chữa, bổ sung.*  **- Kiểu bài** : văn tự sự, chuyển từ thơ sang văn xuôi.  **- Nội dung** : Đoạn trích mã Giám Sinh mua Kiều.  **- Ngôi kể** :  - thứ nhất : Kiều (Xưng tôi, con),  - thứ 3  \* **Có các sự việc chính cần thuật**:  - Mụ mối đưa MGS đến mua Kiều.  - Những hành động, cử chỉ , lời nói của MGS.  - Tâm trạng, hành động cử chỉ của Thuý Kiều.  **\* Có các yếu tố miêu tả::**  ***- Miêu tả ngoại hình của MGS*** : tuổi, diện mạo, trang phục, cử chỉ, hành động, lời nói…  ***- Miêu tả nội tâm của Thuý Kiều***:đau đớn, xãt xa, tủi nhục, ê chề, hành động như một cái máy, mỗi bước chân đi đều chan hoà nước mắt. | | | | | **4. Bài 4**: **Thuật lại đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều bằng văn xuôi, trong đó có yếu tố miêu tả nội tâm của Thúy Kiều**. | | |  |
| **\* Đoạn văn tham khảo :**  Sau khi Kiều quyết định bán mình chuộc cha, có một mụ mối dẫn một ngư­ời viễn khách đến nhà Vương Ông. Đó là Mã Giám Sinh – một ngư­ời tự xưng là sinh viên trư­ờng Quốc Tử Giám. Hắn khoảng 40 tuổi ăn mặc chải chuốt trông rất đỏm dáng, trên mặt không có lấy một sợi râu nào và vô cùng nhẵn nhụi. Qua cách ăn mặc, ngôn ngữ trả lời cộc lốc của hắn đủ để thấy đây là một kẻ vô học, ăn chơi, lố bịch, rởm đời. Khi vào nhà, gia chủ chưa kịp mời, hắn đã ngồi tót lên ghế một cách sỗ sàng, xấc ­xược. Gã có vẻ đắc chí ngồi gật gù ngắm nhìn mụ mối giở trò “ vén tóc, bắt tay” nh­ư xem một món hàng ngoài chợ . Rồi hắn bắt Kiều đàn cho hắn nghe, Kiều đã đàn ngay khúc đàn Bạc mệnh với tất cả tâm trạng đau khổ. Nhưng hắn vẫn chưa ưng ý, hắn còn bắt Kiều phải làm thêm một bài thơ đề vào chiếc quạt giấy của hắn. Trong khi mụ mối và Mã Giám Sinh mải mê với cuộc mua bán hời thì Kiều chết lặng trong nỗi đau đớn, tủi nhục ê chề. Nàng đâu ngờ cuộc đời mình lại đến nông nỗi này. Một tiểu thư khuê các đang sống trong cảnh êm đềm trướng rủ, màn che, cuộc đời nàng vừa ngấm men hạnh phúc đã phải chia lìa. Nỗi đau đớn, tủi hổ, uất nghẹn, khiến nàng không thốt thành lời. Nàng hành động như một cái máy, mỗi bước đi của nàng làm rơi bao hàng lệ. Nàng khóc cho mình, cho gia đình và khóc cho cả mối tình đầu vừa nồng đã phải chia lìa. Thế rồi cuộc mặc cả, cò kè thêm bớt hồi lâu mới kết thúc. Nàng Kiều được định giá bằng ngoài bốn trăm lạng vàng. | | | | | | | | | | |
| H. Đọc yêu cầu của bài tập số 2?  *GV định hướng giúp HS làm bài:*  \* Nhớ lại các sự việc, dùng ngôn ngữ của mình kể lại việc báo ân, báo oán.  \* Qua lời kể bộc lộ trực tiếp tâm trạng Kiều khi gặp Hoạn Thư  \* Hãy xác định nội dung? Ngôi kể? Em định dùng chi tiết nào để thể hiện đựơc trực tiếp tâm trạng của Thuý Kiều?)  GV yêu cầu mỗi nhóm cử 1 HS lên bảng viết.  Các nhóm nhận xét chéo  GV nhận xét, sửa chữa, bổ sung. | | | *+ HS nhớ lại các sự việc, dùng ngôn ngữ của mình kể lại việc báo ân, báo oán.Qua lời kể bộc lộ trực tiếp tâm trạng Kiều khi gặp Hoạn Thư.*  *HS làm vào vở bài tập.*  **- Kiểu bài:** tự sự kết hợp miêu tả , biểu cảm, có yếu tố miêu tả nội tâm. Bộc lộ được trực tiếp tâm trạng của Thuý Kiều khi gặp Hoạn Thư.  **- Nội dung**: Kể được việc báo ân , báo oán của Kiều.  **- Ngôi kể:** thứ nhất dưới lời kể của Thuý Kiều  **- Miêu tả nội tâm:** khi gặp Hoạn Thư : lúc đầu quyết tâm trừng trị, về sau không muốn bị coi là người nhỏ nhen…. | | | | | | **5. Bài 2/ SGK**  Đóng vai Kiều kể việc báo ân, báo oán trong đó bộc lộ trực tiếp tâm trạng Kiều lúc gặp Hoạn Thư. |  |
| **Đoạn văn tham khảo:**  Ng­ười đầu tiên tôi cho mời đến để báo ân chính là chàng Thúc- thấp cơ thua trí đàn bà. Khi vừa được đưa vào, tôi nhìn thấy chàng Thúc luống cuống sợ hãi, mặt tái đi như chàm đổ,người run rẩy đi như không vững. Thấy thế, tôi liền nói với chàng Thúc rằng: “Khi thiếp đang gặp hoạn nạn ở Lâm Tri, chàng là ng­ười có tấm lòng hào hiệp đã giang tay cứu giúp. Ơn nghĩa ấy làm sao có thể quên được. Dù chúng ta chẳng nên vợ nên chồng nh­ư chàng đã từng mong ước nhưng suốt đời thiếp vẫn nhớ ơn chàng. Nay có món quà nhỏ biếu chàng tỏ chút lòng thành.” Nói rồi tôi sai lính mang đến trăm cuốn gấm và một nghìn cân bạc tạ ơn chàng. Sau đó lính áp giải Hoạn Th­ư tới, tôi cố nén cơn giận dữ, lấy giọng ngọt ngào hỏi “ Chào tiểu th­ư! Tiểu thư­ cũng có ngày phải tới đây quỳ gối trước mặt hoa nô này sao? Phải công nhận rằng từ xư­a đến nay đàn bà mà sâu sắc nước đời như tiểu thư­ là hiếm lắm. Như­ng lẽ đời cũng thật công bằng, gieo gió ắt phải gặp bão thôi phải không tiểu th­ư?. Tiểu thư xư­a đã cậy quyền thế gây cho tôi bao nỗi ê chề, tủi nhục. Nhưng đóng là nhân nào quả nấy, tiểu thư gây bao oan nghiệt sẽ nhận bấy nhiêu oan trái. Nhìn ả ta hồn lạc phách xiêu mà tôi cũng bớt đi phần nào cơn giận. Nhưng ngay sau đó, ả ta khấu đầu dưới trướng mà liệu điều kêu ca, biện minh chạy tội cho mình. Nghe mụ ta kêu ca dưới trướng, tôi ngồi nghe mà trong lòng thầm nghĩ: ả ta quả là một con người khôn ngoan, giảo hoạt, sắc sảo, tinh đời. Nhưng lí lẽ của ả lại khiến tôi cảm động. Giờ đây, chẳng lẽ tôi lại đành lòng trách phạt sao? Như thế , chẳng khác nào tôi lại là một kẻ nhỏ nhen, ích kỉ, không biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác. Dù sao thì Hoạn Thư đã biết tự nhận ra lỗi lầm của mình rồi thì thôi tha cho ả cùng được. Nghĩ vậy, tôi liền truyền lệnh xuống tha bổng cho Hoạn Thư. | | | | | | | | | | |
| *\* Gọi đọc, nêu yêu cầu BT3? Để thực hiện được yêu cầu trên theo em phải làm ntn ?*  Ghi lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn( Không đủ thời gian, GV cho HS nêu vài câu ngắn gọn nêu lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn ? | | *+ Đọc, nêu yêu cầu.Viết đoạn, đọc trước lớp.*  ***- Xác định kiểu bài*** : tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm, có yếu tố miêu tả nội tâm.  ***- Xác định nội dung :*** chuyện đó là chuyện gì ? chuyện xảy ra khi nào ? ở đâu ? Với ai ? (Với bạn) Tại sao đó lại là một chuyện có lỗi ? Tâm trạng của em sau khi mắc lỗi ra sao ? | | | | | | **6. Bài 3/SGK**  **Ghi lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn.** | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Em có nhận xét gì trong giờ kể chuyện có đưa các yếu tố nội tâm vào việc kể chuyện | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Sưu tầm một số đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nội tâm trong văn bản đã học | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc và nắm chắc nội dung phần Ghi nhớ.

- Làm tiếp bài tập số 3, 3.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Soạn bài ”Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”

* Rút kinh nghiệm
* Cần đưa them ví dụ ngoài
* Phần lt gv cần hướng dẫn

**Ngày dạy: 22/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 7**

***Tiết 34 – Tập làm văn:***

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN**

**VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố các kiến thức về văn tự sự, đoạn văn tự sự, các phương tiện liên kết đoạn văn.

- Cách viết đoạn văn tự sự.

**2. Kĩ năng:**

- Viết đoạn văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm, sử dụng các phương tiện liên kết đoạn văn tự sự.

**3. Thái độ:**

Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm và phương tiện liên kết một cách hợp lí trong văn bản TS.

**4. Năng lực / phẩm chất cần hình thành cho học sinh:**

- Năng lực giao tiếp, năng lực tự học, năng lực sáng tạo...

- Ý thức trách nhiệm công dân; tự lực, tự tin, tự chủ.

**II. Phương pháp,kĩ thuật dạy học:**

**-**Thực hành theo mẫu, tích hợp…

**-** Trình bày 1 phút, động não, ..

**III. Phương tiện / thiết bị dạy học:**

Sách tham khảo, giáo án

**IV. Chuẩn bị của GV, HS**

1. GV: Giáo án, đọc các tài liệu có liên quan đến bài…

2. HS: Xem lại các kiến thức đã học về văn tự sự, cách viết đoạn văn tự sự, liên kết đoạn văn…

**IV. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy và học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động Khởi động ( 5’)**  ***\* Mục tiêu:***  + Củng cố kiến thức của tiết trước.  + Tạo hứng thú cho HS; kích thích trí tò mò, khám phá học bài mới.  ***\* Phương pháp, kĩ thuật:***  + Vấn đáp, nêu vấn đề.  + Động não  ***\* Phương tiện, thiết bị dạy học***:  - Giáo án | | |
| ***Tổ chức các HĐ dạy học của GV*** | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| **1. Kiểm tra bài cũ**: 4’  Kiểm tra vở soạn của học sinh.  **2 . Bài mới: 1’**  **Giới thiệu bài:**  Chúng ta đã được học về văn bản tự sự. Hôm nay cô cùng các em luyện tập cách xây dựng đoạn văn và liên kết đoạn trong văn bản tự sự. |  |  |
| **2. Hoạt động Củng cố lý thuyết: (7’)**  \* ***Mục tiêu:*** - Giúp HS củng cố các kiến thức đã học về liên kết đoạn văn và cách viết đoạn văn tự sự.  ***\* Phương pháp, kĩ thuật:***  + Vấn đáp, tích hợp, …  + Động não, trình bày một phút, vấn đáp… | | |
| ***Tổ chức các HĐ dạy học của GV*** | ***Dự kiến các HĐ của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| **Hướng dẫn hs củng cố lý thuyết:**  \* Em hãy nhắc lại thế nào là đoạn văn?  **- GV dẫn dắt:**  *Một đoạn văn bao giờ cũng phải liên quan chặt chẽ với các đoạn văn khác trong bài văn, nghĩa là đoạn văn ấy phải chịu sự chi phối của phong cách văn bản.*  \* Vậy theo em, đoạn văn tự sự có đặc điểm gì?  \*Khi nào một đoạn văn được xem là có tính liên kết?  \* Khi viết đoạn văn tự sự, em có nên kết hợp với một số phương thức biểu đạt khác không? Vì sao? | - Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu từ chữ viết hoa, lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.  - Kể người, việc, hành động.  - Có chủ đề rõ ràng.  - Liên kết chặt chẽ  - Các câu trong đoạn văn có quan hệ chặt chẽ với nhau về nội dung (cùng hướng về một vấn đề) và hình thức (các câu liên kết với nhau thông qua các phương tiện liên kết).  - HS trả lời | **I. Củng cố lý thuyết:**  **1. Khái niệm đoạn văn:**  Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu từ chữ viết hoa, lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.  **2. Đặc điểm của đoạn văn tự sự:**  - Đoạn văn tự sự phải mang màu sắc của văn bản TS, tức là phải kể về người, về việc, về hành động của các nhân vật.  - Mỗi đoạn văn tự sự thường một ý chính diễn đạt những ý phụ; những phụ dẫn đến ý chính đó, hoặc giải thích cho ý chính, làm cho ý chính nổi lên.  - Các câu trong đoạn văn có quan hệ chặt chẽ với nhau về nội dung (cùng hướng về một vấn đề) và hình thức (các câu liên kết với nhau thông qua các phương tiện liên kết: từ, câu).  **Lưu ý:**  *\* Có thể kết hợp các phương thức biểu đạt khác trong văn tự sự: MT, TS, NL … nhưng không được lạm dụng các yếu tố này.* |
| **3. Hoạt động Luyện tập: (7’)**  \* ***Mục tiêu:*** Viết đoạn văn tự sự mạch lạc, liên kết.  ***\* Phương pháp, kĩ thuật:***  + Vấn đáp, tích hợp, …  + Động não, trình bày một phút, vấn đáp… | | |
| ***Tổ chức các HĐ dạy học của GV*** | ***Dự kiến các HĐ của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| **Hướng dẫn hs luyện viết đoạn văn tự sự.**  - **Đề**: ***Viết một đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả kể lại một kỉ niệm với thầy (cô) giáo), trong đó:***  a. Có sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí.  b. Chỉ ra yếu tố miêu tả, tự sự, phương tiện liên kết đã sử dụng trong đoạn văn đã viết.  - Gọi hs đọc đoạn văn viết đc và thực hiện các yêu cầu.  - Gọi hs nhận xét, sửa chữa lỗi (nếu có). | - HS làm bài tập | **II. Luyện tập.**  **Đoạn văn mẫu:**   1. **Đoạn mẫu:**   Em nhớ có một lần vừa tan học thì trời mưa to, càng lúc mưa càng nặng hạt, mưa giăng mù mịt ngoài trời, em không mang áo mưa nên cứ đứng nép dưới mái hiên. Cô đã đưa cho em chiếc ô và nói: “Từ lần sau, em hãy chuẩn bị trong cặp áo mưa nhé!” Em vâng lời rồi cảm ơn cô. Hôm khác, cô giảng bài, em không chú ý mà quay sang trò chuyện với Huy. Cô từ từ bước xuống yêu cầu em nhắc lại câu hỏi. Em bối rối, ngập ngừng “Em…Em…thưa cô…” Cả lớp đều nhìn về phía em vẻ trách móc. Nhưng riêng cô vẫn mềm mỏng, nhẹ nhàng đến lạ kì: “Em ngồi xuống đi! Hãy cố gắng lắng nghe các em ạ. Kiến thức thì vô tận mà sự hiểu biết của con người chỉ như những hạt cát. Bởi vậy cần phải chăm chỉ học tập.” Em ngồi xuống mà trong lòng cảm thấy ân hận vô cùng. Cô ơi! Em sẽ không bao giờ quên những gì cô đã dạy.  **2. Yếu tố miêu tả:**  - trời mưa to, càng lúc mưa càng nặng hạt, mưa giăng mù mịt ngoài trời,  - bối rối, ngập ngừng  - mềm mỏng, nhẹ nhàng đến lạ kì.  \* **Yếu tố biểu cảm:**  Cô ơi! Em sẽ không bao giờ quên những gì cô đã dạy.  \* **Phương tiện liên kết:**  - Phép liên tưởng: em nhớ…  - Phép nối: có một lần … hôm khác, bởi vậy… |

**Hướng dẫn hs học ở nhà: (2’)**

**-** Hoàn thành bài tập vào vở.

- Chuẩn bị cho tiết bài viết số 2: Xem lại lí thuyết về văn tự sự kết hợp miêu tả, lập dàn ý các đề bài ở sgk.

* Rút kinh nghiệm
* Cho hs chuẩn bị bài trước ở nhà
* Sủa bài tập khó cho hs
* Cần lưu ý thời gian

**Ngày dạy: 23-26/10**

**Lớp dạy: 9/2.9/4**

**Tuần 7,8**

**Tiết 35,36**

**LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

***=====Trích Truyện Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu=====***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Biết một trích đoạn của truyện Lục Vân Tiên

- Hiểu và lí giải được vị trí của tác phẩm*Truyện Lục Vân Tiên* và đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu cho kho tàng văn học dân tộc.

- Biết cách vận dụng những kĩ năng để cảm thụ một trích đoạn *Truyện Lục Vân Tiên*

**2. Kỹ năng** :

- Biết được giá trị nội dung và nghệ thuật của một đoạn trích trong tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*

- Tìm hiểu đặc trưng phương thức khắc họa tính cách nhân vật của truyện.

**3.Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ một truyện thơ Nôm

- Trân trọng tấm lòng nhân nghĩa, vị tha, yêu công lí và chính nghĩa, ghét gian tà.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Những hiểu biết bước đầu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm ***Truyện Lục Vân Tiên*.**

- Thể loại thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm ***Truyện Lục Vân Tiên***.

- Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm ***Truyện Lục Vân Tiên*.**

- Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

**2. Kỹ năng** :

- Đọc - hiểu văn bản truyện thơ .

- Nhận diện và hiểu được tác dụng của các từ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật lí tưởng theo quan niệm đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểuđã khắc hoạ trong đoạn trích.

**3.Thái độ:**Trân trọng trước vẻ đẹp của hình tượng nhân vật lí tưởng.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy:** Máy chiếu.

*- Chân dung nhà văn Nguyễn Đình Chiểu, Tác phẩm* ***Truyện Lục Vân Tiên***.

- Một số bài viết về Nguyễn Đình Chiểu của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng và giáo sư Trần Văn Giàu.

**2. Trò:**Tìm hiểu ***Truyện Lục Vân Tiên*** và tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu.

- Đọc trước văn bản và chuẩn bị bài trước ở nhà.

- Trả lời các câu hỏi trong SGK vào vở soạn và làm các bài tập trong sách BT trắc nghiệm..

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trưởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:* Kiểm tra trước khi tìm hiểu chung về văn bản

*Đọc thuộc đoạn trích* ***” Kiều ở lầu Ngưng Bích”*** *nêu nội dung, ý nghĩa của đoạn trích?*

**\* Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - GV tranh phác họa Lục Vân Tiên đánh cướp và yêu cầu hs nhận xét ?  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  **Tiết 37,38. Đọc hiểu văn bản:**  **LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA** | HS hình dung và cảm nhận |

**HOẠT ĐỘNG 2 :** HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 60’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc - tìm hiểu chú thích**  **1. Hư­ớng dẫn đọc.** | | | **I. Đọc - tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc.** | | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích**  **1.Đọc** |  |
| *\* GV đọc mẫu 14 câu thơ đầu: từ “Vân Tiên ghé lại...” đến “Bị Tiên...thân vong”.*  H. Với đoạn trích học này, qua việc nghe đọc của thầy em thấy khi đọc ta cần đọc thế nào cho đóng?  *\* GV*: - Giọng sôi nổi, thiết tha, sảng khoái, chú ý chuyển giọng ở những câu kể chuyện , tả trận đánh, cử chỉ và lời nói của 2 nhân vật chính.  *\* Yêu cầu HS đọc: gọi 2 H.S đọc phần còn lại.*  - HS 1 đọc từ: “Dẹp rồi lũ kiến chòm ong” đến: “Hai nàng ai tớ ai thầy nói ra”.  - HS 2 đọc phần còn lại.  H. Nhận xét cách đọc, GV nhận xét. | | | *+ Nghe, hiểu cách đọc của thầy*  *- Nghe, trả lời để nắm vững yêu cầu đọc.*  *+ Nêu, trình bày nhận xét:*  - Đọc to, rõ ràng, mạch lạc.  - Các câu thơ ngắt nhịp theo nhịp 2-2-2.  - Cần phân biệt rõ cử chỉ, hành động trong lời nói của các nhân vật:*Vân Tiên*: cương trực, nghĩa khí. *Phong Lai*: dữ dằn, ngông cuồng. *Nguyệt Nga*: khiêm tốn, đội ơn, ân tình.  *+2 HS đọc, cả lớp nghe, phát hiện lỗi, nhận xét.* | | | |  | 7 phút  HS học tại lớp  GV sử dụng máy chiếu |
| **2. Hướng dẫn HS tìm hiểu chú thích.** | | | **2. Tìm hiểu chú thích.** | | | | **2. Chú thích:**  ***a. Tác giả:*** |  |
| H. Dựa vào những thông tin trong phần Chú thích \*, em hãy thuyết minh những nét khái quát nhất về cuộc đời và sự nghiệp, một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu?  *\* GV cho HS quan sát chân dung NĐC và tên bìa một số sách của ông*  **\* GV Bổ sung :** Cuộc đời NĐC là tấm gương sáng về nghị lực sống, sống bằng khí phách luôn vượt lên những bất hạnh và đau khổ để làm những việc cho dân cho nước, sống có đạo đức cao cả, yêu thương nhân dân, chống lại kẻ thù xâm lược. | | | *+ Căn cứ vào Chú thích SGK , HS trả lời cá nhân, giới thiệu về tác giả, sự nghiệp sáng tác, các tác phẩm tiêu biểu.Quan sát chân dung tác giả, tên một số đầu sách.*  **- Quê mẹ :** làng Tân Thới, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Đinh (TP HCM)  **- Quê cha :** huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên- Huế.  **- Bản thân** là con quan, từ nhỏ được học chữ, 12 tuổi cùng cha chạy loạn về Huế sau cuộc nổi dậy của tổng trấn Lê Văn Duyệt.  **-** 21 tuổi đỗ tú tài ở Gia Định (1843).  - 24 tuổi ra Huế dự thi Hội, đang chờ thi ông được tin mẹ mất, ông bỏ thi về chịu tang, khóc mẹ mù cả 2 mắt. Từ đó ông mở trường dạy học và làm thuốc tại quê nhà, danh tiếng thầy đồ Chiểu vang khắp 6 tỉnh Nam Bộ  **-** 1858 : Pháp tấn công Gia Định, ông tham gia kháng chiến, sáng tác thơ văn cổ vũ tinh thần chiến đấu.  **-1888 :** Ông mất tại Bến Tre. | | | | ***Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888***  ***- tên tục gọi là đồ Chiểu:***  - Là nhà thơ Nam Bộ tiêu biểu nhất trong nửa cuối thế kỉ 19. Thơ văn của ông còn là vũ khí chiến đấu, chống lại cái ác, chống ngoại xâm.  **\* Sự nghiệp sáng tác :** Những tác phẩm viết bằng chữ Nôm : Truyện thơ Lục Vân Tiên, Ngư- Tiều y thuật vấn đáp, Dương Từ- Hà Mậu, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, văn tế Trương Định… | Tớch hợp mụn Lịch sử |
| *\* GV nêu vấn đề nhỏ cho từng nhóm qua phiếu học tập*  N1: Giới thiệu về nguồn gốc, vị trí của VB trong làng văn học?  N2: Dựa vào phần tóm tắt sgk hãy nêu nội dung chính của tác phẩm, kể ngắn gọn VB?  N3: Nêu giá trị ND, NT của  \*GV nhận xét, chốt ý chính, ghi bảng.  *- Gv bổ sung:*  + Truyện Lục Vân Tiên  được viết theo lối kết cấu chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính. Truyện viết ra nhằm mục đích trực tiếp là truyền dạy đạo lí làm người.  + Là một tác phẩm truyện thơ Nôm mang tính chất là một truyện kể nên thường chú trọng đến hành động của nhân vật nhiều hơn là miêu tả nội tâm. Do đó tính cách của nhân vật cũng thường bộc lộ qua lời nói, việc làm, cử chỉ của họ  *\* GV phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật* | | | *+ HS thảo luận nhóm theo* ***kĩ thuật mảnh ghép ( 3 phút)***  *-Trao đổi, thống nhất trong nhóm. Mỗi nhóm cử 1 hs đại diện trình bày, bổ sung cho nhau.*  *- Nghe GV chốt, ghi vở.*  *- Hs lắng nghe GV bổ sung.*  ***+ Nguồn gốc, vị trí:***  - Là một truyện thơ Nôm, được sáng tác khoảng đầu năm 50 của thế kỉ XIX trong thời gian nhà thơ dạy học và làm nghề thuốc chữa bệnh cho dân ở Gia Định.  - Đây là tác phẩm lớn đầu tiên của NĐC cốt truyện do ông sáng tạo.  - Truyện dài 2082 câu thơ lục bát.  - Đư­ợc l­ưu truyền khắp các tỉnh Nam Bộ bằng nhiều hình thức sinh hoạt dân gian: hát Vân Tiên, nói thơ, kể truyện…  - Đư­ợc in nhiều lần, phiên âm tiếng quốc ngữ, dịch sang tiếng Pháp và lan rộng ảnh hưởng ra toàn quốc.  **+ Nội dung.**  - Truyện kể về cuộc đời đầy truân chuyên của 1 nho sinh là Lục Vân Tiên, gồm 4 phần:  + LVT cứu KNN khỏi tay bọn cướp.  + LVTgặp nạn được thầnvà dân cứu.  + KNN gặp nạn và được cứu  + Đoàn tụ: LVT – KNN gặp lại sum vầy hạnh phúc.  **\* Chủ đề:** Truyền dạy đạo lí làm người, xem trọng tình nghĩa và thể hiện khát vọng công bằng trong xã hội.  *+ NT* : Truyện thơ lục bát, ngôn ngữ giản dị, sử dụng phương thức diễn xướng dân gian: kể, hát, nói thơ.  *+ ND* : Truyền dạy đạo lí làm ngư­ời, đề cao t­ư tư­ởng nhân nghĩa, xem trọng tình nghĩa giữa con người - con ngư­ời : cha con, bạn bè, vợ chồng…; đề cao tinh thần nghĩa hiệp; thể hiện khát vọng của ND về công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc sống; phê phán lên án những kẻ bất nhân, phi nghĩa. | | | | **b. Tác phẩm: Truyện thơ Lục Vân Tiên:**  ***+ Nguồn gốc, vị trí:***  - Là truyện thơ Nôm dài 2082 câu lục bát.  - Là tác phẩm lớn đầu tiên của NĐC, cốt truyện do ông sáng tạo.  ***+ Nội dung.***  - Truyện kể về cuộc đời đầy truân chuyên của 1 nho sinh là Lục Vân Tiên, gồm 4 phần:  + LVT cứu KNN khỏi tay bọn c­ướp.  + LVT gặp nạn được thần và dân cứu.  + KNN gặp nạn và được cứu  + Đoàn tụ: LVT – KNN gặp lại sum vầy hạnh phúc.  ***+ Giá trị nội dung, nghệ thuật :*** | Chiếu phần chốt trên máy. |
| *\* GV kiểm tra xác suất 1 số từ : 2,6,7,11,16,24*  H. Ngoài ra em thấy còn có những chú thích nào là từ địa phương? | | | *+ HS tìm hiểu một số từ khó*  *- Hs quan sát, tìm chú thích.*  - Từ địa phương:  + Mầy: mày  + Chưa hãn dạ nầy: lòng này chưa rõ.  + Hay vầy: biết như thế này. | | | | ***c. Từ khó***: Chú thích: 2,6,7,11,16,24 |  |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  ***1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản.*** | | **II. Tập hiểu văn bản:**  ***(Hình thành các kĩ năng: Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm)***  ***1.HS tìm hiểu khái quát văn bản.*** | | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản**:  **1.Tìm hiểu khái quát:** | **45-50’** |
| *\* GV : Hãy tìm hiểu và trình bày những thông tin sau về tác phẩm :*  - Vị trí đoạn trích?  - Thể loại?  - PTBĐ?  - Nội dung? (Đoạn trích kể về ại, kể lại sự việc gì?)  - Bố cục?Tóm tắt? Kể tóm tắt từ đầu đến vị trí đoạn trích học?  *\* Bảng phụ cho từng nhóm*  *- Gv gọi đại diện nhóm trình bày*  *- Gv nhận xét, chốt, ghi bảng*  *\* GV bổ sung.* Đây là nhân vật lí tưởng → t/g gửi vào đó quan niệm sống và ước mơ khát vọng của mình cũng như của nhân dân vào những bậc anh hùng mong chiến thắng thế lực bạo tàn. | | *+ HS thảo luận nhóm, viết ra bảng phụ, đại diện trình bày, nhận xét.*  **- Vị trí** : nằm ở phần đầu của truyện. Từ câu 123 – 180.  **- Thể loại:** truyện thơ Nôm.  **- Đại ý**: khắc hoạ phẩm chất của 2 nhân vật LVT và KNN  - Nhân vật: Lục Vân Tiên và KNN.  **- Bố cục** : Chia 2 phần.  Từ đầu...vong→VânTiên đánh cướp.  - Phần còn lại → Cuộc trò chuyện giữa Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.  **\* Tóm tắt.**  + Là thư sinh trên đường đi thi, gặp dân chạy loạn, biết có cướp dừng lại chủ động tìm vũ khí đánh cướp.  + Trong tình thế bất ngờ và đơn thương độc mã nhưng ko nao nóng dũng mãnh xông trận (tả đột...) dũng cảm đánh cướp 1mình bảovệ ng dân.  + Quan niệm làm việc nghĩa là làm ơn, ko tính toán.  + Đánh tan bọn cướp → nghe tiếng khóc ân cần hỏi han → KNN giãi bày tâm sự, xin được đền ơn → gạt đi vì chàng cho rằng làm ơn không chỉ để trông người trả ơn → cách cư xử của người hảo hán. | | | | | - Vị trí: phần đầu “Truyện LVT”  -Thể loại : Truyện thơ Nôm  - PTBĐ: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  - Nội dung chính: khắc hoạ phẩm chất của 2 nhân vật LVT và KNN  - Nhân vật chính: Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.  - Kể việc: Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga.  - Bố cục : 2 phần  + Phần 1 : 14 câu thơ đầu: LVT đánh cư­ớp  + Phần 2 : còn lại : cuộc trò chuyện giữa LVT và KNN. |  |
| H. Đoạn trích ***LụcVân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*** phảng phất truyện nào trong truyện cổ dân gian? Tại sao tác giả dùng khuôn mẫu này? | | *+ Liên hệ, trả lời nhanh*.  - Phảng phất truyện dân gian “Thạch Sanh”. Hình ảnh LVT gợi nhớ đến hình ảnh Thạch Sanh -> Mô típ đó thường biểu hiện niềm mong ước của tác giả và của nhân dân trong thời buổi nhiễu nhương, hỗn loạn=> mong người tài đức dám ra tay cứu dân, giúp đời. | | | | | - Để nhân dân dễ hiểu những t­ư tưởng đạo đức của chính thời đại họ đang sống. |  |
| ***2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.***  ***a. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên***  *\* GV gọi H.S đọc lại 14 câu thơ đầu.*  H. Nhân vật Lục Vân Tiên được khắc hoạ trong những tình huống nào ?  H. LVT đánh c­ướp được miêu tả qua những h/ả, câu thơ nào?( Hoàn cảnh, điều kiện, hành động, lời nói nào?) Hãy giải thích những hành động, lời nói đó? | | **2. Tìm hiểu chi tiết:**  ***a. HS tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên***  *+ Đọc 14 câu đầu, phát hiện chi tiết, chỉ rõ hoàn cảnh, hành động, lời nói.HS khác bổ sung.*  **- Hoàn cảnh**: đi thi về một mình >< Cướp có bè đảng.-> đơn độc, chỉ có một mình.  **- Điều kiện đánh cướp:** Vũ khí tự tạo, chỉ có một mình, không có vũ khí, bẻ cây làm gậy >< bọn cướp đông, hung hãn, có nhiều vũ khí…  **- Hành động:**“Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”: =>Dùng cây làm vũ khí thẳng tới -> dứt khoát.  + “Tả đột hữu xung” => tung hoành dũng mãnh  **-Lời nói:**kêu rằng“bớ đảng...hại dân”:  => tuyên chiến với bọn cướp hung ác, quyết không để chúng hại dân. Cách đánh của chàng công khai đàng hoàng : trỏ mặt, gọi tên như những anh hùng hảo hán xưa. | | | | | **2. Tìm hiểu chi tiết:**  **a/** **Nhân vật Lục Vân Tiên**  **\* Đánh cướp :**  ***- Hoàn cảnh***  ***- Điều kiện đánh cướp***  ***- Hành động: → Dũng cảm đánh cướp cứu dân lành.***  ***- Lời nói:*** => tuyên chiến với bọn cướp hung ác, quyết không để chúng hại dân. | GV chiếu trên máy |
| H. Theo em, mđích đánh cướp của Vân Tiên trong những câu này làvì ai? | | *+ HS tự do bộc lộ.*  Đánh cướp cứu người (những người dân khổ đau, khốn khó lầm than) | | | | | ***- Mục đích: đánh cướp cứu người*** |  |
| H. Tác giả đã ví hành động của LVT với ai? Vì sao lại ví như­ vậy?  *\* Gọi hs trả lời, nhận xét* | | *+HS liên hệ, trả lời, nhận xét*  - Tác giả ví hành động của LVT với Triệu Tử Long – 1 tướng trẻ của Lưu Bị trong thời Tam Quốc dũng cảm 1mình phá vây quân Tào bảo vệ A Đẩu con của Lưu Bị. - Hình ảnh LVT đánh cướp được miêu tả , ngắn gọn bằng những động từ mạnh, so sánh với viên dũng tướng Triệu Tử Long  - LVT và TTL đều khí phách anh hùng, kiên quyết quả cảm làm việc nghĩa, dám dũng cảm đối đầu với cái ác, cái bất công. | | | | |  |  |
| H. Em có nhận xét gì về cách đánh cướp của Lục Vân Tiên?  H. Ngôn ngữ và nghệ thuật được dùng ở đoạn này ntn.  H. Qua đó, đặc điểm nào trong tính cách của LVT được bộc lộ? | | *+ Nhận xét về cách đánh cướp, rút ra phẩm chất của LVT*  *- Hs trình bày, nhận xét chéo.*  - Cách đánh của chàng công khai đàng hoàng : trỏ mặt gọi tên như những anh hùng hảo hán xưa  - Hình ảnh LVT đánh cướp được miêu tả nhanh , ngắn gọn bằng những động từ mạnh, so sánh với viên dũng tướng Triệu Tử Long  => Con ng­ười có khí phách, coi trọng lẽ phải, căm ghét áp bức, không sợ gian nguy, đầy tài năng và chí khí… | | | | | - Cách đánh: công khai, đàng hoàng.  - Sử dụng động từ mạnh, lối so sánh với viên dũng tướng.  *=>Bênh vực kẻ yếu , có khí phách, coi trọng lẽ phải, căm ghét áp bức bất công, không sợ gian nguy, đầy tài năng và chí khí…* |  |
| H. Hãy chọn thơ đề tên minh hoạ cho tranh minh hoạ SGK? | | *+ HS tự do bộc lộ*  - Bức vẽ ứng với những câu thơ:”*VânTiên tả đột hữu xông*  *Khác nào Triệu Tử ... Đương Dang.”* | | | | |  |  |
| H. Đặt nhân vật vào hoàn cảnh ấy nhà văn gửi gắm tư tưởng tình cảm gì?  *\* GV chốt, chuyển tiết 2.* | | *+ Kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác qua kĩ thuật động não nhận xét, trình bày:*  - Khát vọng, ước mơ về người anh hùng nghĩa hiệp, có tinh thần vị nghĩa cứu không, phó nguy, dám xả thân vì dân, vì nước.  **TIẾT 2.** | | | | |  |  |
| *\* GV chuyển ý:* Sau khi đánh tan bọn cư­ớp nghe tiếng khóc LVT hỏi vọng vào. Từ trong xe KNN giãi bày sự việc mong đ­ược đền ơn nhưng LVT gạt đi.  H. Tìm đọc những lời nói của LVT với KNN sau khi đánh cướp? | | *+ Nghe GV chuyển, tìm đọc:*  “ Hỏi ai than khóc ở trong xe này…  - Nàng là phận gái ta là phận trai…  - Làm ơn há dễ trông người trả ơn... | | | | | **b/ Cuộc trò chuyện giữa LVT và KNN**. |  |
| *\* GV chia 4 nhóm, yêu cầu thảo luận , gọi trình bày, nhận xét.*  H.Theo dõi nv LVT trong cuộc đối thoại này cho biết:  a. Những lời nói nào có giá trị khắc hoạ rõ nét nv LVT?  b. Qua đó em hiểu gì về con người LVT? Từ đó em cảm nhận được vẻ đẹp nào trong tính cách của LVT?  \* Bình: *Với quan điểm đạo đức chính nghĩa, thế giới nhân vật hướng thiện của Nguyễn Đình Chiểu là những con người hành động vì nghĩa như: Ngư ông, Hớn Minh, Tử Trực...*  H. Trước tính cách như vậy thì tình cảm của em ntn với nhân vật LVT? Em học tập được gỡ từ nhân vật này | | *+HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày. Nhóm khác n/ xét, bổ sung.*  - Hỏi: Ai than khóc ở trong xe này?” ⭢ Lời nói ân cần chứa đựng sự cảm thông, chia sẻ.  - “khoan…phận trai”:*→ coi trọng lễ giáo gia phong, danh dự bổn phận.* ⭢ Hành vi ứng xử có văn hóa theo quan niệm đạo đức phong kiến: biết giữ lễ cho mình và cho người khác.  - “VT nghe…trả ơn”: -> vô t­ư, trong sáng, không vụ lợi trong việc cứu người.  - “Nhớ câu…anh hùng”: -> coi trọng khí phách ng­ười anh hùng.  *→ Tính cách: trọng nghĩa, khinh tài, chính trực, ngay thẳng, trong sáng, từ tâm, nhân hậu, cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp.*  *+ Tự do bộc lộ.*  Tình cảm: ngưỡng mộ, quí trọng, tin tưởng.  Liên hệ bản thõn | | | | | - Hỏi: Ai than khóc ở trong xe này?” ⭢ ***Lời nói ân cần chứa đựng sự cảm thông, chia sẻ.***  - “khoan…phận trai”:***→ coi trọng lễ giáo gia phong, danh dự bổn phận.***  - “VT nghe…trả ơn”: ***-> vô t­ư trong*** ***việc cứu người.***  - “Nhớ câu…anh hùng”: ***-> coi trọng khí phách ng­ười anh hùng.***  *→ Tính cách: trọng nghĩa, khinh tài, chính trực, ngay thẳng, trong sáng, từ tâm, nhân hậu, cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp.* | Tớch hợp mụn GDCD |
| ***b. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Kiều Nguyệt Nga.*** | | ***b.HS tìm hiểu nhân vật Kiều Nguyệt Nga.*** | | | | | **b/ Nhân vật Kiều Nguyệt Nga.** |  |
| H. So sánh với nhân vật LVT, nhân vật KNN được miêu tả ntn? (Ngôn ngữ, cử chỉ, hành động?) | | *+ Phát hiện trả lời.*  - Biểu hiện qua những lời lẽ mà nàng giãi bày với Vân Tiên  + Những lời nói thể hiện con người KNN:“Quênhà…HàKhê”:->***chân thật***  “Làm con…cũng đành”:-> ***hiếu thảo***  “Lâm nguy…một hồi”:->***trong trắng.***  “Trước xe … sẽ thưa”: -> ***nết na.***  “Hà Khê… cho chàng”:-> ***ân nghĩa.*** | | | | | *+ Tự giới thiệu*:  - Tên  - Quê  - Cha  - Mục đích ra đi  + *Lời nói*:  Gọi: quân tử  Xưng: tiện thiếp |  |
| H. Em có nhận xét gì về những lời lẽ mà KNN giãi bày?  H. Qua ngôn ngữ, lời nói của KNN, em hiểu gì về nàng?  *\*GV chốt:* *Trong cái nhìn của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyệt Nga là một cô gái đằm thắm, ân tình. Nàng sống biết chịu ơn luôn đắn đo trước cái ơn cứu mạng của Vân Tiên.* | | *+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét, trả lời.*  - Nhân vật tự giới thiệu về mình qua lời đối đáp (ngôn ngữ, lời nói).→ Lời nói của 1 tiểu thư khuê các, thuỳ mị, nết na.  - Cách xưng hô quân tử, tiện thiếp”: cách nói năng văn vẻ, dịu dàng mực thước, khiêm nhường.  - Cách trả lời rõ ràng khúc triết, vừa đáp ứng đầy đủ lời hỏi thăm, vừa bày tỏ niềm cảm kích, chân thành với LVT,vừa bộc lộ hoàn cảnh éo le:bị cha ép gả nhưng vẫn hiếu thuận nghe lời→ Người con gái hiếu thảo, coi trọng lễ giáo  - Nàng lạy tạ ơn LVT sau đó mời về nhà để đền đáp mặc dù nàng biết đền đáp thế nào cũng không xứng. Cuối cùng nàng tự nguyện gắn bó cuộc đời mình vớiLVT | | | | | ⭢ Cách nói năng văn vẻ, mực thước, khiêm tốn của một tiểu thư khuê các.  **->** Cách trả lời rõ ràng khúc triết.  ***-> Là cô gái chân thật nết na, hiếu thảo, thuỷ chung, tình nghĩa***. |  |
| H. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, cách kể chuyện, miêu tả nhân vật của tác giả ? | | *+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét.*  - NT xây dựng nhân vật bằng cách: khắc hoạ tính cách bằng hành động và lời nói.  - Ngôn ngữ đối thoại giản dị, mộc mạc, giàu màu sắc Nam Bộ.  - Cách kể chuyện theo trình tự tgian. | | | | |  |  |
| H. Nhiều ý kiến cho rằng số phận và tính cách nhân vật LVT có nhiều nét tư­ơng đồng với tác giả NĐC. Qua đtrích và toàn bộ tphẩm em hiểu gì về con người tgiả? | | *+ Tự do bộc lộ*  - Coi trọng nghĩa khí  - Trân trọng giá trị đạo đức truyền thống.  - Khát vọng hạnh phúc  - Khát vọng hành đạo giúp đời. | | | | |  |  |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát.**  H. Đoạn trích có những thành công gì về giá trị nội dung và nghệ thuật ?  H. Nêu ý nghĩa của đoạn trích ?  *\* GV giúp đỡ, tư vấn HS trình bày nội dung theo phần Ghi nhớ SGK (115).*  H. Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/99  *\* GV giảng, chốt trên BP -> ghi bảng*  **GV khái quát kiến thức trọng tâm và chuyển ý.** | **III. Đánh giá, khái quát.**  ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  *+ HS khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật, trả lời cá nhân. HS khác bổ sung.*  ***1. Nội dung:***  - Đạo lí nhân nghĩa được thể hiện ở hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên được thể hiện qua hành động dũng cảm đánh cướp cứu người, tấm lòng chính trực hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu khi cư xử với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh lại bọn cướp.  - Đạo lí nhân nghĩa còn được thể hiện qua lời nói của cô gáI thuỳ mị, nết na, Kiều Nguyệt Nga một lòng tri ân người đã cứu sống mình.  ***2. Nghệ thuật***  - Miêu tả nhân vật chủ yếu thông qua cử chỉ, hành động lời nói.  - Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gắn với diễn biến tình tiết truyện.  *+ HS đọc ghi nhớ SGK/115. Ghi kiến thức trọng tâm GV chốt trên máy vào vở.* | | | | **III. Tổng kết**:  ***- Kĩ năng đánh giá tổng hợp***  ***1. Nội dung***  - Đạo lí nhân nghĩa được thể hiện ở hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên: qua hành động dũng cảm đánh cướp cứu người, tấm lòng chính trực hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu khi cư xử với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh lại bọn cướp.  - Đạo lí nhân nghĩa còn được thể hiện qua lời nói của cô gái thuỳ mị, nết na, Kiều Nguyệt Nga một lòng tri ân người đã cứu sống mình.  ***2. Nghệ thuật***  - Miêu tả nhân vật chủ yếu thông qua cử chỉ, hành động lời nói.  - Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gắn với diễn biến tình tiết truyện.  *3.Ý nghĩa văn bản*  - Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga và khát vọng hành đạo cứu đời của tác giả.  ***\* Ghi nhớ/ 115.*** | | | **5’**  Gv chốt kiến thức trong tâm trên máy để HS ghi vào vở |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | |
| **Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng**  \* Giáo viên cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm SBTTN/ ( Từ câu 1 đến câu 15)  *- GV định hướng giúp HS làm bài*  *- Gọi hs lên bảng làm*  *- Nhận xét, sửa chữa.*  *\* GV yêu cầu HS đọc diễn cảm văn bản và phần văn bản đọc thêm, gọi nhận xét chéo. GV sửa cách đọc.*  *\* Tổ chức cho hs hoạt động cá nhân*  *- Gọi hs trình bày*  *- Gọi nhận xét, sửa chữa*  *GV sửa.* | | | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV.Luyện tập**  *+ Học sinh đọc và làm bài tập trắc nghiệm. Trả lời cá nhân, HS khác bổ sung, nhận xét chéo.*  *+ HS đọc diễn cảm, cả lớp nghe, nhận xét, nghe GV sửa cách đọc.*  *+HS viết một đoạn văn trình bày cảm nhận về LVT.*  *- Hs viết bài ra phiếu học tập*  *- 1,2 hs đọc bài*  *- 1-3 hs nhận xét* | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**:  **1. Trắc nghiệm: Từ câu 1-15.**  2**. Đọc diễn cảm.**  **3. Bài 3.** Viết đoạn văn từ 5-7 câu trình bày cảm nhận của em về nhân vật LVT.  *-* Con ng­ười có khí phách, coi trọng lẽ phải, căm ghét áp bức, không sợ gian nguy, đầy tài năng và chí khí.  - Coi trọng lễ giáo gia phong, danh dự bổn phận.  -vô t­ư trong việc cứu người.  -coi trọng khí phách người anh hùng. | | Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu của bài và làm bài tập trắc nghiệm trên BP |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em có nhận xét gì về các tấm gương cứu giúp người bị tai nạn giao thông và so sánh với nhân vật Lục Vân Tiên? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  Tìm đọc tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu và Truyện Lục Vân Tiên | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc lòng đoạn thơ và nắm chắc nội dung phần Ghi nhớ.

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản.

- Bằng một bài văn ngắn em hãy giới thiệu và nêu cảm nhận về hai nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga qua đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”?

*GV gợi ý*: Phân tích và nêu cảm nhận thông qua lời nói hành động….

- Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng ở phần chú thích

- Đọc thêm phần trích: Kiều Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

+ Sưu tầm những câu thơ, đoạn thơ khác trong Truyện Kiều miêu tả nhân vật phản diện.

+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.

Yêu cầu: Trả lời câu hỏi trong sgk

Phiếu bài tập, bảng phụ làm theo tổ.

* Rút kinh nghiệm
* Cần nhấn mạnh hình tượng người anh hung Lục Vân Tiên
* Cho hs so sánh với hình tượng nhân vật Quang Trung rút ra đặc điểm về người anh hùng

**Ngày dạy: 27/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/1**

**Tuần 8**

**Tiết 37,38**

**ÔN TẬP TỔNG HỢP GIỮA HỌC KÌ I**

**Học sinh đọc kĩ đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**

Nghi ngút đầu ghềnh toả khói hương,

Miếu ai như miếu vợ chàng Trương

Bóng đèn đầu nhẫn đừng nghe trẻ,

Cung nước chi cho lụy đến nàng

Chứng quả đã đôi vầng nhật nguyệt,

Giải oan chẳng lọ mấy đàn tràng

Qua đây bàn bạc mà chơi vậy,

Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng.

*(Lại bài viếng Vũ Thị-Lê Thánh Tông-Sách Ngữ văn 9/tập 1)*

**Câu 1**: (4.0 điểm)

a.(1.0 điểm): Ngữ liệu trên đề cập đến tác phẩm nào mà em đã học? Nêu nội dung của tác phẩm.

b.(1.0 điểm): Tìm hai từ mượn có trong ngữ liệu trên và giải nghĩa.

c.(1.0 điểm): Từ nội dung tác phẩm đã học liên quan đến ngữ liệu, em hãy nêu cảm nhận về các đặc điểm của nhân vật Vũ Nương.

d.(1.0 điểm): Viết đoạn văn từ 4-6 câu trình bày suy nghĩ của em về người phụ nữ trong thời hiện đại.

**Câu 2**: (6.0 điểm): Viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng 2 mặt giấy tập) bàn luận về câu nói: *“Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngả sau bạn”.*

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG THCS PHÚ LỢI** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC 2020 – 2021**

**MÔN: NGỮ VĂN – KHỐI 9 - ĐỀ A**

**Câu 1**:

a.(1.0 điểm) Học sinh trả lời 2 ý sau:

- Ngữ liệu trên đề cập đến tác phẩm: “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.(0,25 điểm)

- Nội dung tác phẩm: Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, “Chuyện người con gái Nam Xương” thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ. (0.75 điểm)

b.(1.0 điểm) Hai từ mượn trong ngữ liệu

-Nhật nguyệt: mặt trời và mặt trăng.

- Chứng quả: soi xét cho tấm lòng thành thực.

c.(1.0 điểm): Cảm nhận về đặc điểm của Vũ Nương:( mỗi ý cho 0.25 điểm)

- Thùy mị nết na, tư dung tôt đẹp

- Yêu thương chung thủy chờ chồng

- Đảm đang tháo vát, yêu thương và chăm sóc con

- Nàng dâu hiếu thảo với mẹ chồng.

- Mang bi kịch gia đình, bị nghi oan phải tìm đến cái chết để minh oan.

d.(1.0 điểm): Gợi ý: Vẻ đẹp của người phụ nữ xưa bộc lộ trong tính chịu đựng, tần tảo, chịu thương chịu khó phục vụ gia đình chồng con. Còn phụ nữ ngày nay năng động trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước.Cái đẹp của người phụ nữ trong thời kỳ hiện đại vẫn có sự kế tiếp vẻ đẹp tinh thần của người phụ nữ xưa. Giờ đây, tam tòng tứ đức được nhìn nhận trên những khía cạnh khác cởi mở hơn. Tam tòng thể hiện sự gắn bó chung thuỷ của người phụ nữ với gia đình vốn là đức tính truyền thống của người phụ nữ Việt Nam hiện nay đức tính ấy vẫn là vẻ đẹp tiềm ẩn trong tâm hồn họ. Phụ nữ thời nay chú ý đến việc chăm sóc dung nhan của mình. Trên thế giới tư lâu đã có câu danh ngôn: Không có phụ nữ xấu, chỉ có phụ nữ không biết làm đẹp. Cái đẹp về ngoại hình bổ trợ cho cái đẹp về tinh thần.  Thế giới đã đưa ra nhận xét rằng: “Nam giới đại diện cho thời đại công nghiệp, nữ giới đại diện cho thời đại thông tin”.

Yêu cầu:

- Nội dung: phải đáp ứng yêu cầu của dề bài.( 0.5 điểm)

- Hình thức: Học sinh có thể làm thừa 1 câu cũng cho điểm trọn vẹn. Chỉ trừ điểm dư từ 2 câu trở lên ( -0.25 điểm)

**Câu 2**: (6.0 điểm):

Dàn ý gợi ý:

**I. Mở bài: (0.5 điểm)**  Một khi trái đất vẫn quay, mặt trời vẫn tỏa nắng, thì mỗi ngày là một cơ hội mới cho chúng ta. Con đường ngắn nhất để thoát khỏi gian nan là đi xuyên qua nó và bạn sẽ thấy mình ở một bậc cao hơn sau mỗi lần vượt qua được nghịch cảnh. Những lúc ấy, bạn đừng quên câu danh ngôn "Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngả về sau bạn". Bạn hiểu sao về câu nói này?

**II. Thân bài:( 5.0 điểm)**

**1. Giải thích:( 1.0 điểm)**

- Mặt trời: tượng trưng cho sự sống, ánh sáng mang một vẻ đẹp rực rỡ, ấm áp, hạnh phúc.

- Hướng về phía mặt trời: hướng về sự sống tràn ngập niềm vui, ánh sáng, nơi tồn tại những điều tốt đẹp.

- Bóng tối sẽ ngả về sau lưng bạn: miêu tả một sự thật hiển nhiên rằng khi bạn hướng mình về phía ánh mặt trời thì bóng của bạn sẽ ngả về sau. Điều đó ngụ ý rằng, khi bạn suy nghĩ và hướng mình tới những điều tốt đẹp, thì những u ám, xấu xa, khó khăn hay thời kì tăm tối kia sẽ bị đẩy lùi, quên lãng và chìm vào quá khứ.

=> Đây là lời khuyên mọi người nên có một thái độ sống tích cực, một cái nhìn lạc quan, niềm tin vào tương lai, biết hy vọng và tạo cho mình hy vọng.

Vậy sống lạc quan là gì? Lạc quan là luôn hướng về những điều tốt đẹp, thấy được những tia hy vọng trong khổ đau, nhìn nhận mọi việc theo hướng tích cực.Đó là thái độ tích cực trong cuộc sống mà mỗi người cần phải có.Tinh thần lạc quan sẽ giúp chúng ta có được sự phấn chấn, động lực để cố gắng hơn.Sống lạc quan giúp ta tự khẳng định được chính mình.Tinh thần sống lạc quan góp phần lớn vào xây dựng đời sống văn minh, tốt đẹp hơn.

**2. Bàn luận: tại sao chúng ta phải sống lạc quan? (1.5 điểm)**

- Mỗi chúng ta luôn mong muốn cuộc sống tốt đẹp, trọn vẹn. Chúng ta có lý tưởng, có ước mơ, hoài bảo... về một gia đình êm ấm, một công việc thích hợp, một mức lương khá khẩm hay là một tình yêu sâu sắc, những người bạn chân thành.

- Thế nhưng cuộc sống không là một đường thẳng tắp. Trong cuộc đời mỗi người hẳn phải đi qua những khúc quẹo, những thăng trầm, va vấp. Có đôi lúc, chúng ta tưởng chừng như cả thế giới đã quay lưng lại với chính mình, mọi thứ tồi tệ đến mức bạn không tìm được một điều gì để bám víu. Bạn thấy mình vô cùng cô đơn.

- Tuy nhiên, nếu bạn đủ mạnh mẽ và dũng khí để "đi xuyên qua nó", bạn sẽ thấy cuộc sống luôn là một bữa tiệc dành riêng cho những người mạnh mẽ. Bạn đủ dũng khí để đối diện, đủ mạnh để đương đầu. Khi bạn suy nghĩ lạc quan hơn, tích cực hơn, bạn hướng mình về những điều tốt đẹp, bạn có động lực, mục đích cũng như là sự phấn chấn, cùng niềm tin mãnh liệt, đẩy lùi sự sợ hãi, tuyệt vọng...

- Dẫn chứng

+ Donald Trump - một nhà tỷ phú nổi tiếng từng phá sản bốn lần. Thế nhưng, ông đã thành công khi vực dậy công ty mình dẫu có lúc tưởng chừng như vô vọng. Nếu không hướng về những điều tích cực, khát khao, ước mơ tốt đẹp mà chỉ trượt dài trong nỗi thất vọng, thì liệu ông có thành công gây dựng lại sự nghiệp của chính mình?

+ Chị Phạm Thị Huệ - anh hùng Châu Á - một trong những người bị nhiễm HIV dám công khai thân phận của mình. Với dũng khí và một nghị lực mạnh mẽ, ý chí kiên định cùng sự lạc quan, chị Huệ luôn hướng về phía mặt trời - nơi tồn tại những hoài bão cao đẹp và tươi sáng nhất. Người phụ nữ được tạp chí Time của Mỹ bình chọn là "anh hùng Châu Á" này khiến mọi người phải cảm thấy cảm phục trước tinh thần lạc quan của chị. Sự lạc quan của vị "anh hùng" này không chỉ giúp chị đẩy lùi bóng tối đeo bám mình mà còn tiếp sức, soi sáng cho nhiều hoàn cảnh khác cùng cảnh ngộ ...

**3. Bàn luận mở rộng (1.0 điểm)**

- Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người ta dễ bị cuốn vào guồng quay vội vã, tất bật và việc bị áp lực đè nặng là không thể tránh khỏi. Vậy nên, thay vì lạc quan và tìm cách vượt qua, một số người vẫn chưa đủ sức để kiểm soát cảm xúc của chính mình. Họ sống những ngày dài trong trạng thái tiêu cực, luôn tự trách hay lo lắng hằng đêm, khiến cho cuộc sống chìm trong bầu không khí căng thẳng, u ám và tối tăm. Họ quên rằng khi "hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngã về sau". Vì thế, họ đánh mất đi những ngày hạnh phúc và cơ hội để vượt lên một tầm cao mới.

**4. Bài học nhận thức và hành động : để sống lạc quan , chúng ta phải làm gì? (1.5 điểm)**

- Câu danh ngôn là một hành trang cần thiết cho mỗi chúng ta, là một lời khuyên đúng đắn: phải luôn lạc quan và tin tưởng.

- Chúng ta cần suy nghĩ lạc quan hơn, sống tích cực và trân trọng từng giây phút được sống, nhất là tuổi trẻ. Mỗi chúng ta cần rèn luyện cho mình một "tinh thần thép", cố gắng vượt qua những giới hạn. Mỗi người đều cần có ước mơ, hoài bão, lý tưởng sống đúng đắn và kiên định theo đuổi, làm động lực để vượt qua gian nan, thử thách.

**III. Kết bài: (0.5 điểm)** Tóm lại “Hãy luôn hướng về mặt trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn” là một lời khuyên về cách sống rất ý nghĩa, đúng đắn. Chúng ta phải luôn hướng về những gì tốt đẹp nhất. Muốn vậy, ta phải rèn luyện ý chí, sống lạc quan, nhân ái hơn. Là học sinh, em cần học tập tinh thần lạc quan, chấp nhận mọi khó khan trong hiện tại, sông vui vẻ, yêu đời để thấy cuộc đời có giá trị sống , học tập và vươn lên.

**YÊU CẦU:**

- Về nội dung: đáp ứng đầy đủ các phần về nội dung của một bài văn nghị luận.

- Về hình thức: bố cục đầy đủ, ngắn gọn, không vuột qua 2 trang giấy thi, chính tả, dùng từ, đặt câu chuẩn xác.

**THANG ĐIỂM:**

+ 5-6 đ: đáp ứng tốt yêu cầu của đề, lời văn mạch lac, sáng tạo, chữ viết sạch, rõ ràng.

+ 4-3 đ : đáp ứng khá yêu cầu của đề, có đầy đủ các phần nhưng không chưa thể hiện ý kiến riêng.

+ 2-1 đ : đáp ứng yêu cầu của đề ở mức trung bình, lời văn lủng củng, dài dòng, không rõ các phần của văn nghị luận.

+ 0 đ: bỏ giấy trắng.

**Học sinh đọc kĩ đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**

Buồn trông cửa bể chiều hôm  
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?  
Buồn trông ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu?  
Buồn trông nội cỏ rầu rầu  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh  
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

*(Truyện Kiều- Nguyễn Du -Sách Ngữ văn 9/tập 1)*

**Câu 1**: (4.0 điểm)

1. (1.0 điểm): Ngữ liệu trên đề cập đến đoạn trích nào mà em đã học? Nêu nội dung của ngữ liệu trên.

b.(1.0 điểm): Tìm biện pháp tu từ có trong ngữ liệu trên và nêu tác dụng.

c.(1.0 điểm): Từ nội dung tác phẩm đã học liên quan đến ngữ liệu, em hãy nêu cảm nhận về các đặc điểm của nhân vật Thúy Kiều.

d.(1.0 điểm): Viết đoạn văn từ 4-6 câu trình bày suy nghĩ của em về người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**Câu 2**: (6.0 điểm):  *Hiện nay, khi chọn nghề, nhiều thanh niên, học sinh thường theo hai xu hướng sau: Hoặc chọn nghề làm ra nhiều tiền, hoặc chọn nghề mà bản thân mình yêu thích.*

Viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng 2 mặt giấy tập) bàn luận về vấn đề nêu trên.

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG THCS PHÚ LỢI** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC 2020 – 2021**

**MÔN: NGỮ VĂN – KHỐI 9 - ĐỀ B**

**Câu 1**:

a.(1.0 điểm) Học sinh trả lời 2 ý sau:

- Ngữ liệu trên đề cập đến đoạn trích: “Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du.(0,25 điểm)

- Nội dung tác phẩm: Qua tám câu thơ cuối đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích", Nguyễn Du đã gián tiếp miêu tả tâm trạng Kiều bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình rất đặc sắc. Hình ảnh cánh buồm thấp thoáng ngoài biển xa mênh mông trong buổi chiều ta gợi lên không gian xa lắc của quê nhà và không khí tĩnh lặng, qua đó thể hiện rõ nỗi nhớ quê hương da diết trong lòng Kiều. Còn hình ảnh “hoa trôi man mác” là hình ảnh tả thực về những bông hoa trôi nổi, bấp bênh trên mặt nước, bị sóng biển vùi dập, xô đẩy, qua đó diễn tả tâm trạng buồn tủi và những dự cảm tinh tế về tương lai không biết sẽ đi đâu về đâu của Thúy Kiều? Ôi cánh hoa mỏng manh như nâng Kiều đang ôm nỗi lo về số phận vô định trên dòng đời. Hình ảnh “nội cỏ rầu rầu” kéo dài đến tận “chân mây” vẫn chỉ một màu xanh đang héo úa ấy đã vẽ lên một cảnh tượng u ám, héo hắt, nó gợi cho người đọc cảm nhận được nỗi buồn triền miên, vô vọng của Thúy Kiều. Hai câu thơ cuối cùng tả cảnh "gió cuốn mặt duềnh” và âm thanh “ầm ầm tiếng sóng” gợi lên rất rõ cả hình ảnh, cả âm thanh của phong ba bão táp hung dữ sắp ập đến cuộc đời Kiều, khiến ta cảm thấy nỗi lo sợ hãi hùng trong lòng người con gái tài hóa trước bao tai họa ào ạt giáng xuống đời nàng. (0.75 điểm)

b.(1.0 điểm) Biện pháp tu từ trong ngữ liệu

- Điệp ngữ “Buồn trông”

- Tác dụng: Nhấn mạnh các nỗi buồn của Thúy Kiều

c.(1.0 điểm): Cảm nhận về đặc điểm của Thúy Kiều:( mỗi ý cho 0.25 điểm)

+ Tài sắc vẹn toàn

+ Hiếu thảo với cha mẹ

+Thủy chung với người yêu

+ Đa sầu, đa cảm

+ Luôn có ý thức thoát khỏi chốn bùn nhơ để giữ gìn nhân cách

+ Mang bi kịch xã hội, cuộc đời sóng gió trôi nổi

d.(1.0 điểm): Gợi ý: Người phụ nữ ngày xưa xuất hiện trong văn học thường là những người phụ nữ đẹp. Từ vẻ đẹp ngoại hình cho đến tính cách, nhưng mỗi người lại mang một vẻ đẹp khác nhau. Vẻ đẹp của người phụ nữ xưa bộc lộ trong tính chịu đựng, tần tảo, chịu thương chịu khó phục vụ gia đình chồng con. Người phụ nữ đẹp là thế, vậy mà đáng tiếc thay họ lại sống trong một xã hội phong kiến thối nát với bộ máy quan lại mục rỗng, chế độ trọng nam khinh nữ vùi dập số phận họ. Càng xinh đẹp ngoan hiền thì họ lại càng đau khổ, lại càng phải chịu nhiều sự chèn ép, bất công. . Thế nhưng, những người phụ nữ ấy vẫn luôn xinh đẹp, nết na, giàu lòng thương yêu và hết mực quan tâm đến mọi người xung quanh. Ta có thể bắt gặp lại hình ảnh của họ qua các tác phẩm văn học dân gian và văn học trung đại Việt Nam. Trong một xã hội phong kiến suy tàn và thối nát lúc bấy giờ, số phận của người phụ nữ thật bé nhỏ, long đong lận đận

Yêu cầu:

- Nội dung: phải đáp ứng yêu cầu của dề bài.( 0.5 điểm)

- Hình thức: Học sinh có thể làm thừa 1 câu cũng cho điểm trọn vẹn. Chỉ trừ điểm dư từ 2 câu trở lên ( -0.25 điểm)

**Câu 2**: (6.0 điểm):

Dàn ý gợi ý:

**I.Mở bài: (0.5 điểm)**  
-Khác với đại đa số thanh niên ngày trước, không mấy ai suy nghĩ, trăn trở gì lắm với cuộc đời vì “ai đã có phận nấy”, thanh niên ngày nay có nhiều cơ hội để lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai của mình, vì vậy ai cũng băn khoăn về con đường phía trước.  
-Đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời, mỗi người đều có một lựa chọn nghề nghiệp riêng, nhưng xu hướng chung mà phần đông thanh niên hiện nay đang hướng đến là họ chọn nghề làm ra nhiều tiền, hoặc chọn nghề mà bản thân họ ưa thích.  
-Chọn nghề là quyền của mỗi người, và tất nhiên, tôi cũng có quan điểm lựa chọn riêng của mình.  
**II.Thân bài: (5.0 điểm)**  
**1.Vai trò của việc chọn nghề đối với sinh viên, học sinh: (1.0 điểm)**  
-Việc chọn nghề có một tầm quan trọng đặc biệt vì nó không chỉ liên quan đến cuộc đời mỗi người mà còn liên quan đến cả gia đình, cộng đồng, xã hội.  
-Chọn nghề cũng thể hiện một phương diện quan trọng của quan điểm sống, lí tưởng của tuổi trẻ.  
**2.Trao đổi về hai xu hướng chọn nghề của học sinh hiện nay: (3.0 điểm)**  
***\*Chọn nghề làm ra nhiều tiền:(1.5 điểm)***  
-Mặt tích cực:  
+Tiền bạc là nhân tố quan trọng để tạo nên hạnh phúc (Hạnh phúc được hiểu theo nghĩa chung nhất là được thoã mãn những nhu cầu của con người). Nó là một phương tiện không thể thiếu để giúp con người thoả mãn những nhu cầu rất thiết thực trong cuộc sống và thực hiện được hoài bão, mơ ước của mình. Chính vì thế, khi cuộc sống còn nhiều gian khó, thiếu thốn thì tiền bạc mang ý nghĩa quyết định hạnh phúc. Chọn nghề theo hướng này sẽ đảm bảo được những yêu cầu về vật chất của bản thân, gia đình.  
+Tiền bạc được tạo ra từ bàn tay, khối óc, từ lao động chân chính cuả mình sẽ kiến tạo được một hạnh phúc lâu bền, đích thực.  
-Mặt hạn chế:  
+Tiền bạc chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ để tạo nên hạnh phúc. Nó có vai trò quan trong, thậm chí là quyết định nhưng không phải là điều kiện duy nhất để dệt nên hạnh phúc của con người. Bởi hạnh phúc chỉ thực sự trọn vẹn khi con người được no đủ về vật chất và thoải mái về tinh thần. Có tiền không phải là có tất cả.  
+nếu chọn nghề với mục đích làm ra nhiều tiền mà nghề ấy mình không yêu thích, không phù hợp thì công việc mỗi ngày sẽ trở thành gánh nặng suốt đời.  
***\*Chọn nghề mà mình yêu thích:(1.5 điểm)***-Mặt tích cực:  
+Thoả mãn được nhu cầu, sở thích ca nhân mình nên mỗi ngày sẽ là niềm vui, cuộc sống sẽ trở nên đáng yêu hơn khi đáp ứng niềm đam mê ấy của mình.  
+Yêu thích công việc bao giờ cũng là một tiền đề dẫn đến niềm mê say. Và một khi đã mê say công việc thì chắc chắn hiệu quả công việc sẽ cao hơn, thu nhập từng bước sẽ được nâng cao…  
-Mặt hạn chế:  
+Cuộc sống được tạo ra bởi muôn vàn mối quan hệ, không bao giờ cái “tôi” sở thích của mình cũng đáp ứng, hài hoà được với cái “ta” chung của gia đình, cộng đồng, xã hội. (Hạnh phúc không thể trọng vẹn nếu như mình không mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người).  
+Cuộc sống ngày càng phát triển, nhu cầu của xã hội và cá nhân ngày càng cao. Vì vậy nếu chọn nghề theo tiêu chí sở thích của bản thân mà không chú ý đến những mặt khác sẽ khó đáp ứng được những nhu cầu chính đáng do cuộc sống đặt ra.  
\*Nhận xét chung: Cả hai quan niệm nêu trên đều còn phiến diện vì mới chỉ xuất phát từ ý thức chủ quan chứ chưa quan tâm nhiều đến các phương diện khác trong đời sống.  
**3.Quan điểm chọn nghề của bản thân:(1.0 điểm)**-Không chỉ quan tâm đến sở thích cá nhân, chú ý đến vấn đề thu nhập mà còn căn cứ vào nhiều yếu tố khác: điều kiện kinh tế gia đình, năng lực, năng khiếu của bản thân, những chỉ định của nghề nghịêp, nhu cầu của xã hội, của đất nước.  
-Lúc cần thiết, có thể hi sinh quyền lợi, sở thích của mình để chọn lựa nghề theo yêu cầu của gia đình, quê hương, đất nước. (“ Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”).  
**III.Kết bài:(1.0 điểm)**  
- Chọn nghề không chỉ là chọn một công việc mà còn là chọn cho mình một tiền đồ. Xã hội càng phát triển thì việc lựa chọn nghề nghệp càng có ý nghĩa quan trọng. (Biết lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, đúng đắn thì chẳng khác nào như “tàu ra biển rộng, có kim chỉ nam để xác định hướng đi”, không thì như “chiếc bách giữa dòng, e dè gió dập, hãi hùng sóng va” – như cách nói của Nguyễn Khắc Viện).  
-Con đường trở thành “kẻ sĩ hiện đại” không hề đơn giản. không ai có thể lựa chọn nghề nghiệp thay cho mình. Muốn chọn lựa nghề nghiệp một cách đúng đắn nhất, thiết nghĩ mỗi người sẽ hướng đến “mẫu số chung” là đảm bảo sự hài hoà giữa nguyện vọng của cá nhân và nhu cầu của quốc gia, dân tộc.

**YÊU CẦU:**

- Về nội dung: đáp ứng đầy đủ các phần về nội dung của một bài văn nghị luận.

- Về hình thức: bố cục đầy đủ, ngắn gọn, không vuột qua 2 trang giấy thi, chính tả, dùng từ, đặt câu chuẩn xác.

**THANG ĐIỂM:**

+ 5-6 đ: đáp ứng tốt yêu cầu của đề, lời văn mạch lac, sáng tạo, chữ viết sạch, rõ ràng.

+ 4-3 đ : đáp ứng khá yêu cầu của đề, có đầy đủ các phần nhưng không chưa thể hiện ý kiến riêng.

+ 2-1 đ : đáp ứng yêu cầu của đề ở mức trung bình, lời văn lủng củng, dài dòng, không rõ các phần của văn nghị luận.

+ 0 đ: bỏ giấy trắng.

*( Các trướng hợp khác giám khảo xem xét, chấm điểm hợ*

**Ngày dạy: 29/10/2020**

**Lớp dạy: 9/2,9/4**

**Tuần 8**

**Tiết 39,40**

**TỔNG KẾT TỪ VỰNG**

**I. Mục tiêu cần đạt**:

**1. Kiến thức:**

- Một số khái niệm liên quan đến từ vựng

**2. Kĩ năng:**

**\* Kĩ năng chuyên môn:**

- Cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc - hiểu vắn bản và tạo lập văn bản

**\*Kĩ năng sống:**

- Giao tiếp: trao đổi về sự phát triển của từ vựng tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trao

đổi vốn từ và hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của từ vựng tiếng Việt

- Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp .

**3. Thái độ:**

Nhận thức được tầm quan trọng của việc trao dồi vốn từ.

**4. Định hướng năng lực/phẩm chất hình thành:**

**-** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác.

- Tự lực, tự tin, tự chủ.

**5. Nội dung lồng ghép, tích hợp:**

**II. Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học tích cực**

**-** Phân tích, qui nạp, thảo luận nhóm, vấn đáp,tái hiện, trực quan.

**-** Khăn trải bàn, trình bày một phút, động não.

**III.** **Phương tiện/ thiết bị dạy học:**

Sgk

**IV.Chuẩn bị**:

GV : Đọc và tham khảo tài liệu có liên quan.

HS : Soạn bài theo gợi ý sgk.

**V.Hoạt động dạy và học**

**1.Ổn định:** ( 1phút)

**2.Kiểm tra bài cũ:** (4phút) Kiểm tra vở soạn của HS.

**3.Bài mới:**

Giới thiệu bài (1phút): Tiếng Việt của ta vô cùng phong phú. Điều đó được thể hiện trên cả 3 bình diện: ngữ âm,từ vựng và ngữ pháp. Đặc biệt, trong lĩnh vực từ vựng luôn có sự biến đổi và phát triển không ngừng. Nhằm giúp các em củng cố, rèn luyện kĩ năng sử dụng vốn từ khi giao tiếp, hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em tổng kết nhngx kiến thức liên quan đến từ vựng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tg** | **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò-** | **Nội dung ghi bảng** |
| **9ph** | **Hoạt động 1:GV hướng dẫn, HS ôn lại từ đơn, từ phức, phân biệt các loại từ phức**  *\*Phương pháp: Vấn đáp, tái hiện.*  *\*Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não*.  *\*Phương tiện: SGK,* | HS lên bảng điền vào mô hình cấu tạo từ. | **Từ ( về mặt cấu tạo )**  Từ láy  Từđơn  Từ phức  Từ ghép |
|  | Cho HS lên bảng điền vào mô hình cấu tạo từ.  -Gọi HS trình bày khái niệm về từ đơn, từ phức, từ láy. | HS trả lời. |
|  | -Xác định từ ghép và từ láy trong những từ đã cho trong SGK ? | HS xác định :  - Từ láy: nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh.  - Từ ghép: Ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọt bèo, cây cỏ, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn. | 2.  - Từ láy: nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh.  - Từ ghép: Ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọt bèo, cây cỏ, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn. |
|  | -Trong các từ láy sau đây từ nào có sự giảm nghĩa và từ nào có sự tăng nghĩa so với tiếng gốc? | HS trả lời:  a-Những từ láy có sự giảm nghĩa: trăng trắng , đèm đẹp, nho nhỏ, lạnh lùng, xôm xốp  b-Những từ láy tăng nghĩa là sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô. | 3.  a-Những từ láy có sự giảm nghĩa: trăng trắng , đèm đẹp, nho nhỏ, lạnh lùng, xôm xốp  b-Những từ láy tăng nghĩa là sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô. |
| **8ph** | **Hoạt động 2:Ôn về thành ngữ.**  *\*Phương pháp: Vấn đáp, tái hiện, thảo luận nhóm.*  *\*Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não*, *chia nhóm.*  *\*Phương tiện: SGK,*  1-Thành ngữ là gì? Cho VD ? | Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh  VD: lên thác xuống ghềnh. | **II.Thành ngữ:**  1-Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh |
|  | Giải nghĩa những thành ngữ đã cho trong SGK ?  -Trong cuộc sống và học tập nếu làm việc “đánh trống bỏ dùi” thì sẽ dẫn đến hậu quả gì ?  - **GV cho HS thảo luận, thời gian 4 phút.**  - Chia lớp thành 4 nhóm, theo tổ, thảo luận theo yêu cầu :  Phân biệt thành ngữ và tục ngữ?  - GV phát phiếu học tập cho HS.  - Giám sát , nhắc nhở, hỗ trợ giúp đỡ khi cấn thiết.  - Nhận xét chung, tuyên dương nhóm làm việc tốt; nhắc nhở, phê bình nhóm chưa tốt. | HS làm việc độc lập.  HS trình bày, nhận xét.  - Gần mực thì đen gần đèn thì sáng:  Hoàn cảnh môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách, đạo đức con người  - Chó treo mèo đậy: Muốn giữ gìn thức ăn với chó phải treo lên, với mèo thì đậy lại.  HS trả lời.  - HS làm việc theo nhóm  Từng thành viên trong nhóm ghi ý kiến riêng của mình lên 4 góc của tờ giấy Ao, sau đó cả nhóm thống nhất ý kiến chung vào giữa tờ giấy. Hết thời gian thảo luận đại diện nhóm lên bảng dán kết quả thảo luận  + Quan sát, nhận xét, bổ sung. | 2.  a-Thành ngữ:  - Đánh trống bỏ dùi: làm việc không đến nơi đến chốn, bỏ dở thiếu trách nhiệm.  - Được voi đòi tiên: Tham lam, được cái này lại muốn có cái khác.  - Nước mắt cá sấu: Sự cảm thông, xót thương giả dối nhằm đánh lừa người khác  b-Tục ngữ:  - Gần mực thì đen gần đèn thì  sáng:  Hoàn cảnh môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách, đạo đức con người  - Chó treo mèo đậy: Muốn giữ gìn thức ăn với chó phải treo lên, với mèo thì đậy lại. |
|  | -Tìm hai thành ngữ chỉ yếu tố động vật và hai thành ngữ chỉ yếu tố thực vật.  Giải thích và đặt câu với mỗi thành ngữ tìm được. | HS tìm thành ngữ:  \* Có yếu tố chỉ động vật:  - Chó ngáp phải ruồi: Chỉ sự mật may  - Cưỡi ngựa xem hoa: Làm không kĩ lưỡng sơ sài  \* Thành ngữ chỉ yếu tố thực vật  - Dây cà ra dây muống: Nói dài dòng không mục đích.  Ví dụ : Chúng ta cần đi thẳng vào vấn đề không nên dây cà ra dây muống . | 3-Tìm thành ngữ:  \* Có yếu tố chỉ động vật:  - Chó ngáp phải ruồi.  - Cưỡi ngựa xem hoa.  \* Thành ngữ chỉ yếu tố thực vật  - Dây cà ra dây muống. |
|  | -Tìm hai dẫn chứng về việc sử dụng thành ngữ trong văn chương. | 4-Thành ngữ trong văn chương:  - Bảy nổi ba chìm với nước non.  - Quê hương anh nước mặn đồng chua.  Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá. |  |
| **9ph** | **Hoạt động 3**:  **Ôn về nghĩa của từ.**  *\*Phương pháp: Vấn đáp, tái hiện.*  *\*Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não*.  *\*Phương tiện: SGK.*  -Nghĩa của từ là gì?  -Chọn cách hiểu đúng nhất về nghĩa của từ ''mẹ'' trong sgk .  -Cách giải thích cề từ 'độ lượng '' cách giải thích nào là đúng vì sao? | -Cách hiểu đúng nhất :  Cách a: Nghĩa của từ mẹ là người phụ nữ có con nói trong mối quan hệ với con .  Cách giải thích thứ hai là đúng vì : cách thứ nhất vi phạm một nguyên tắc quan trọng tuân thủ khi giải nghĩa của từ vì đã dùng một cụm từ có nghĩa thực thể (đức tính rộng, lượng dễ thông cảm với người có sai lầm và dễ tha thứ - cụm danh từ ) để giải thích cho một từ chỉ đặc điểm, tính chất ( độ lương - tính từ ) | **III.Nghĩa của từ :**  1-Nghĩa của từ là nội dung mà từ đó biểu thị. |
| **8ph**  **3**  **phút** | **Hoạt đông 4**: **Cho HS ôn lại từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.**  *\*Phương pháp: Vấn đáp, tái hiện, thảo luận nhóm.*  *\*Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não*, chia nhóm.  *\*Phương tiện: SGK*  -Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa là gì ?  - **GV cho HS thảo luận, thời gian 4 phút.**  - Chia lớp thành 4 nhóm, theo tổ, thảo luận theo yêu cầu :  -Trong 2 câu thơ sau:  Nghĩ mình thêm tức nỗi nhà  Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng.  (*Truyện Kiều*-Nguyễn Du )  Từ *hoa* trong *thềm hoa, lệ hoa* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ? Có thể coi là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa không ? Vì sao ?  - GV phát phiếu học tập cho HS.  - Giám sát , nhắc nhở, hỗ trợ giúp đỡ khi cấn thiết.  - Nhận xét chung, tuyên dương nhóm làm việc tốt; nhắc nhở, phê bình nhóm chưa tốt.  **Hoạt động 5:( 3phút)**Củng cố.  *\*Phương pháp: Vấn đáp.*  *\*Kĩ t*huật: đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy, *trình bày 1 phút.*  Nêu các đơn vị kiến thức đã ôn tập ? | Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa. Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra từ nhiều nghĩa .  - HS thảo luận theo nhóm theo yêu cầu của GV.  + Đại diện nhóm trình bày.  + Báo cáo bằng miệng  + Nhận xét, bổ sung.  HS trả lời. | **IV.Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ** :  1-Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa. Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra từ nhiều nghĩa .  2- Từ *hoa* trong *thềm hoa, lệ hoa* được dùng theo nghĩa chuyển.Tuy nhiên không thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa vì nghĩa chuyển này của từ *hoa* chỉ là nghĩa chuyển lâm thời, nó chưa làm thay đổi nghĩa của từ, chưa đưa vào từ điển |

**Hoạt động III**: Hướng dẫn về nhà (2'ph)

- Nắm kiến thức bài học , hoàn thành bài tập vào vở.

- Xem lại các bài tập đã giải. Soạn bài: *Tổng kết từ vựng* phần còn lại (Từ đồng âm, Từ trái nghĩa, cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ, Trường từ vựng )

RÚT KINH NGHIỆM:

* Phần luyện tập gv cần hướng dẫn
* Cần lưu ý thời gian